HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13/2015/NQ-HĐND	*Phú Thọ, ngày 14 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 60/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 2502/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2016;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4855/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016:

I. DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2016

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 3.941.050 triệu đồng, bao gồm:

- Thu nội địa: 3.700.050 triệu đồng;

- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: 220.000 triệu đồng;

- Thu xổ số kiến thiết: 21.000 triệu đồng.

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 9.708.842 triệu đồng, bao gồm:

- Các khoản thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 3.646.920 triệu đồng;

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 5.737.878 triệu đồng;

- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định: 24.044 triệu đồng;

- Dự kiến huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước: 300.000 triệu đồng.

3. Thu phản ánh qua NSNN (Thu xổ số): 21.000 triệu đồng.

4. Tổng chi ngân sách địa phương: 9.708.842 triệu đồng,

Bao gồm:

a. Chi cân đối NSĐP: 8.153.739 triệu đồng:

- Chi đầu tư phát triển: 786.200 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 6.923.854 triệu đồng;

- Chi dự phòng ngân sách: 140.960 triệu đồng;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.200 triệu đồng;

- Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng so dự toán Trung ương giao: 1.525 triệu đồng;

- Dự kiến chi từ nguồn huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách Nhà nước: 300.000 triệu đồng.

b. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW: 1.555.103 triệu đồng.

5. Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh: 8.591.563 triệu đồng

a. Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh: 3.594.913 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 567.900 triệu đồng;

- Chi thường xuyên: 2.634.758 triệu đồng;

- Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do Hội đồng nhân dân tỉnh giao tăng so dự toán Trung ương giao: 1.525 triệu đồng;

- Chi dự phòng ngân sách: 89.530 triệu đồng;

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.200 triệu đồng;

- Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước: 300.000 triệu đồng.

b. Chi bổ sung cân đối cho ngân sách huyện: 3.441.547 triệu đồng.

c. Chi thực hiện chương trình mục tiêu: 1.555.103 triệu đồng.

6. Chi từ nguồn thu phản ánh qua Ngân sách nhà nước (Thu xổ số): 21.000 triệu đồng.

(Có các Phụ biểu chi tiết kèm theo).

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về thu ngân sách

(1) Tổ chức triển khai thực hiện tốt các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo Nghị quyết của Quốc hội. Tăng cường huy động các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để thu hút các nguồn vốn đầu tư, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài, tạo nguồn thu mới vững chắc và ổn định cho ngân sách.

(2) Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh theo Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ; tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng; thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững, tạo nguồn thu ngân sách ổn định, vững chắc.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, khuyến khích nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp; thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh xây dựng mô hình sản xuất theo hướng liên kết chặt chẽ giữa kinh tế hộ gia đình với doanh nghiệp, với thị trường để đưa nông nghiệp lên sản xuất quy mô lớn, giá trị tăng cao. Tập trung phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, bảo hiểm xã hội theo hướng tạo thuận lợi, giảm thiểu tối đa thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

- Rà soát, sửa đổi bổ sung, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi, khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là ưu đãi về đất đai, tiếp cận vốn, tín dụng đầu tư.

(3) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế; phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT, thực hiện kiểm tra trước khi hoàn thuế đối với 100% các trường hợp có rủi ro cao, kịp thời phát hiện, xử lý

nghiêm các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ NSNN.

(4) Tiếp tục duy trì và tranh thủ sự giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương về giải quyết các nguồn vốn đầu tư, nguồn vốn thực hiện các chương trình mục tiêu. Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình giai đoạn 2011 - 2015 về mục tiêu, nhiệm vụ, hiệu quả sử dụng vốn, trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị Bộ, ngành Trung ương cho giai đoạn 2016 - 2020.

2. Về chi ngân sách:

(1) Tiếp tục thực hiện quan điểm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp khả năng cân đối nguồn lực năm 2016 và kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, nhất là các khoản chi mua sắm trang thiết bị, tài sản công, chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, sách báo, tạp chí, xăng dầu, chi phí khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, động thổ, khởi công, khánh thành công trình, công tác phí trong nước và đi công tác nước ngoài từ ngân sách nhà nước;

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về NSNN, từng bước cơ cấu lại chi NSNN, bố trí tỷ lệ chi đầu tư hợp lý, đảm bảo chi cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chính sách an sinh xã hội. Rà soát tổng thể các chính sách an sinh xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án đã triển khai giai đoạn 2011 - 2015 để cắt giảm, lồng ghép các chính sách; xây dựng lộ trình, quy mô phù hợp đối với từng nhóm chính sách để thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020; chỉ ban hành các chính sách làm tăng chi NSNN khi thật sự cần thiết và bố trí được kinh phí để thực hiện.

Ưu tiên phân bổ vốn đầu tư phát triển để thu hồi vốn ứng, thanh toán nợ đọng XDCB, vốn cho các công trình chuyển tiếp, phần còn lại mới bố trí vốn cho các dự án mới. Lồng ghép, cắt giảm các chương trình hỗ trợ để đảm bảo việc thực hiện tập trung, hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối NSNN.

Rà soát giá các sản phẩm, dịch vụ được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất kinh doanh thực tế hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá thị trường, thu hút các thành phần kinh tế khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ công.

(2) Tiếp tục triển khai cơ chế hoạt động tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với thúc đẩy lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình đã đề ra tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ. Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện lộ trình thực hiện giá dịch vụ công (ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc lĩnh vực quản lý; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, xây dựng định mức

kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý,…) làm cơ sở để giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công. Từng bước chuyển phương thức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập sang cơ chế đặt hàng.

(3) Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính NSNN, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Hạn chế tối đa việc đề xuất ứng trước dự toán. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn đối với một số khoản chi thực sự cần thiết theo đúng quy định của pháp luật. Kiên quyết không thực hiện chuyển nguồn đối với các nhiệm vụ do chủ quan các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện chậm.

(4) Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Yêu cầu các ngành, các cấp và các đơn vị ngoài 10% tiết kiệm chi thường xuyên dành nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2016, tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) ngay từ khâu dự toán (ngân sách các cấp giữ lại phần tiết kiệm ngân sách trước khi giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương) để bố trí thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN, bảo đảm đúng dự toán được giao. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị của các cơ quan Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Uỷ ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết;

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khoá XVII, kỳ họp thứ Mười một thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

Phụ biểu số 1

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2015	Ước thực hiện năm 2015 (*)	% ƯTH/DT
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	**3.388.147**	**3.584.000**	**105,8**
I	**Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước**	**3.150.000**	**3.338.000**	**106,0**
1	Thu từ DNNN Trung ương	560.000	560.000	100,0
2	Thu từ DNNN địa phương	610.000	450.000	73,8
3	Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	150.000	110.000	73,3
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	985.000	1.000.000	101,5
5	Lệ phí trước bạ	150.000	200.000	133,3
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000	100,0
7	Thuế thu nhập cá nhân	95.000	120.000	126,3
8	Thuế bảo vệ môi trường	100.000	300.000	300,0
9	Phí và lệ phí	57.000	70.000	122,8
10	Tiền sử dụng đất	300.000	350.000	116,7
11	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	45.000	70.000	155,6
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		10.000	
13	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,..tại xã	16.000	16.000	100,0
14	Thu khác ngân sách	76.000	76.000	100,0
II	**Thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô**	**18.147**	**5.000**	**27,6**
III	**Thu thuế xuất, nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu**	**200.000**	**220.000**	**110,0**
IV	**Thu xổ số kiến thiết**	**20.000**	**21.000**	**105,0**

Ghi chú:

(*): Không bao gồm 299.280 triệu đồng các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Phụ biểu số 2

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2015	Ước TH năm 2015 (*)	%ƯTH /DT
	TỔNG CHI NSĐP (A + B + C)	**9.147.852**	**10.622.809**	**116,1**
A	**ChicânđốiNSĐP**	**7.758.642**	**7.996.841**	**103,1**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**527.400**	**537.400**	**101,9**
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	255.400	255.400	100,0
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270.000	280.000	103,7
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	100,0
II	**Chi thường xuyên**	**6.781.612**	**7.258.241**	**107,0**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	952.653	1.146.626	120,4
2	Chi sự nghiệp văn xã	4.116.990	4.337.995	105,4
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.928.272	2.928.272	100,0
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	2.678.823	*2.678.823*	*100,0*
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	249.449	*249.449*	*100,0*
	- Chi sự nghiệp y tế	695.057	700.351	100,8
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	24.760	24.000	96,9
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	129.487	143.451	110,8
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	29.965	29.965	100,0
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	21.739	21.739	100,0
	- Chi đảm bảo xã hội	287.710	490.217	170,4
3	Chi Quản lý hành chính	1.502.062	1.553.796	103,4
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	118.588	128.505	108,4
5	Chi khác ngân sách	18.405	18.405	100,0
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	72.914	72.914	100,0
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**148.430**		**-**
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.200**	**1.200**	**100,0**
V	**Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao**	**-**		
VII	**Dự kiến chi từ nguồn huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN**	**300.000**	**200.000**	**66,7**
B	**ChithựchiệncácCTMTOGvàmộtsốchương trình,dựán,nhiệmvụkhác**	**1.369.210**	**1.248.719**	**91,2**
C	**CáckhoảnchiđượcquảnlýquaNSNN**	**20.000**	**21.000**	**105,0**
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000	21.000	105,0
D	**Chikếtdưvàchuyểnnguồnnăm2015sangnăm 2016**		**1.356.249**	

Ghi chú:

(*): Không bao gồm 299.280 triệu đồng các khoản chi từ nguồn thu được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Phụ biểu số 3

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2015	Ước thực hiện năm 2015 (1)	Dự toán năm 2016
A	**TỔNGTHUNSNNTRÊNĐIABÀN**	**3.388.147**	**3.584.000**	**3.941.050**
1	Thu nội địa	3.150.000	3.338.000	3.700.050
2	Thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô	18.147	5.000	-
3	Thu từ xuất khẩu, nhập khẩu	200.000	220.000	220.000
4	Thu phản ánh qua NSNN (từ nguồn thu xổ số)	20.000	21.000	21.000
B	**THUNGÂNSÁCHĐIAPHƯƠNG**	**9.127.852**	**10.601.699**	**9.708.842**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.124.043	3.317.000	3.646.920
	- Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	*3.124.043*	3.317.000	3.646.920
	- Các khoản thu phân chia NSĐP hưởng theo tỷ lệ (%)			
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	5.703.809	6.035.699	5.737.878
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	*2.514.823*	*2.514.823*	*2.514.823*
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	*1.947.824*	*2.279.824*	*2.142.180*
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	*1.241.162*	*1.241.052*	*1.080.875*
3	Thu kết dư ngân sách năm 2014		10.000	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy		1.039.000	24.044
5	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000	200.000	300.000
C	**CHINGÂNSÁCHĐIAPHƯƠNG**	**9.127.852**	**10.601.809**	**9.708.842**
1	Chi đầu tư phát triển (Bao gồm cả chi hỗ trợ doanh nghiệp)	527.400	537.400	786.200
2	Chi thường xuyên (2)	6.781.612	7.258.241	6.923.854
3	Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật Ngân sách nhà nước	300.000	200.000	300.000
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200
5	Chi dự phòng ngân sách	148.430	-	140.960
6	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn do HĐND tỉnh giao thu tăng so với dự toán Trung ương giao	-	-	1.525
7	Chi kết dư, chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016	-	1.356.249	-
8	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.369.210	1.248.719	1.555.103

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản thu, chi được để lại quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu, chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

(2): Dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2016 đã bao gồm nguồn 10% tiết kiệm và 35-40% thu để lại thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

Phụ biểu số 4

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2015	ƯỚC THỰC HIỆN 2015 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2016
	TỔNG CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN	**3.388.147**	**3.584.000**	**3.941.050**
I	**Tổng các khoản thu cân đối NSNN**	**3.150.000**	**3.338.000**	**3.700.050**
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương	560.000	560.000	540.000
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương	610.000	450.000	520.000
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	150.000	110.000	120.000
4	Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	985.000	1.000.000	1.200.000
5	Lệ phí trước bạ	150.000	200.000	205.000
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	6.000	6.000
7	Thuế thu nhập cá nhân	95.000	120.000	130.000
8	Thuế bảo vệ môi trường	100.000	300.000	427.000
9	Thu phí và lệ phí	57.000	70.000	75.000
10	Tiền sử dụng đất	300.000	350.000	300.000
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	45.000	70.000	60.000
12	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản		10.000	13.000
13	Các khoản thu tại xã	16.500	16.000	17.400
14	Thu khác ngân sách	75.500	76.000	86.650
II	**Thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô**	**18.147**	**5.000**	
III	**Thuế XK, thuế NK, thuế TTĐB, thuế VAT hàng nhập khẩu do Hải quan thu**	**200.000**	**220.000**	**220.000**
IV	**Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN**	**20.000**	**21.000**	**21.000**
	- Thu xổ số kiến thiết	20.000	21.000	21.000
	TỔNG THU NSĐP	**9.147.852**	**10.622.809**	**9.729.842**
A	**Các khoản thu cân đối NSĐP**	**9.127.852**	**10.601.809**	**9.708.842**
1	Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp	3.124.043	3.317.000	3.646.920
	- Các khoản thu 100%	*3.124.043*	*3.317.000*	*3.646.920*
	- Thu phân chia tỷ lệ phần trăm (%)			
2	Thu bổ sung từ NSTW	5.703.809	6.035.809	5.737.878
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	*2.514.823*	*2.514.823*	*2.514.823*
	- Thu từ nguồn bổ sung có MT từ NSTW	*1.947.824*	*2.279.824*	*2.142.180*
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	*1.241.162*	*1.241.162*	*1.080.875*
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	-	1.039.000	24.044

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2015	ƯỚC THỰC HIỆN 2015 (*)	DỰ TOÁN NĂM 2016
4	Thu kết dư ngân sách năm 2014	-	10.000	-
5	Dự kiến thu huy động đầu tư xây dựng CSHT theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000	200.000	300.000
B	**Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN**	**20.000**	**21.000**	**21.000**
	- Thu xổ số kiến thiết	20.000	21.000	21.000

Ghi chú:

(*): Không bao gồm các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản thu phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Phụ biểu số 05

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2016
A	**Ngânsáchcấptỉnh**	
I	**Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh**	**8.591.563**
1	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	2.619.592
-	*Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%*	1.636.500
-	*Các khoản thu phân chia phần ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)*	983.092
2	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	5.647.927
	- Thu từ nguồn bổ sung cân đối NSĐP	2.514.823
	- Thu từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW	2.142.180
	- Nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách khác theo quy định	990.924
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang để thực hiện cải cách tiền lương và các nhiệm vụ còn lại theo chế độ quy định	24.044
4	Dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN	300.000
II	**Chi ngân sách cấp tỉnh**	**8.591.563**
1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (đã bao gồm chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - điều 8 Luật NSNN: 300.000 triệu đồng)	3.594.913
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	1.555.103
3	Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện	3.441.547
B	**Ngânsáchhuyện,thixã,thànhphốthuộctỉnh** (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường thị trấn)	
I	**Nguồn thu ngân sách huyện** (bao gồm cả NS xã, phường, thị trấn)	**4.558.826**
1	Thu ngân sách hưởng theo phân cấp	1.027.328
-	*Các khoản thu ngân sách huyện hưởng 100%*	234.050
-	*Các khoản thu phân chia NS huyện hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)*	793.278
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	3.531.498
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.441.547
-	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định	89.951
II	**Chi ngân sách huyện** (bao gồm NS cấp huyện và NS xã, phường thị trấn)	**4.558.826**

Phụ biểu số 06

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2015	Ước TH năm 2015 (1)	Dự toán năm 2016
	TỔNG CHI NSĐP (A + B + C + D)	**9.147.852**	**10.622.809**	**9.729.842**
A	**ChicânđốiNSĐP**	**7.758.642**	**7.996.841**	**8.153.739**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**527.400**	**537.400**	**786.200**
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung	255.400	255.400	514.200
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	270.000	280.000	270.000
3	Chi đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp theo chế độ	2.000	2.000	2.000
II	**Chi thường xuyên**	**6.781.612**	**7.258.241**	**6.923.854**
1	Chi sự nghiệp kinh tế	952.653	1.146.626	1.030.203
2	Chi sự nghiệp văn xã	4.116.990	4.337.995	4.167.168
	- Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	2.928.272	2.928.272	2.903.612
	+ Chi sự nghiệp giáo dục	*2.678.823*	*2.678.823*	*2.655.374*
	+ Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	*249.449*	*249.449*	*248.238*
	- Chi sự nghiệp y tế	695.057	700.351	699.502
	- Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	24.760	24.000	28.360
	- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	129.487	143.451	132.285
	- Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	29.965	29.965	31.343
	- Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	21.739	21.739	26.624
	- Chi đảm bảo xã hội	287.710	490.217	345.442
3	Chi Quản lý hành chính	1.502.062	1.553.796	1.536.167
4	Chi an ninh - quốc phòng địa phương	118.588	128.505	123.290
5	Chi khác ngân sách	18.405	18.405	18.405
6	Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	72.914	72.914	48.621
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các đối tượng CCB, TNXP, quân nhân, …)	64.914	64.914	40.621
	- Các nhiệm vụ dự kiến phát sinh khác	8.000	8.000	8.000
III	**Chi dự phòng ngân sách**	**148.430**		**140.960**
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.200**	**1.200**	**1.200**
V	**Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn thu do HĐND tỉnh giao tăng so với dự toán Trung ương giao**	**-**		**1.525**
VI	**Chi từ nguồn dự kiến huy động đầu tư theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN**	**300.000**	**200.000**	**300.000**
B	**ChitừnguồnbổsungcómụctiêuNSTWchoNSĐP**	**1.369.210**	**1.248.719**	**1.555.103**
C	**CáckhoảnchiđượcquảnlýquaNSNN**	**20.000**	**21.000**	**21.000**
	- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết	20.000	21.000	21.000
D	**Chi từ nguồn kết dư và chuyển nguồn năm 2015 sang 2016**		**1.356.249**	

Ghi chú:

(1): Không bao gồm các khoản chi được để lại chi và quản lý qua NSNN (các khoản ghi thu, ghi chi và các khoản chi phản ánh qua ngân sách theo quy định).

Phụ biểu số 07

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Việt Trì	Phú Thọ	Phù Ninh	Lâm Thao	Tam Nông	Thanh Thuỷ	Đoan Hùng	Thanh Ba	Hạ Hoà	Cẩm Khê	Yên Lập	Thanh Sơn	Tân Sơn
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**1.316.550**	**491.900**	**75.000**	**103.900**	**100.520**	**45.630**	**58.890**	**122.620**	**67.510**	**60.030**	**38.710**	**53.400**	**75.800**	**22.640**
1	**Thu từ các doanh nghiệp Trung ương**	**8.500**	**1.000**	**500**	**1.000**	**100**		**500**	**300**	**4.600**				**500**	
2	**Thu từ các doanh nghiệp địa phương và doanh nghiệp cổ phần hoá có vốn nhà nước**	**3.500**	**1.500**	**200**	**100**	**100**		**100**		**1.500**					
3	**Thu từ khu vực CTN ngoài QD**	**576.000**	**185.000**	**27.000**	**44.000**	**40.000**	**15.000**	**31.000**	**85.000**	**25.000**	**31.000**	**12.000**	**28.000**	**45.000**	**8.000**
	- Thu từ các DN ngoài QD	528.421	166.600	23.050	40.800	37.880	13.650	29.000	79.318	23.000	28.675	9.848	26.300	43.000	7.300
	- Thu từ các hộ KD cá thể	47.579	18.400	3.950	3.200	2.120	1.350	2.000	5.682	2.000	2.325	2.152	1.700	2.000	700
4	**Thuế thu nhập cá nhân**	**44.000**	**19.000**	**3.300**	**3.000**	**3.000**	**1.100**	**1.700**	**2.800**	**2.100**	**2.900**	**1.600**	**1.100**	**1.700**	**700**
5	**Thu tiền sử dụng đất (1)**	**290.000**	**125.000**	**20.000**	**22.000**	**25.000**	**15.000**	**12.000**	**12.000**	**12.000**	**10.000**	**10.000**	**10.000**	**10.000**	**7.000**
6	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**6.000**	**3.200**	**500**	**400**	**920**	**230**	**190**	**120**	**160**	**130**	**150**	**-**	**-**	**-**
	- Khu vực DNTƯ, DNĐP, DNĐTNN	1.490	950	30	150	350				10					
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	540	200	70	30	120	55	30	15	5	5	10			
	- Hộ gia đình, cá nhân	3.970	2.050	400	220	450	175	160	105	145	125	140	-	-	-
7	**Tiền thuê đất**	**60.000**	**32.000**	**2.000**	**11.000**	**10.000**	**600**	**300**	**1.000**	**1.500**	**200**	**560**	**200**	**600**	**40**
	- Khu vực DNTƯ, DNĐP, DNĐTNN	40.475	22.000	600	10.000	7.000	50	50		500	20	100	35	100	20
	- Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	19.525	10.000	1.400	1.000	3.000	550	250	1.000	1.000	180	460	165	500	20
	- Hộ gia đình, cá nhân	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	**Lệ phí trước bạ**	**205.000**	**98.000**	**13.000**	**15.500**	**12.000**	**6.000**	**6.000**	**13.000**	**10.000**	**9.000**	**7.000**	**6.000**	**7.000**	**2.500**
9	**Thu phí và lệ phí**	**55.500**	**9.500**	**3.300**	**3.000**	**3.000**	**2.800**	**3.500**	**3.000**	**7.700**	**3.200**	**2.500**	**5.000**	**7.000**	**2.000**
	- Phí bảo vệ MT khai thác khoáng sản	25.000	-	1.000	1.800	1.500	1.700	1.300	1.000	4.500	500	500	4.000	5.700	1.500
	- Phí, lệ phí còn lại (2)	30.500	9.500	2.300	1.200	1.500	1.100	2.200	2.000	3.200	2.700	2.000	1.000	1.300	500
10	**Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản**	**17.400**	**2.000**	**700**	**1.300**	**2.800**	**2.400**	**1.700**	**1.200**	**800**	**1.100**	**2.000**	**800**	**400**	**200**
11	**Thu khác ngân sách**	**50.650**	**15.700**	**4.500**	**2.600**	**3.600**	**2.500**	**1.900**	**4.200**	**2.150**	**2.500**	**2.900**	**2.300**	**3.600**	**2.200**
	- Thu phạt an toàn giao thông	39.000	13.000	4.000	1.500	2.500	2.000	1.500	3.000	1.500	2.000	2.000	2.000	2.500	1.500
	- Thu khác còn lại	11.650	2.700	500	1.100	1.100	500	400	1.200	650	500	900	300	1.100	700
B	**THU ĐIỀU TIẾT NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH, THỊ ĐƯỢC HƯỞNG** (Đã bao gồm ngân sách cấp xã)	**1.027.328**	**464.790**	**45.956**	**75.898**	**68.715**	**33.164**	**39.545**	**82.593**	**44.098**	**41.539**	**29.938**	**35.333**	**49.631**	**16.130**
1	**Thu điều tiết từ các khoản thu trên địa bàn:**	**828.728**	**289.890**	**45.906**	**65.325**	**64.670**	**33.113**	**39.440**	**76.554**	**44.098**	**41.480**	**29.351**	**35.333**	**47.810**	**15.760**
2	**Thu điều tiết từ các khoản do Cục Thuế tỉnh quản lý thu:**	**198.600**	**174.900**	**50**	**10.573**	**4.045**	**52**	**105**	**6.039**	**-**	**59**	**587**	**-**	**1.821**	**370**
	- Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh (Thu từ các DN ngoài quốc doanh)	195.400	174.900	-	10.000	4.000	-	-	5.000	-	-	-	-	1.500	-
	- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (UBND tỉnh cấp giấy phép)	3.200	-	50	573	45	52	105	1.039	-	59	587	-	321	370

Ghi chú:

(1): - Thành phố Việt Trì: Xã Hùng Lô, xã Thụy Vân, xã Sông Lô, xã Phượng Lâu: 7.000 triệu đồng;

- Thị xã Phú Thọ: Xã Thanh Minh, xã Phú Hộ: 1.000 triệu đồng;

(2): Đã bao gồm phí nước thải sinh hoạt do Công ty Cổ phần cấp nước Phú Thọ tổ chức thu (Việt Trì: 3.000 triệu đồng; thị xã Phú Thọ: 500 triệu đồng; huyện Phù Ninh: 150 triệu đồng); Không bao gồm phí chợ (được ghi thu phản ánh qua ngân sách nhà nước theo quy định).

Phụ biểu số 08

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thành, thị	Tổng thu NSNN trên địa bàn theo phân cấp	Thu NS huyện được hưởng theo phân cấp	Dự toán chi ngân sách huyện	Số bổ sung từ NS cấp tỉnh cho NS huyện (*)
1	Việt Trì	491.900	464.790	611.429	128.160
2	Phú Thọ	75.000	45.956	206.488	155.416
3	Phù Ninh	103.900	75.898	291.429	209.790
4	Lâm Thao	100.520	68.715	258.927	184.999
5	Tam Nông	45.630	33.164	276.427	238.519
6	Thanh Thuỷ	58.890	39.545	262.872	218.427
7	Đoan Hùng	122.620	82.593	361.002	272.382
8	Thanh Ba	67.510	44.098	341.257	290.024
9	Hạ Hòa	60.030	41.539	371.015	322.031
10	Cẩm Khê	38.710	29.938	448.932	412.225
11	Yên Lập	53.400	35.333	338.028	296.173
12	Thanh Sơn	75.800	49.631	457.698	400.560
13	Tân Sơn	22.640	16.130	333.324	312.842
Cộng		**1.316.550**	**1.027.328**	**4.558.826**	**3.441.547**

Ghi chú:

(*): Đã loại trừ một phần nguồn thu học phí, 10% tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách năm 2016 để thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định;

Phụ biểu số 09

CHI TỪ NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Kế hoạch năm 2016
1	Xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa các trạm y tế theo Đề án xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2012-2020 của tỉnh Phú Thọ	13.000
2	Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà lớp học Trường THCS Tu Vũ, huyện Thanh Thủy	2.000
3	Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà lớp học 02 tầng, 8 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Lương Lỗ, huyện Thanh Ba	1.500
4	Hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất trường Mầm non xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông	1.500
5	Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà điều hành, nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Tân Lập, huyện Thanh Sơn	1.500
6	Hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình nhà lớp học 02 tầng, 8 phòng trường Mầm non Đại Phạm, huyện Hạ Hòa	1.500
Tổng cộng		**21.000**

Phụ biểu số 10

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2016

(Kèm theo Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
	TỔNG CỘNG	**8.591.563**	**3.594.913**	**567.900**	**514.200**	**51.700**	**2.000**	**2.634.758**	**838.028**	**534.704**	**1.262.026**	**329.955**	**109.768**	**55.790**	**657.036**	**669.892**	**74.306**	**31.343**	**26.624**	**56.833**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**	**567.900**	**567.900**	**567.900**	**514.200**	**51.700**	**2.000**													
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH**	**2.634.758**	**2.634.758**	**-**				**2.634.758**	**838.028**	**534.704**	**1.262.026**	**329.955**	**109.768**	**55.790**	**657.036**	**669.892**	**74.306**	**31.343**	**26.624**	**56.833**
I	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	1.782.963	1.782.963	-				1.782.963	729.001	475.834	578.128	254.185	108.448	52.270	585.847	498.700	56.761	20.843	26.624	43.666
1	Văn phòng UBND tỉnh	25.137	25.137	-				25.137	4.399	2.827	17.911	22.137	-	-	3.000					
-	Chi định mức QLNN	7.683	7.683	-				7.683	3.904	2.608	1.171	7.683			-					
-	Trung tâm Công báo -Tin học	714	714	-				714	495	219		714			-					
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000	2.000			-					
-	Chi hoạt động của thường trực UBND	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000	3.000			-					
	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	140	140	-				140		-	140	140			-					
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000	3.000			-					
-	Kinh phí Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
-	In và phát hành Công báo của tỉnh	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				3.000					
-	Chi hoạt động của trụ sở tiếp công dân	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi cải tạo sân vườn trụ sở cảnh quan	3.000	3.000	-				3.000			3.000	3.000								
-	Chi khác	900	900	-				900		-	900	900			-					
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và	14.898	14.898	-				14.898	2.960	1.949	9.989	14.898			-					
-	Chi định mức	4.538	4.538	-				4.538	2.418	1.637	484	4.538			-					
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh	854	854	-				854	542	312		854			-					
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phí của các đại biểu cơ sở +Đặt báo +tài liệu chuyên môn các đại biểu	365	365	-				365		-	365	365			-					
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh	600	600	-				600		-	600	600			-					
-	Hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội	900	900	-				900		-	900	900			-					
-	Chi hoạt động của 3 ban của HĐND	600	600	-				600		-	600	600			-					
-	Chi các hoạt động giám sát ,	800	800	-				800		-	800	800			-					
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri	350	350	-				350		-	350	350			-					
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh	300	300	-				300		-	300	300			-					
	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật	160	160	-				160		-	160	160			-					
-	Chi hoạt động của Thường trực HĐND	2.500	2.500	-				2.500		-	2.500	2.500			-					
-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh	500	500	-				500		-	500	500			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi bản tin	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi hội nghị tổng kết HĐND khóa XVII-NK2011-2016.	250	250	-				250		-	250	250			-					
-	Chi phục vụ hoạt động bầu cử HĐND (giám sát bầu cử 20 cuộc).	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi mua sắm trang phục, cặp đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021 + kinh phí chia tay đại biểu nhiệm kỳ 2011-2016.	581	581	-				581		-	581	581			-					
-	Sửa chữa và mua sắm tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.486	8.486	-				8.486	3.555	2.248	2.683	8.486			-					
-	Chi định mức	6.286	6.286	-				6.286	3.538	2.248	500	6.286			-					
-	Hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm	50	50	-				50		-	50	50			-					
-	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi Ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi phụ cấp + trang phục thanh tra.	50	50	-				50	17	-	33	50			-					
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.	100	100	-				100		-	100	100			-					
-	Kinh phí chi một cửa liên thông	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
	Kinh phí nghiệp vụ Ban Đổi mới doanh	100	100	-				100			100	100								
-	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế	100	100	-				100		-	100	100			-					
4	Sở Khoa học và Công nghệ	22.176	22.176	-				22.176	1.922	1.244	19.010	3.166			-					
-	Chi định mức biên chế	3.166	3.166	-				3.166	1.922	1.244		3.166			-					
-	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển	11.429	11.429	-				11.429		-	11.429				-					
-	Công tác kế hoạch hoá. Thống kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh; Quản lý	1.200	1.200	-				1.200		-	1.200				-					
-	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh	350	350	-				350		-	350				-					
-	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và	220	220	-				220		-	220				-					
-	Hoạt động tin học và thông tin khoa học	400	400	-				400		-	400				-					
-	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	400	400	-				400		-	400				-					
-	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	400	400	-				400		-	400				-					
-	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	500	500	-				500		-	500				-					
-	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	411	411	-				411		-	411				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và	1.200	1.200	-				1.200		-	1.200				-					
-	Khảo sát, xác định các kết quả nghiên cứu khoa học của chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc; rà soát, đánh giá tính ứng dụng các kết quả nghiên cứu của các đề tài dự án KHCN từ 2010 đến nay để	500	500	-				500		-	500				-					
-	Hỗ trợ nhân rộng kết qủa nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
5	TT tin học và thông tin KH và CN (Sở	1.104	1.104	-				1.104	594	210	300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Chi định mức	904	904	-				904	594	210	100				-					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-				200		-	200				-					
6	TT Kỹ thuật đo lường - thử nghiệm (Sở	831	831	-				831	550	181	100				-					
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH và CN	993	993	-				993	648	245	100				-					
8	Qũy phát triển khoa học và công nghệ (Sở	2.522	2.522	-				2.522	165	57	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	322	322	-				322	165	57	100				-					
-	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát	200	200	-				200		-	200				-					
-	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-					
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1.402	1.402	-				1.402	882	520		1.402			-					
10	Chi cục thú y	9.044	9.044	-				9.044	4.152	1.871	3.020	1.487			-					
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.487	1.487	-				1.487	945	542		1.487			-					
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.245	4.245	-				4.245	2.915	1.330					-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành	292	292	-				292	292	-					-					
-	Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thuỷ sản và phòng chống bệnh dại	500	500	-				500		-	500				-					
-	Phòng chống dịch diện rộng (thực hiện 02 đợt tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm + 02 đợt phun khử trùng).	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-					
-	Kinh phí sửa chữa các trạm thú y huyện Yên Lập, Đoan Hùng .	200	200	-				200		-	200				-					
-	Thuê trụ sở làm việc các trạm: Việt Trì, Thanh Thuỷ, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ	120	120	-				120		-	120				-					
-	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền: 120 triệu đồng; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi: 80 triệu đồng.	200	200	-				200		-	200				-					
11	VP Chi cục bảo vệ thực vật	7.290	7.290	-				7.290	3.816	2.024	1.450	1.266			-					
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.266	1.266	-				1.266	756	510		1.266			-					
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	4.422	4.422	-				4.422	2.809	1.513	100				-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành + trang phục	251	251	-				251	251	-	-				-					
-	Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích	150	150	-				150		-	150				-					
-	Hỗ trợ công tác tuyên truyền	100	100	-				100		-	100				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng.	100	100	-				100		-	100				-					
-	Sửa chữa nhà lưới phục vụ công tác dự tính, dự báo, điều tra sâu bệnh.	350	350	-				350		-	350				-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				-					
-	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh + duy	450	450	-				450		-	450				-					
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5.631	5.631	-				5.631	2.455	1.501	1.675	5.031			-					
-	Chi định mức biên chế	4.098	4.098	-				4.098	2.418	1.480	200	4.098			-					
-	Chi Phụ cấp + trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích	233	233	-				233	37	21	175	233			-					
-	Chi cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Ban chỉ đạo các chương trình nông	200	200	-				200		-	200				-					
-	Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX	400	400	-				400		-	400				-					
13	Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão	13.109	13.109	-				13.109	2.378	1.131	9.600	1.150			-					
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.150	1.150	-				1.150	693	457		1.150			-					
-	Chi định mức đội quản lý đê	2.186	2.186	-				2.186	1.512	674					-					
-	Phụ cấp ưu đãi ngành	173	173	-				173	173	-					-					
-	Tu bổ đê, kè cống	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				-					
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000				-					
-	Chi nghiệp vụ (Trong đó chi cho Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão: 400 triệu	600	600	-				600		-	600				-					
14	Chi cục Thuỷ lợi	8.954	8.954	-				8.954	1.710	844	6.400	1.709			-					
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.709	1.709	-				1.709	1.008	601	100	1.709			-					
-	Định mức biên chế sự nghiệp	1.245	1.245	-				1.245	702	243	300				-					
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn	200	200	-				200		-	200				-					
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường	300	300	-				300		-	300				-					
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				-					
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản	500	500	-				500		-	500				-					
15	Chi cục Thuỷ sản	3.696	3.696	-				3.696	1.294	602	1.800	1.446			-					
-	Chi định mức biên chế QLNN	1.446	1.446	-				1.446	819	427	200	1.446			-					
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	650	650	-				650	475	175					-					
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ , bảo tồn lưu giữ giống cá	400	400	-				400		-	400				-					
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn	300	300	-				300		-	300				-					
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thuỷ sản (chi lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra…); điều tra , lấy mẫu thức ăn phục vụ	200	200	-				200		-	200				-					
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn	400	400	-				400		-	400				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thuỷ sản + nghiệp vụ	300	300	-				300		-	300				-					
16	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản	2.978	2.978	-				2.978	819	479	1.680	2.978			-					
-	Chi định mức	1.298	1.298	-				1.298	819	479	-	1.298			-					
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ	30	30	-				30		-	30	30			-					
-	Mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài	400	400	-				400		-	400	400			-					
-	Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (QĐ số 3073/QĐ-BNN-QLCL ngày	600	600	-				600		-	600	600			-					
	Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích …	350	350	-				350		-	350	350			-					
17	Chi cục Lâm nghiệp	1.972	1.972	-				1.972	850	522	600	1.654			-					
-	Chi định mức biên chế	1.154	1.154	-				1.154	630	424	100	1.154			-					
-	Chi sửa chữa tài sản cố định	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi trang phục, mua sắm thiết bị và chi nghiệp vụ phục vụ thanh tra	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp	318	318	-				318	220	98					-					
18	Chi cục phát triển nông thôn	2.931	2.931	-				2.931	1.220	641	1.070	2.261			-					
-	Chi định mức QLNN	1.605	1.605	-				1.605	945	560	100	1.605			-					
-	Chi định mức sự nghiệp	356	356	-				356	275	81		356			-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí hội chợ làng nghề	200	200	-				200		-	200				-					
-	Chi kiểm tra làng nghề và thưởng công nhận làng nghề (dự kiến 6 làng nghề x30	170	170	-				170		-	170				-					
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo và văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ	300	300	-				300		-	300				-					
19	Chi cục Kiểm lâm	36.116	36.116	-				36.116	16.331	13.236	6.549	30.817			-					
-	Chi định mức	22.470	22.470	-				22.470	12.870	9.300	300	22.470			-					
-	Phụ cấp theo NĐ 116/2010/NĐ-CP.	2.240	2.240	-				2.240		2.240		2.240			-					
-	Chi mua sắm tài sản (trụ sở mới)	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, trang phục: 450 triệu đồng	5.608	5.608	-				5.608	3.461	1.697	450	5.608			-					
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR.	300	300	-				300		-	300				-					
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng cản lửa.	180	180	-				180		-	180				-					
-	Chi nghiệp vụ+ mua thiết bị .	300	300	-				300		-	300				-					
-	Nuôi dưỡng chăm sóc chó nghiệp vụ	10	10	-				10		-	10				-					
-	Bảo vệ rừng mùa khô hanh 139 xuất	250	250	-				250		-	250				-					
-	Chi phí kiểm kê rừng	3.259	3.259	-				3.259		-	3.259				-					
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt, trạm kiểm lâm: Việt Trì, Thanh Ba, Thanh Sơn, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Tam Nông, Hà Thạch.	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn	5.224	5.224	-				5.224	1.802	2.022	1.400				-					
-	Chi định mức	4.724	4.724	-				4.724	1.802	2.022	900				-					
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	500	500	-				500		-	500				-					
21	BQL rừng phòng hộ Sông Bứa	921	921	-				921	385	136	400				-					
-	Chi định mức biên chế	721	721	-				721	385	136	200				-					
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				-					
22	BQL rừng phòng hộ Ngòi Giành	1.482	1.482	-				1.482	385	397	700				-					
-	Chi định mức biên chế	982	982	-				982	385	397	200				-					
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500				-					
23	Trung tâm khuyến nông	6.217	6.217	-				6.217	1.855	762	3.600				-					
-	Chi định mức	2.617	2.617	-				2.617	1.855	762					-					
-	Thông tin tuyên truyền	300	300	-				300		-	300				-					
-	Tham quan học tập	100	100	-				100		-	100				-					
-	Tập huấn, huấn luyện	300	300	-				300		-	300				-					
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoan Hùng	200	200	-				200		-	200				-					
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên	200	200	-				200		-	200				-					
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông,	1.800	1.800	-				1.800		-	1.800				-					
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công	500	500	-				500		-	500				-					
-	Chi hỗ trợ tiêu thu sản phẩm cho nông	200	200	-				200		-	200				-					
24	Trung tâm Giống vật nuôi Phú Thọ	3.836	3.836	-				3.836	903	433	2.500				-					
-	Chi định mức biên chế	1.636	1.636	-				1.636	903	433	300				-					
-	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng	800	800	-				800		-	800				-					
-	Hỗ trợ sản xuất gà giống	300	300	-				300		-	300				-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500				-					
-	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn	300	300	-				300		-	300				-					
-	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng PP thụ tinh	300	300	-				300		-	300				-					
25	BQL Dự án công trình xây dựng nông nghiệp và PTNT	384	384	-				384	243	142	-				-					
26	Sở Nội vụ	6.103	6.103	-				6.103	2.562	1.841	1.700	6.103			-					
	Chi định mức	4.803	4.803	-				4.803	2.562	1.841	400	4.803			-					
	KP thực hiện chương trình phát triển thanh niên GĐ 2015-2020 theo QĐ số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011của Thủ tướng CP; Đánh giá thực hiện đề án thí	300	300	-				300		-	300	300			-					
	Kinh phí thực hiện cải cách hành chính, triển khai chính sách tinh giản biên chế	500	500	-				500			500	500								
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và lắp đặt	500	500	-				500		-	500	500			-					
27	Ban Tôn giáo	1.432	1.432	-				1.432	441	291	700	1.432			-					
	Chi định mức	832	832	-				832	441	291	100	832			-					
	Mua sắm tài sản, chi nghiệp vụ	300	300	-				300		-	300	300			-					
	Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo	300	300	-				300		-	300	300			-					
28	Ban dân tộc	3.082	3.082	-				3.082	1.240	892	950	3.082			-					
	Chi định mức biên chế	2.132	2.132	-				2.132	1.240	892		2.132			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín	400	400	-				400		-	400	400			-					
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	300	300	-				300		-	300	300			-					
	Chi nghiệp vụ	250	250	-				250		-	250	250			-					
29	Ban thi đua khen thưởng	1.900	1.900	-				1.900	882	518	500	1.900			-					
-	Chi định mức	1.400	1.400	-				1.400	882	518		1.400			-					
-	Mua sắm sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua KT	300	300	-				300		-	300	300			-					
30	Thanh tra tỉnh	7.253	7.253	-				7.253	3.351	1.852	2.050	7.253			-					
-	Chi theo định mức	4.594	4.594	-				4.594	2.542	1.852	200	4.594			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành , thâm niên ,	769	769	-				769	569	-	200	769			-					
-	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý	240	240	-				240	240	-		240			-					
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản .	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí duy trì mạng Lan và trang thông tin điện tử	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi Ban chỉ đạo Đề án 1-1133 về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-	600	600	-				600		-	600	600			-					
-	Chi nghiệp vụ	350	350	-				350		-	350	350			-					
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)	1.281	1.281	-				1.281	540	241	500	1.281			-					
-	Chi theo định mức	881	881	-				881	540	241	100	881			-					
-	Chi xuất bản Bản tin thanh tra, tiền nhuận bút , nghiệp vụ duy trì thông tin điện tử , tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Mua sắm tài sảm	200	200	-				200		-	200	200			-					
32	Sở Tài chính	11.110	11.110	-				11.110	4.772	3.038	3.300	11.110			-					
-	Chi theo định mức	7.814	7.814	-				7.814	4.331	2.983	500	7.814			-					
-	Công bố giá hàng tháng	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Duy trì diện rộng hệ thống TABMIT….	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật	50	50	-				50		-	50	50			-					
-	Kinh phí thực hiện Thông tư 123/2011/TT-BTC; Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013; Thông tư 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 về quản lý, kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản các công trình nước sạch, TS ban QL dự án vào hệ thống quản lý quốc gia; triển khai thực hiện QĐ số: 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 về kiểm tra, rà soát, xây dựng phương án sắp	400	400	-				400		-	400	400			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																			
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																		
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực													
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ										
-	Kinh phí chi nghiệp vụ thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện cs thuỷ lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ, giao nhận và	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo NĐ 44/2014/NĐ-CP ; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo NĐ 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC;TT số 38/2014/TT-BTC theo quy	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thống kê, lưu trữ	450	450	-				450		-	450	450			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi, thâm niên ngành + trang phục Thanh tra	496	496	-				496	441	55		496			-					
33	Sở Công thương	9.843	9.843	-				9.843	3.494	2.469	3.880	9.843			-					
-	Chi định mức	6.146	6.146	-				6.146	3.416	2.430	300	6.146			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi; thâm niên; trang phục	148	148	-				148	78	40	30	148			-					
-	Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.	550	550	-				550		-	550	550			-					
-	Chi xúc tiến thương mai, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng	600	600	-				600		-	600	600			-					
-	Kinh phí bàn giao lưới điện áp nông thôn (Ban QL JII); Tổ chức thu hồi vốn DA	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi BCĐ an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025.	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành	500	500	-				500		-	500	500			-					
34	Sở Xây dựng	6.348	6.348	-				6.348	3.111	1.941	1.296	6.348			-					
-	Chi định mức	5.252	5.252	-				5.252	3.111	1.941	200	5.252			-					
-	Chi mua trang phục cho thanh tra viên	26	26	-				26		-	26	26			-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	270	270	-				270		-	270	270			-					
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng	50	50	-				50		-	50	50			-					
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/ TT-BXD ngày	150	150	-				150		-	150	150			-					
-	Kinh phí hoạt động của BCĐ thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ	200	200	-				200		-	200	200			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2016.	400	400	-				400		-	400	400			-					
35	Sở Giao thông vận tải	35.227	35.227	-				35.227	4.542	7.705	22.980	8.047			-					
-	Chi định mức	7.306	7.306	-				7.306	4.453	2.553	300	7.306			-					
-	Mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi phụ cấp thanh tra + trang phục thanh tra giao thông	440	440	-				440	89	51	300	440			-					
-	Duy tu sửa chữa TX đường tỉnh (730 km-137,56+143)x 30	27.180	27.180	-				27.180	-	5.100	22.080				-					
36	Sở Tư pháp.	7.531	7.531	-				7.531	2.418	1.500	3.613	7.531			-					
	Chi định mức	4.218	4.218	-				4.218	2.418	1.500	300	4.218			-					
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành	400	400	-				400		-	400	400			-					
-	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2triệu đồng/xã/năm; Riêng huyện Tân sơn: 2,5 triệu đồng/xã/năm)	563	563	-				563		-	563	563			-					
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp: Mua biểu mẫu , sổ sách cấp hộ tịch cho các xã phường, thị trấn ; quản lý khai thác	400	400	-				400		-	400	400			-					
-	Kinh phí chi phục vụ Công tác xây dựng thi hành VBQP pháp luật; Công tác hành	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở	350	350	-				350		-	350	350			-					
-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục	500	500	-				500		-	500	500			-					
37	Sở Tài nguyên và Môi trường	19.472	19.472	-				19.472	2.525	1.847	15.100	4.672			-					
-	Chi định mức	4.509	4.509	-				4.509	2.418	1.791	300	4.509			-					
-	Chi phụ cấp + thâm niên thanh tra	163	163	-				163	107	55		163			-					
-	Chính lý biến động đất đai	200	200	-				200		-	200				-					
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 cấp tỉnh	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh	500	500	-				500		-	500				-					
-	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				-					
-	Dự án khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	200	200	-				200		-	200				-					
-	Rà soát khu vực cấm, tạm cấm khai thác	500	500	-				500		-	500				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Các hoạt động quản lý khoáng sản và thẩm định cấp quyền khai thác khoáng	200	200	-				200		-	200				-					
-	Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Triển khai dự án ứng phó biến đổi khí hậu	300	300	-				300		-	300				-					
-	Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hoá đất kỳ đầu tỉnh Phú Thọ	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Các hoạt động quản lý TN nước -KTTV	100	100	-				100		-	100				-					
-	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Trang thông tin + bản tin Tài nguyên môi	400	400	-				400		-	400				-					
-	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh	100	100	-				100		-	100				-					
-	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường	500	500	-				500		-	500				-					
-	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện CT bảo vệ môi trường	200	200	-				200		-	200				-					
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành	300	300	-				300		-	300				-					
-	Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					
-	Chi trang phục và nghiệp vụ thanh tra	200	200	-				200		-	200				-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên	400	400	-				400		-	400				-					
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm	500	500	-				500		-	500				-					
-	Kinh phí đo đạc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ	200	200	-				200		-	200				-					
38	Chi cục quản lý đất đai	2.465	2.465	-				2.465	1.008	507	950	2.365			-					
-	Chi định mức	1.715	1.715	-				1.715	1.008	507	200	1.715			-					
-	Chi tuyên truyền phổ biến Luật đất đai	200	200	-				200		-	200	200			-					
	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDĐ, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.	250	250	-				250		-	250	250			-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất	100	100	-				100		-	100				-					
39	Chi cục Bảo vệ Môi trường	2.677	2.677	-				2.677	1.134	543	1.000	1.777			-					
-	Chi định mức	1.677	1.677	-				1.677	1.134	543		1.677			-					
-	Chi sửa chữa tài sản	100	100	-				100		-	100	100			-					
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về	200	200	-				200		-	200				-					
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định ĐTM	350	350	-				350		-	350				-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác chuyên	100	100	-				100		-	100				-					
-	Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý MT trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi	250	250	-				250		-	250				-					
40	Trung tâm Công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và Môi trường)	1.209	1.209	-				1.209	330	179	700				-					
-	Chi định mức	1.009	1.009	-				1.009	330	179	500				-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				-					
41	Trung tâm Quan trắc bảo vệ môi trường	1.509	1.509	-				1.509	385	174	950				-					
-	Chi định mức	909	909	-				909	385	174	350				-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				-					
-	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động	400	400	-				400		-	400				-					
42	Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên	1.592	1.592	-				1.592	523	320	750				-					
	Chi định mức	1.292	1.292	-				1.292	523	320	450				-					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300				-					
43	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	870	870	-				870	340	181	350				-					
	Chi định mức	670	670	-				670	340	181	150				-					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				-					
44	Trung tâm phát triển quỹ đất	1.588	1.588	-				1.588	713	325	550				-					
	Chi định mức	1.288	1.288	-				1.288	713	325	250				-					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300				-					
45	Quỹ Bảo vệ môi trường (Trong đó sửa chữa mua sắm TS: 200 triệu đồng)	527	527	-				527	165	62	300				-					
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	33.330	33.330	-				33.330	9.416	5.354	18.560	7.456			-		24.374	1.500		
*	Chi định mức QLNN	6.956	6.956	-				6.956	3.965	2.691	300	6.956			-					
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
*	Đoàn kịch	6.154	6.154	-				6.154	1.857	917	3.380				-		6.154			
-	Định mức	2.604	2.604	-				2.604	1.749	855					-		2.604			
-	Phụ cấp ưu đãi ngành	169	169	-				169	108	62					-		169			
-	Xây dựng vở mới	500	500	-				500		-	500				-		500			
-	Biểu diễn miền núi	200	200	-				200		-	200				-		200			
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà công	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-		2.000			
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	400	400	-				400		-	400				-		400			
-	Dàn dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	80	80	-				80		-	80				-		80			
*	Đoàn chèo	6.216	6.216	-				6.216	2.191	1.145	2.880				-		6.216			
-	Định mức	3.141	3.141	-				3.141	2.067	1.074					-		3.141			
-	Phụ cấp ưu đãi ngành	195	195	-				195	124	71					-		195			
-	Xây dựng vở mới	600	600	-				600		-	600				-		600			
-	Biểu diễn miền núi	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Chi sửa chữa , mua sắm thiết bị	800	800	-				800		-	800				-		800			
-	Chi bồi dưỡng luyện tập	450	450	-				450		-	450				-		450			
-	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm	200	200	-				200		-	200				-		200			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Soan và di sản khác	150	150	-				150		-	150				-		150			
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật	80	80	-				80		-	80				-		80			
*	Nghiệp vụ VHTT	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000				-		4.000			
*	Trung tâm Văn hoá thông tin	2.205	2.205	-				2.205	1.404	601	200				-		2.205			
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình	600	600	-				600		-	600				-		600			
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-		1.000			
*	Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá	200	200	-				200		-	200				-		200			
*	Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ GĐ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch PT; xây dựng 01 sản phẩm du lịch	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				-		1.500			
*	Chương trình hợp tác phát triển 5 tỉnh Tây bắc mở rộng	500	500	-				500		-	500				-		500			
*	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở	500	500	-				500		-	500				-		500			
*	Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện	1.500	1.500	-				1.500			1.500						1.500			
*	Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				-			1.500		
47	Bảo tàng Hùng Vương	3.932	3.932	-				3.932	1.080	502	2.350	-	-	-	-	-	3.932	-	-	-
-	Chi định mức	1.982	1.982	-				1.982	1.080	502	400				-		1.982			
-	Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Khai quật + bảo tồn di tích khảo cổ học Phùng Nguyên - Kinh Kệ - Lâm Thao.	500	500	-				500		-	500				-		500			
-	Điều tra nghiên cứu sưu tầm và hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011; Điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản VH truyền thống điển hình	400	400	-				400		-	400				-		400			
-	Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường sa, Hoàng Sa	150	150	-				150		-	150				-		150			
-	Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Chi sửa chữa mái nhà Bảo tàng	300	300	-				300		-	300				-		300			
48	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền	345	345	-				345	220	125	-				-		345			
49	Thư viện khoa học tổng hợp	4.854	4.854	-				4.854	1.242	542	3.070				-		4.854			
-	Chi định mức	2.084	2.084	-				2.084	1.242	542	300				-		2.084			
-	Kinh phí mua sắm tài sản, công cụ phục vụ nghiệp vụ	500	500	-				500		-	500				-		500			
-	Kinh phí xử lý mối, bảo quản sách	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Chi phí bảo dưỡng duy trì thư viện điện tử, xây dựng Website thư viện	300	300	-				300		-	300				-		300			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi tổ chức cuộc thi Thiếu nhi Đất tổ kể chuyện sách hè; cuộc thi liên hoan tiếng hát ngành thư viện; triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương; tổ chức kỷ	400	400	-				400		-	400				-		400			
-	Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư	170	170	-				170		-	170				-		170			
-	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện	700	700	-				700		-	700				-		700			
-	Chi bổ sung sách cho kho luân chuyển đến các điểm bưu điện- văn hoá xã	400	400	-				400		-	400				-		400			
50	Khu di tích lịch sử Đền Hùng	7.301	7.301	-				7.301	4.185	2.116	1.000	-	-	-	-	-	7.301	-	-	-
-	Chi định mức	6.301	6.301	-				6.301	4.185	2.116					-		6.301			
-	Chi mua sắm tài sản (trụ sở mới).	500	500	-				500		-	500				-		500			
-	Chi xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương,	500	500	-				500		-	500				-		500			
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú	2.399	2.399	-				2.399	756	346	1.298				-		2.399			
-	Chi định mức	1.102	1.102	-				1.102	756	346	-				-		1.102			
-	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành	180	180	-				180	-	-	180				-		180			
-	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên	123	123	-				123	-	-	123				-		123			
-	Kinh phí mở lớp năng khiếu sáng tác bồ dưỡng tài năng trẻ	70	70	-				70	-	-	70				-		70			
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ VN năm 2015: 50 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc	110	110	-				110	-	-	110				-		110			
-	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ	135	135	-				135	-	-	135				-		135			
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200	-	-	200				-		200			
-	Kin ph ổ c ứ ội t áo cá in Tâ Bắc và Đông Bắc bộ (16 tỉnh) chủ đề: Văn học NT với xây dựng Việt Trì thành	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút	380	380	-				380	-	-	380				-		380			
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tổ	1.669	1.669	-				1.669	1.021	198	450				-		1.669			
-	Chi định mức	586	586	-				586	388	198					-		586			
-	Hỗ trợ trả nhuận bút TCVNĐT và phụ san TCVNĐT	633	633	-				633	633	-					-		633			
-	Cấp tạp chí VH đất tổ cho các xã	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Kinh phí tổ chức triển lãm nghệ thuật "Hồ Chí Minh - Tên người là cả một niềm thơ"; tổ chức hội báo xuân; xuất bản các	150	150	-				150		-	150				-		150			
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	200	-				200		-	200				-		200			
53	Hội Nhà báo	962	962	-				962	425	137	400				-		962			
-	Chi định mức	412	412	-				412	275	137	-				-		412			
-	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm	150	150	-				150	150	-					-		150			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-				300		-	300				-		300			
54	TT phát hành phim và chiếu bóng	7.672	7.672	-				7.672	4.959	213	2.500				-		7.672			
-	Chi định mức biên chế	801	801	-				801	388	213	200				-		801			
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc,	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Chi mua sắm máy chiếu phim kỹ thuật số	500	500	-				500		-	500				-		500			

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi sửa chữa rạp hoà phong	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				-		1.500			
-	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miền núi 2.637.000đ x 1.616 bu ổi, phim thiếu nhi	4.571	4.571	-				4.571	4.571	-					-		4.571			
55	TT Thông tin xúc tiến du lịch	1.853	1.853	-				1.853	864	289	700				-		1.853			
-	Chi định mức	1.153	1.153	-				1.153	864	289	-				-		1.153			
-	Chi nghiệp vụ	300	300	-				300		-	300				-		300			
-	Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ +in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du	200	200	-				200		-	200				-		200			
-	Sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200				-		200			
56	Trung tâm dịch vụ môi trường và HT kỹ thuật Khu di tích lịch sử Đền Hùng	1.399	1.399	-				1.399	475	224	700	-	-	-	-	-	1.399	-	-	-
-	Chi định mức;	699	699	-				699	475	224					-		699			
-	Kịnh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhận bàn giao từ Công ty Giấy.	100	100	-				100		-	100				-		100			
-	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quản	600	600	-				600		-	600				-		600			
57	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	45.206	45.206	-				45.206	20.926	5.080	19.200	6.092			-					39.114
*	Chi quản lý NN	6.092	6.092	-				6.092	3.111	2.181	800	6.092			-					
-	Chi định mức	5.592	5.592	-				5.592	3.111	2.181	300	5.592			-					
-	Chi sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
*	Trung tâm Trợ giúp XH và phục hồi chức năng cho người tâm thần	7.643	7.643	-				7.643	6.053	890	700				-					7.643
-	Chi định mức	3.116	3.116	-				3.116	2.226	890					-					3.116
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực	1.312	1.312	-				1.312	1.312	-					-					1.312
-	Trợ cấp các đối tượng theo NĐ	2.515	2.515	-				2.515	2.515	-					-					2.515
	Chi cho công tác tuyên truyền tư vấn nghiệp vụ chăm sóc sức khỏe cho người tâm thần ngoài cộng đồng; phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ người	200	200	-				200		-	200				-					200
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Trung tâm giáo dục LĐXH	10.009	10.009	-				10.009	8.388	1.121	500				-					10.009
-	Chi định mức	3.877	3.877	-				3.877	2.756	1.121					-					3.877
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực	2.286	2.286	-				2.286	2.286	-					-					2.286
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	500	500	-				500		-	500				-					500
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm	3.346	3.346	-				3.346	3.346	-					-					3.346
*	TT điều dưỡng người có công	4.973	4.973	-				4.973	3.284	889	800				-					4.973
*	Chi định mức	3.433	3.433	-				3.433	2.544	889					-					3.433
*	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực	740	740	-				740	740	-					-					740
*	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung	300	300	-				300		-	300				-					300
*	Nghiệp vụ ngành	600	600	-				600		-	600				-					600
*	Thu gom các đối tượng lang thang	100	100	-				100		-	100				-					100

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
*	Mai táng phí cựu TNXP và CCB	7.000	7.000	-				7.000		-	7.000				-					7.000
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ	100	100	-				100		-	100				-					100
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Chi quà Tết, 27/7 và báo cho các đối tượng chính sách	1.100	1.100	-				1.100		-	1.100				-					1.100
*	Hoạt động của Ban chỉ đạo giải quyết	200	200	-				200		-	200				-					200
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã	70	70	-				70		-	70				-					70
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng	400	400	-				400		-	400				-					400
*	Kinh phí kỷ niệm ngày TBLS 27/7	300	300	-				300		-	300				-					300
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao	350	350	-				350		-	350				-					350
*	Kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người	100	100	-				100		-	100				-					100
*	Chi rà soát hộ nghèo	200	200	-				200		-	200				-					200
*	Chi Ban chỉ đạo giảm nghèo	100	100	-				100		-	100				-					100
*	Hội giảng giáo viên dạy nghề	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Chi hoạt động của Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện Luật lao động tại các doanh nghiệp (Đề án	200	200	-				200		-	200				-					200
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em	500	500	-				500		-	500				-					500
*	Kinh phí thực hiện chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-	200	200	-				200		-	200				-					200
*	Triển khai Kế hoạch Phòng tránh đuối nước cho trẻ em; KH Phòng chống	200	200	-				200		-	200				-					200
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và BCĐ vì sự tiến bộ của phụ nữ	300	300	-				300		-	300				-					300
*	Kinh phí thực hiện Đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	300	300	-				300		-	300				-					300
*	Chi các Ban chỉ đạo các chương trình của ngành (Người cao tuổi; Dạy nghề; …)	300	300	-				300		-	300				-					300
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	130	130	-				130		-	130				-					130
*	Phụ cấp và trang phục thanh tra	90	90	-				90	90	-					-					90
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	-	-	-				-		-	-				-					-
*	Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh	50	50	-				50		-	50				-					50
*	Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ hồ sơ người có công với cách mạng	1.500	1.500	-				1.500			1.500									1.500
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác	600	600	-				600		-	600				-					600
58	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội	2.139	2.139	-				2.139	819	500	820	1.819			-					320
-	Chi định mức	1.419	1.419	-				1.419	819	500	100	1.419			-					
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền.	200	200	-				200		-	200	200			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm; công tác phòng chống ma tuý	300	300	-				300		-	300				-					300
-	Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về (Chi cục	20	20	-				20		-	20				-					20
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ	451	451	-				451	165	86	200				-					451
-	Định mức	251	251	-				251	165	86	-				-					251
-	Kinh phí vận động tài trợ, tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ	200	200	-				200		-	200				-					200
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy	2.281	2.281	-				2.281	1.852	229	200				-					2.281
-	Định mức	931	931	-				931	702	229					-					931
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực	552	552	-				552	552	-					-					552
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-	598	598	-				598	598	-					-					598
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.	200	200	-				200		-	200				-					200
61	Ban QL các khu công nghiệp Phú Thọ	5.760	5.760	-				5.760	1.956	1.304	2.500	5.760			-					
-	Chi định mức biên chế	2.877	2.877	-				2.877	1.736	1.141		2.877			-					
-	Định mức biên chế sự nghiệp	383	383	-				383	220	163		383			-					
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi bổ sung một số hạng mục thiết yếu khu trụ sở làm việc của Ban.	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
-	Kinh phí quy hoạch khu công nghiệp Phù	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp; chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp	800	800	-				800		-	800	800			-					
62	Sở Thông tin và truyền thông	7.653	7.653	-				7.653	3.346	1.237	3.070	7.653			-					
-	Chi định mức biên chế	3.583	3.583	-				3.583	2.046	1.237	300	3.583			-					
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn cổng giao tiếp điện tử	1.500	1.500	-				1.500	1.300	-	200	1.500			-					
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ	350	350	-				350		-	350	350			-					
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ.	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt	450	450	-				450		-	450	450			-					
-	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đài truyền thanh	170	170	-				170		-	170	170			-					
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã VN	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, bưu chính viễn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền	500	500	-				500		-	500	500			-					
63	Chi cục quản lý thị trường	13.733	13.733	-				13.733	7.001	4.478	2.254	13.733			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi theo định mức	10.333	10.333	-				10.333	6.100	4.133	100	10.333			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi, trang phục	1.546	1.546	-				1.546	901	345	300	1.546			-					
-	Thuê trụ sở làm việc của Đội QLTT Yên	54	54	-				54		-	54	54			-					
-	Kinh phí trích lại để thực hiện các nội dung và hoạt động của lực lượng xử phạt theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày	900	900	-				900		-	900	900			-					
-	Kinh phi hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Mua ấn chỉ QLTT hàng năm	200	200	-				200		-	200	200			-					
64	Sở Ngoại vụ	5.581	5.581	-				5.581	1.240	691	3.650	5.581			-					
-	Định mức	2.231	2.231	-				2.231	1.240	691	300	2.231			-					
-	Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc	700	700	-				700		-	700	700			-					
-	Chi thuê phiên dịch các đoàn khách , thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiếp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày quốc khánh	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi mở lớp tập huấn về công tác đối	150	150	-				150		-	150	150			-					
-	Chi hoạt động nghiệp vụ	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại	700	700	-				700		-	700	700			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700		-	700	700			-					
65	Chi cục Văn thư lưu trữ	4.801	4.801	-				4.801	1.747	653	2.400	4.801			-					
-	Chi định mức	2.159	2.159	-				2.159	1.296	563	300	2.159			-					
-	Chi phụ cấp ưu đãi, độc hại	247	247	-				247	157	90		247			-					
-	Kinh phí nghiệp vụ	400	400	-				400		-	400	400			-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Kinh phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục kho lưu trữ lịch sử, trụ sở làm việc, công trình phụ trợ và cải tạo hệ thống	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
-	Kinh phí vệ sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông	295	295	-				295	295	-		295			-					
-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng và thực hiện số hóa tài liệu.	500	500	-				500		-	500	500			-					
66	Trung tâm khuyến công, tư vấn và tiết kiệm năng lương	6.991	6.991	-				6.991	1.458	536	4.998	6.094			898					
-	Chi định mức	2.194	2.194	-				2.194	1.458	536	200	2.194			-					
-	Chi sự nghiệp khuyến công	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000	3.000			-					
-	Chi sửa chữa trụ sở làm việc	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (TTLT số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Chi đào tạo	898	898	-				898	-	-	898				898					
67	Công ty phát triển hạ tầng KCN	1.375	1.375	-				1.375	810	350	215	1.375	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.160	1.160	-				1.160	810	350		1.160			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Thanh toán khối lượng CT đã phê duyệt quyết toán gói thầu: San nền đường GT nội bộ Lô số 10 khu CN Thụy Vân.	215	215	-				215		-	215	215			-					
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ KCN	604	604	-				604	440	164	-	604			-					
69	TT quy hoạch XD Phú Thọ	1.156	1.156	-				1.156	808	348	-	1.156			-					
70	Trung tâm Kiểm định CLCTXD phú Thọ (Sở Xây dựng)	704	704	-				704	475	229	-	704			-					
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và dịch vụ Tài chính	2.254	2.254	-				2.254	702	252	1.300	2.254			-					
-	Chi định mức	1.054	1.054	-				1.054	702	252	100	1.054			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
72	TT xúc tiến đầu tư (Sở KHĐT)	2.192	2.192	-				2.192	864	328	1.000	2.192			-					
-	Chi định mức	1.292	1.292	-				1.292	864	328	100	1.292			-					
-	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh và chi nghiệp vụ	400	400	-				400		-	400	400			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư	200	200	-				200		-	200	200			-					
73	Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và	953	953	-				953	440	163	350	953			-					
-	Chi định mức	703	703	-				703	440	163	100	703			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	250	250	-				250	-	-	250	250			-					
74	Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ	525	525	-				525	220	90	215	525			-					
-	Chi định mức biên chế	310	310	-				310	220	90		310			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	50	50	-				50		-	50	50			-					
-	Chi nghiệp vụ; phụ cấp cán bộ kiêm	165	165	-				165		-	165	165			-					
75	Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc	1.537	1.537	-				1.537	540	205	792	1.537			-					
-	Chi định mức biên chế	1.045	1.045	-				1.045	540	205	300	1.045			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung	292	292	-				292		-	292	292			-					
76	Phòng công chứng số 1	592	592	-				592	388	204	-	592			-					
77	Phòng công chứng số 2	432	432	-				432	291	141	-	432			-					
78	Trung tâm trợ giúp pháp lý:	2.663	2.663	-				2.663	1.322	541	800	2.663			-					
-	Chi định mức biên chế	1.929	1.929	-				1.929	1.188	541	200	1.929			-					
-	Chi phụ cấp nghề Trợ giúp viên	134	134	-				134	134	-		134			-					
-	Chi mua sắm tài sản; may trang phục ngành (126 triệu đồng).	300	300	-				300		-	300	300			-					
-	Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và	300	300	-				300		-	300	300			-					
79	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản:	483	483	-				483	275	108	100	483			-					
80	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.	841	841	-				841	594	247	-	841			-					
81	Ban quản lý dự án XD và bảo trì công	162	162	-				162	110	52	-	162			-					
82	Trung tâm Cổng Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở TT và TT)	1.668	1.668	-				1.668	864	304	500	1.668			-					
-	Chi định mức	1.368	1.368	-				1.368	864	304	200	1.368			-					
-	Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin	100	100	-				100		-	100	100			-					
-	Mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
83	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ).	1.625	1.625	-				1.625	540	185	900	1.625			-					
-	Chi định mức	725	725	-				725	540	185		725			-					
-	Chi mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn … về hoạt	300	300	-				300		-	300	300			-					
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công	2.799	2.799	-				2.799	810	289	1.700	2.799	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.099	1.099	-				1.099	810	289		1.099			-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700		-	700	700			-					
-	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng	200	200	-				200		-	200	200			-					
-	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020	500	500	-				500		-	500	500			-					
-	Xây dựng cơ chế chính sách kết nối cung cầu giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	100	100	-				100		-	100	100			-					
85	Văn phòng Tỉnh uỷ	49.715	49.715	-				49.715	3.832	3.437	42.446		49.715		-					
*	Chi của Văn phòng Tỉnh uỷ	10.857	10.857	-				10.857	3.832	3.437	3.588		10.857		-					
-	Chi theo định mức	6.670	6.670	-				6.670	3.233	3.437			6.670		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ	219	219	-				219	219	-			219		-					
-	Phụ cấp cấp uỷ	380	380	-				380	380	-			380		-					
-	Chi nghiệp vụ công nghệ TT	250	250	-				250		-	250		250		-					
-	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng, CNTT và lễ tân): 150 triệu đồng; nghiệp vụ công tác lưu trữ:	250	250	-				250		-	250		250		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	700	700	-				700		-	700		700		-					
-	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu; trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân	103	103	-				103		-	103		103		-					
-	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo	120	120	-				120		-	120		120		-					
-	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Mua sắm sửa chữa tài sản	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000		1.000		-					
-	Chi nghiệp vụ	795	795	-				795		-	795		795		-					
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng	35.958	35.958	-				35.958		-	35.958		35.958		-					
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững	500	500	-				500		-	500		500		-					
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500		1.500		-					
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi học tập nghị quyết TW + Tỉnh.	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000		3.000		-					
-	Chi khen thưởng của khối tỉnh uỷ	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000		2.000		-					
-	Chi hoạt động các Ban chỉ đạo của Tỉnh	900	900	-				900		-	900		900		-					
-	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500		1.500		-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát	500	500	-				500		-	500		500		-					
-	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ.	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000		4.000		-					
-	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi	15.958	15.958	-				15.958		-	15.958		15.958		-					
-	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban Chấp hành, Ban	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000		2.000		-					
-	Kinh phí (Vốn sự nghiệp) thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về CNTT (Theo QĐ 260-QĐ/TW ngày 01/10/2014 của	700	700	-				700		-	700		700		-					
-	Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Các nhiệm vụ phát sinh khối Tỉnh uỷ	1.300	1.300	-				1.300		-	1.300		1.300		-					
-	Chi dự phòng khối đảng	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500		1.500		-					
*	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối tỉnh uỷ	2.500	2.500	-				2.500		-	2.500		2.500		-					
*	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của	400	400	-				400		-	400		400		-					
86	Ban Tổ chức	10.387	10.387	-				10.387	2.406	2.391	5.590		10.387		-					
-	Chi theo định mức	4.623	4.623	-				4.623	2.232	2.391			4.623		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ	149	149	-				149	149	-			149		-					
-	Phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ (6 người)	25	25	-				25	25	-			25		-					
-	Chi nghiệp vụ	540	540	-				540		-	540		540		-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng	350	350	-				350		-	350		350		-					
-	Chi dưỡng sức thăm hỏi	4.400	4.400	-				4.400		-	4.400		4.400		-					
87	Ban Tuyên giáo	7.651	7.651	-				7.651	2.263	2.088	3.300		7.651		-					
-	Chi theo định mức	4.072	4.072	-				4.072	1.984	2.088			4.072		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ	132	132	-				132	132	-			132		-					
-	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên ; Chi BCĐ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí	250	250	-				250		-	250		250		-					
-	Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Kinh phí thực hiện Đề án về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh	250	250	-				250		-	250		250		-					
-	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, TTV	850	850	-				850		-	850		850		-					
-	Phụ cấp báo cáo viên theo Hướng dẫn 06-HĐ/BTCTW-BGTW	146	146	-				146	146	-			146		-					
-	Chi thực hiện Đề án 04/TU về nâng cao chất lương tuyên truyền …	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi BCĐ công tác thông tin đối ngoại	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi nghiệp vụ	580	580	-				580		-	580		580		-					
88	Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ	6.225	6.225	-				6.225	2.898	1.597	1.730		6.225		-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi theo định mức	3.581	3.581	-				3.581	1.984	1.597			3.581		-					
-	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi	782	782	-				782	782	-			782		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố	132	132	-				132	132	-			132		-					
-	Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020	50	50	-				50		-	50		50		-					
-	Hội nghị ký kết công tác phối hợp giữa UBKT tỉnh uỷ và các ban xây dựng đảng	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi thực hiện công tác kiểm tra , tập huấn , giám sát của 11 thành viên	400	400	-				400		-	400		400		-					
-	Chi nghiệp vụ	480	480	-				480		-	480		480		-					
89	Ban Dân vận	4.715	4.715	-				4.715	1.477	1.408	1.830	-	4.715		-					
-	Chi theo định mức	2.794	2.794	-				2.794	1.386	1.408			2.794		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố	91	91	-				91	91	-			91		-					
-	Mua tạp chí Dân vận , bản tin tôn giáo	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo ;	400	400	-				400		-	400		400		-					
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi XD, biên tập, in ấn phát hành cuốn : Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ	350	350	-				350		-	350		350		-					
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết ,QĐ,DA của tỉnh uỷ về công	150	150	-				150		-	150		150		-					
-	Chi nghiệp vụ	330	330	-				330		-	330		330		-					
90	Báo Phú Thọ	12.286	12.286	-				12.286	3.318	1.464	7.504	-	12.286		-					
-	Chi theo định mức	4.936	4.936	-				4.936	3.172	1.464	300		4.936		-					
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của	146	146	-				146	146	-			146		-					
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền	550	550	-				550		-	550		550		-					
-	Chi nhuận bút các loại báo;Báo biếu (Báo thường 330tờx260kỳ x1200đ; Báo cuối tuần 330tờ x51 kỳ x1800đồng)	4.987	4.987	-				4.987		-	4.987		4.987		-					
-	Chi mua sắm thiết bị hiện đại theo Thông báo số 1309/TB-TU ngày 20/6/2014	500	500	-				500		-	500		500		-					
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454tờ x 5số /tuần x 52 tuần x 396đồng / tờ)	767	767	-				767		-	767		767		-					
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.	400	400	-				400		-	400		400		-					
91	Ban Nội chính	4.730	4.730	-				4.730	1.410	1.405	1.915		4.730		-					
-	Chi theo định mức	2.728	2.728	-				2.728	1.323	1.405			2.728		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố	87	87	-				87	87	-			87		-					
-	Hoạt động nghiệp vụ	315	315	-				315		-	315		315		-					
-	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về PCTN tại các huyện, thành, thị	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi tuyên truyền phổ biến GDPL, Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân	150	150	-				150		-	150		150		-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi hoạt động của BCĐ cải cách tư pháp	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Biên tạp , in ấn , phát hành cuốn Bản tin Nội chính và PCTN	250	250	-				250		-	250		250		-					
-	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và PCTN.	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Mua tin tố cáo về tham nhũng	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
92	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh	5.117	5.117	-				5.117	1.695	1.466	1.955		5.117		-					
-	Chi theo định mức	2.892	2.892	-				2.892	1.426	1.466			2.892		-					
-	Các khoản phụ cấp (kiểm tra; BC viên ;	47	47	-				47	47	-			47		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố	95	95	-				95	95	-			95		-					
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ-TW	127	127	-				127	127	-			127		-					
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	345	345	-				345		-	345		345		-					
-	Chi khen thưởng cơ sở	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới , chi kiểm tra , giám sát và bồi	330	330	-				330		-	330		330		-					
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ ,học tập tấm gương đạo đức HCM; xã hội hoá học tập	50	50	-				50		-	50		50		-					
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Hoạt động của Công đoàn viên chức	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	50	50	-				50		-	50		50		-					
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-				80		-	80		80		-					
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	120	120	-				120		-	120		120		-					
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4.	70	70	-				70		-	70		70		-					
93	Đảng uỷ khối doanh nghiệp	7.623	7.623	-				7.623	2.777	1.440	3.405		7.623		-					
-	Chi theo định mức	2.866	2.866	-				2.866	1.426	1.440			2.866		-					
-	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi	86	86	-				86	86	-			86		-					
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc :	1.170	1.170	-				1.170	1.170	-			1.170		-					
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố	95	95	-				95	95	-			95		-					
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	345	345	-				345		-	345		345		-					
-	Chi khen thưởng cơ sở	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng	330	330	-				330		-	330		330		-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ ,học tập tấm gương đạo đức HCM; xã hội hoá ọc tập, BCĐ phát triển	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên	70	70	-				70		-	70		70		-					
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và	200	200	-				200		-	200		200		-					
-	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh	100	100	-				100		-	100		100		-					
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin	50	50	-				50		-	50		50		-					
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU	80	80	-				80		-	80		80		-					
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở	120	120	-				120		-	120		120		-					
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300		300		-					
-	Chi cải tạo nâng cấp nhà ăn và Trung tâm	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500		1.500		-					
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4,5	70	70	-				70		-	70		70		-					
94	Ban Bảo vệ sức khoẻ	7.070	7.070	-				7.070	2.942	1.378	2.750				-	7.070				
-	Chi định mức	1.596	1.596	-				1.596	630	966					-	1.596				
-	Chi định mức sự nghiệp	1.650	1.650	-				1.650	1.350	-	300				-	1.650				
-	Phụ cập ưu đãi	573	573	-				573	160	412					-	573				
-	Chi bồi dưỡng phục vụ cấp uỷ theo QĐ số 11/QĐ-TƯ	145	145	-				145	145	-					-	145				
-	Chi khám sức khoẻ định kỳ	550	550	-				550		-	550				-	550				
-	Mời giáo sư hội chấn	600	600	-				600		-	600				-	600				
-	Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ tuyến tỉnh (16 người)và tuyến huyện (117 người)	595	595	-				595	595	-					-	595				
-	Chi trợ cấp thường xuyên đối với CB nguyên UBTƯ đảng khoá II,III và cán bộ hoạt động CM trước 01/1/1945 bị bệnh	62	62	-				62	62	-					-	62				
-	Kinh phí sửa chữa , mua sắm tài sản	300	300	-				300		-	300				-	300				
-	Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-	1.000				
95	Tỉnh đoàn thanh niên	6.248	6.248	-				6.248	2.418	1.600	2.230			6.248	-					
-	Chi định mức	4.018	4.018	-				4.018	2.418	1.600				4.018	-					
-	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ, tài liệu	500	500	-				500		-	500			500	-					
-	Kinh phí mua báo Tiền phong, tạp chí	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Tổ chức các chiến dịch, các chương trình và các hoạt động trong thanh niên.	800	800	-				800		-	800			800	-					
-	Kinh phí kỷ niệm 85 năm thành lập Đoàn; 60 năm thành lập Hội LHTN; Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ (300 triệu đồng) và	450	450	-				450			450			450						
-	Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tỉnh	80	80	-				80		-	80			80	-					
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
96	Hội liên hiệp thanh niên	894	894	-				894	378	216	300			894	-					
-	Chi định mức	594	594	-				594	378	216				594	-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí kỷ niệm 60 năm thành lập	250	250	-				250		-	250			250	-					
-	Mua sắm trang thiết bị và tài sản	50	50	-				50		-	50			50	-					
97	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên	1.231	1.231	-				1.231	504	327	400			1.231	-					
-	Chi định mức	931	931	-				931	504	327	100			931	-					
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Chi tổ chức các hoạt động nghiệp vụ	100	100	-				100		-	100			100	-					
98	Nhà thiếu nhi	2.200	2.200	-				2.200	756	494	950			2.200	-					
-	Chi định mức	1.500	1.500	-				1.500	756	494	250			1.500	-					
-	Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan Tiếng kèn đội ta + Liên hoan nghệ thuật thiếu nhi	300	300	-				300		-	300			300	-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	10.069	10.069	-				10.069	2.066	1.835	6.168			10.069	-					
-	Chi định mức	3.571	3.571	-				3.571	1.736	1.835				3.571	-					
-	Chi theo định mức sự nghiệp	430	430	-				430	330	-	100			430	-					
-	Kinh phí tổ chức các hội nghị chuẩn bị đại hội, tuyên truyền, hướng dẫn, triển	947	947	-				947		-	947			947	-					
-	Kinh phí tổ chức Đại hội cấp tỉnh - NK	500	500	-				500		-	500			500	-					
-	Tổ chức " Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày GĐVN; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia	420	420	-				420		-	420			420	-					
-	Kinh phí thực hiện đề án 343 " Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất,đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH,HĐH đất nước "; đề án "Giáo dục 5	776	776	-				776		-	776			776	-					
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản	100	100	-				100		-	100			100	-					
-	Hỗ trợ kinh phí cho " quỹ hỗ trợ phụ nữ	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000			2.000	-					
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội BP tỉnh Lai Châu	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ	1.000	1.000	-				1.000			1.000			1.000						
-	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội LH phụ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)	125	125	-				125		-	125			125	-					
100	Mặt trận tổ quốc	7.617	7.617	-				7.617	2.024	1.823	3.770			7.617	-					
-	Chi định mức	3.745	3.745	-				3.745	1.922	1.823				3.745	-					
-	Kinh phí tổ chức học tập NQ Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và NQ Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII; Tập huấn triển khai Luật MTTQ Việt Nam (sửa	300	300	-				300		-	300			300	-					
-	Kinh phí hoạt động của UB mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định sô 33/QĐ-TTg ngày	252	252	-				252	102	-	150			252	-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và	500	500	-				500		-	500			500	-					
-	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở,	600	600	-				600		-	600			600	-					
-	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận;Triển khai cuộc vận động " người Việt nam dùng hàng Việt Nam";	500	500	-				500		-	500			500	-					
-	Kinh phí hoạt động của Uỷ ban đoàn kết công giáo tỉnh	500	500	-				500		-	500			500	-					
-	Kinh phí gặp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: các vị ão thành cách	470	470	-				470		-	470			470	-					
-	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Kinh phí mua sắm , sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác	550	550	-				550		-	550			550	-					
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1.180	1.180	-				1.180	315	85	780			1.180	-					
	Chi định mức	400	400	-				400	315	85	-			400	-					
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (20 triệu đồng/1 hội)	180	180	-				180		-	180			180	-					
	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền ; vận động viện trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác	300	300	-				300		-	300			300	-					
	Chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa TS	300	300	-				300		-	300			300	-					
102	Hội nông dân	6.805	6.805	-				6.805	1.612	1.543	3.650			6.805	-					
-	Chi định mức	3.155	3.155	-				3.155	1.612	1.543				3.155	-					
-	KP tổ chức tập huấn thực hiện QĐ số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu	300	300	-				300		-	300			300	-					
-	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh uỷ về xây dựng nông thôn mới ; Thực hiện quy chế giám sát, phản biện XH; Triển khai học tập NQ ĐH	400	400	-				400		-	400			400	-					
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo QĐ số 81/2014/QĐ-TTg của TTCP; Ban c ỉ đạo triển khai kết luận 61 à	200	200	-				200		-	200			200	-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các HN do TW tổ chức..	150	150	-				150		-	150			150	-					
-	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công	50	50	-				50		-	50			50	-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Quỹ hỗ trợ nông dân	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000			2.000	-					
-	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài; Tổ chức giải Bóng đá nông dân 2016.	350	350	-				350		-	350			350	-					
103	Hội cựu chiến binh	2.488	2.488	-				2.488	882	786	820			2.488	-					
-	Chi định mức	1.668	1.668	-				1.668	882	786				1.668	-					
-	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác	300	300	-				300		-	300			300	-					
-	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức	120	120	-				120		-	120			120	-					
-	Kinh phí sửa chữa , mua sắm tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
104	Liên minh HTX	3.748	3.748	-				3.748	945	412	2.392			3.407	342					
-	Chi định mức	1.357	1.357	-				1.357	945	412	-			1.357	-					
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Xây dưng và phát hành Bản tin kinh tế tập	100	100	-				100		-	100			100	-					
-	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể	100	100	-				100		-	100			100	-					
-	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000			1.000	-					
-	Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định	50	50	-				50		-	50			50	-					
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn ; Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rông.	400	400	-				400		-	400			400	-					
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200			200	-					
-	Các lớp bồi dưỡng	128	128	-				128		-	128				128					
-	Hỗ trợ học phí học viên HTX học cao	213	213	-				213		-	213				213					
105	Trung tâm tư vấn và HTKTTT	359	359	-				359	189	70	100			359	-					
	Chi định mức + nghiệp vụ	359	359	-				359	189	70	100			359	-					
106	Hội chữ thập đỏ	2.683	2.683	-				2.683	945	488	1.250			2.683	-					
	Chi định mức biên chế	1.307	1.307	-				1.307	819	488				1.307	-					
	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiến máu nhân đạo	126	126	-				126	126	-				126	-					
	Chi nghiệp vụ	100	100	-				100		-	100			100	-					
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh	200	200	-				200		-	200			200	-					
	Kinh phí tổ chức đại hội ĐB Hội chữ thập đỏ tỉnh lần thứ VII, NK 2016-2021.	300	300	-				300		-	300			300	-					
	Chi trả nhuận bút , xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền hoạt động nhân dạo ...	150	150	-				150		-	150			150	-					
	Kinh phí mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300			300	-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo	200	200	-				200		-	200			200	-					
107	Ban đại diện Hội người cao tuổi	804	804	-				804	261	143	400			804	-					
	Chi định mức biên chế	332	332	-				332	189	143				332	-					
	Chi trả thù lao trưởng ban , phó ban	72	72	-				72	72	-				72	-					
	Chi hoạt động của Ban đại diện	100	100	-				100		-	100			100	-					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị	100	100	-				100		-	100			100	-					
	Chi nghiệp vụ + mua giấy mừng thọ	200	200	-				200		-	200			200	-					
108	Trung tâm hội nghị tỉnh	1.478	1.478	-				1.478	728	250	500			1.478	-					
	Chi định mức	978	978	-				978	728	250				978	-					
	Chi mua sắm trang thiết bị	500	500	-				500		-	500			500	-					
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	4.044	4.044	-				4.044	756	418	2.870			3.144	-					
	Chi định mức	1.274	1.274	-				1.274	756	418	100			1.274	-					
	Chi hoạt động tư vấn , phản biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao ;	500	500	-				500		-	500			500	-					
	Chi hỗ trợ hoạt động và khen thưởng cho 18 hội thành viên (20 triệu đồng /1 hội)	420	420	-				420		-	420			420	-					
	Chi hoạt động tập hợp đội ngũ trí thức có trình độ cao quê Phú Thọ xây dựng các chương trình đóng góp cho tỉnh	200	200	-				200		-	200			200	-					
	Chi duy trì, phát triển trang Webssite" TrithucDatTo.vn" của Liên hiệp hội	50	50	-				50		-	50			50	-					
	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ	200	200	-				200		-	200			200	-					
	Chi mua sắm + sửa chữa TS	300	300	-				300		-	300			300	-					
	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KH-CN, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và	200	200	-				200		-	200			200	-					
	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ	900	900	-				900		-	900				-					
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú	226	226	-				226	126	-	100			226	-					
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ	239	239	-				239	189	-	50			239	-					
112	Hội người mù	383	383	-				383	252	-	131			352	31					
-	chi định mức+ tiền thuê nhà và tập huấn	352	352	-				352	252	-	100			352	-					
-	Chi các lớp đào tạo	31	31	-				31		-	31				31					
113	Hội luật gia	176	176	-				176	126	-	50			176	-					
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/ diôxin	176	176	-				176	126	-	50			176	-					
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn	645	645	-				645	315	29	301			494	151					
-	Chi định mức	494	494	-				494	315	29	150			494	-					
-	Chi các lớp đào tạo	151	151	-				151		-	151				151					
116	Sở Giáo dục và đào tạo	64.465	64.465	-				64.465	3.418	2.533	58.514				64.465					
-	Chi định mức	6.188	6.188	-				6.188	3.355	2.533	300				6.188					
-	Chi phụ cấp và trang phục thanh tra	113	113	-				113	63	-	50				113					
-	Chi sửa chữa, mua tài sản và phương tiện	700	700	-				700		-	700				700					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài	14.564	14.564	-				14.564		-	14.564				14.564					
-	Chi bổ sung thiết bị dạy học xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; chi ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục …	6.000	6.000	-				6.000		-	6.000				6.000					
-	Học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:	700	700	-				700		-	700				700					
-	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập	500	500	-				500		-	500				500					
-	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo	5.500	5.500	-				5.500		-	5.500				5.500					
-	Chi thực hiện nâng cấp, xây dựng hệ thống thông tin quản lý trường học và các	1.200	1.200	-				1.200		-	1.200				1.200					
-	Chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục mầm non thực hiện chương trình giáo dục	9.500	9.500	-				9.500		-	9.500				9.500					
-	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành	3.500	3.500	-				3.500		-	3.500				3.500					
-	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên (GD	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				3.000					
-	Chi tổ chức hội khỏe Phù Đổng lần thứ XVI năm 2016 (cấp tỉnh, khu vực và toàn	10.000	10.000	-				10.000		-	10.000				10.000					
-	Chi khác giáo dục	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				3.000					
*	Khối các trường Trung học phổ thông	246.340	246.340	-				246.340	129.070	87.080	30.190	-	-	-	246.340	-	-	-	-	-
117	Trường THPT Thanh Sơn	8.147	8.147	-				8.147	4.128	3.090	928				8.147					
	Chi định mức	8.147	8.147	-				8.147	4.128	3.090	928				8.147					
118	Trường THPT Minh Đài	7.818	7.818	-				7.818	3.820	2.863	1.135				7.818					
	Chi định mức	7.318	7.318	-				7.318	3.820	2.863	635				7.318					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500				500					
119	Trường THPT Văn Miếu	7.010	7.010	-				7.010	3.994	2.522	494				7.010					
	Chi định mức	7.010	7.010	-				7.010	3.994	2.522	494				7.010					
120	Trường THPT Hương Cần	7.734	7.734	-				7.734	3.836	2.865	1.032	-	-	-	7.734	-	-	-	-	-
	Chi định mức	7.334	7.334	-				7.334	3.836	2.865	632				7.334					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
121	Trường THPT Thạch Kiệt	7.177	7.177	-				7.177	3.553	2.571	1.053	-	-	-	7.177	-	-	-	-	-
	Chi định mức	6.777	6.777	-				6.777	3.553	2.571	653				6.777					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
122	Trường THPT Yên Lập	9.479	9.479	-				9.479	5.283	3.530	665				9.479					
	Chi định mức	9.479	9.479	-				9.479	5.283	3.530	665				9.479					
123	Trường THPT Minh Hoà	4.152	4.152	-				4.152	2.206	1.637	308				4.152					
	Chi định mức	4.152	4.152	-				4.152	2.206	1.637	308				4.152					
124	Trường THPT Lương Sơn	6.661	6.661	-				6.661	3.350	2.760	551				6.661					
	Chi định mức	6.661	6.661	-				6.661	3.350	2.760	551				6.661					
125	Trường THPT Cẩm Khê	6.890	6.890	-				6.890	3.506	2.547	837				6.890					
	Chi định mức	6.890	6.890	-				6.890	3.506	2.547	837				6.890					
126	Trường THPT Hiền Đa	6.019	6.019	-				6.019	2.844	2.033	1.142	-	-	-	6.019	-	-	-	-	-
	Chi định mức	5.519	5.519	-				5.519	2.844	2.033	642				5.519					
	Chi mua sắm, cải tạo sân trường và sửa	500	500	-				500		-	500				500					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
127	Trường THPT Phương Xá	6.467	6.467	-				6.467	3.194	2.244	1.029				6.467					
	Chi định mức	6.167	6.167	-				6.167	3.194	2.244	729				6.167					
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của	300	300	-				300		-	300				300					
128	Trường THPT Hạ Hoà	6.118	6.118	-				6.118	2.858	1.997	1.262				6.118					
	Chi định mức	5.418	5.418	-				5.418	2.858	1.997	562				5.418					
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của	700	700	-				700		-	700				700					
129	Trường THPT Xuân áng	4.733	4.733	-				4.733	2.269	1.495	970				4.733					
	Chi định mức	4.333	4.333	-				4.333	2.269	1.495	570				4.333					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
130	Trường THPT Vĩnh Chân	4.893	4.893	-				4.893	2.311	1.611	972				4.893					
	Chi định mức	4.493	4.493	-				4.493	2.311	1.611	572				4.493					
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của	400	400	-				400		-	400				400					
131	Trường THPT Thanh Ba	7.817	7.817	-				7.817	3.641	2.632	1.544				7.817					
	Chi định mức	7.117	7.117	-				7.117	3.641	2.632	844				7.117					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700		-	700				700					
132	Trường THPT Yên Khê	6.079	6.079	-				6.079	3.412	2.234	433				6.079					
133	Trường THPT Đoan Hùng	6.218	6.218	-				6.218	3.034	2.190	994				6.218					
	Chi định mức	5.918	5.918	-				5.918	3.034	2.190	694				5.918					
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của	300	300	-				300		-	300				300					
134	Trường THPT Chân Mộng	4.835	4.835	-				4.835	2.493	1.745	597				4.835					
	Chi định mức	4.835	4.835	-	-	-	-	4.835	2.493	1.745	597				4.835					
135	Trường THPT Quế Lâm	4.612	4.612	-				4.612	2.309	1.605	698				4.612					
	Chi định mức	4.412	4.412	-				4.412	2.309	1.605	498				4.412					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200			200				200					
136	Trường THPT Thanh Thuỷ	6.488	6.488	-				6.488	3.202	2.259	1.027	-	-	-	6.488	-	-	-	-	-
	Chi định mức	6.188	6.188	-				6.188	3.202	2.259	727				6.188					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300				300					
137	Trường THPT Trung Nghĩa	4.555	4.555	-				4.555	2.388	1.645	522				4.555					
138	Trường THPT Phù Ninh	6.308	6.308	-				6.308	3.229	2.422	657				6.308					
	Chi định mức	6.308	6.308	-				6.308	3.229	2.422	657				6.308					
139	Trường THPT Tử Đà	5.201	5.201	-				5.201	2.451	1.863	887				5.201					
	Chi định mức	4.801	4.801	-				4.801	2.451	1.863	487				4.801					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
140	Trường THPT Trung Giáp	4.980	4.980	-				4.980	2.593	1.892	494				4.980					
141	Trường THPT Long Châu Sa	7.494	7.494	-				7.494	3.809	2.873	812				7.494					
142	Trường THPT Phong Châu	8.038	8.038	-				8.038	3.912	2.931	1.195	-	-	-	8.038	-	-	-	-	-
	Chi định mức	7.638	7.638	-				7.638	3.912	2.931	795				7.638					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
143	Trường THPT Mỹ Văn	6.585	6.585	-				6.585	3.187	2.404	994	-	-	-	6.585	-	-	-	-	-
	Chi định mức	6.185	6.185	-				6.185	3.187	2.404	594				6.185					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
144	Trường THPT Tam Nông	6.141	6.141	-				6.141	3.180	2.310	650				6.141					
145	Trường THPT Hưng hoá	4.047	4.047	-				4.047	2.088	1.479	480				4.047					
	Chi định mức	4.047	4.047	-				4.047	2.088	1.479	480				4.047					
146	Trường THPT Hùng Vương	9.293	9.293	-				9.293	4.110	3.207	1.976				9.293					
	Chi định mức	7.993	7.993	-				7.993	4.110	3.207	676				7.993					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản (Nhà đa	1.300	1.300	-				1.300		-	1.300				1.300					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
147	Trường THPT Việt Trì	9.677	9.677	-				9.677	4.966	4.043	668				9.677					
148	Trường THPT CN Việt Trì	6.919	6.919	-				6.919	3.364	2.680	875				6.919					
	Chi định mức	6.919	6.919	-				6.919	3.364	2.680	875				6.919					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
149	Trường THPT KT Việt Trì	5.580	5.580	-				5.580	2.874	2.275	430				5.580					
150	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	17.205	17.205	-				17.205	8.901	6.476	1.828				17.205					
151	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh	15.973	15.973	-				15.973	12.775	2.149	1.049				15.973					
	Chi định mức	15.973	15.973	-				15.973	12.775	2.149	1.049				15.973					
152	Trường Dân tộc Nội Trú Thanh Sơn	12.897	12.897	-				12.897	9.833	2.231	833				12.897					
	Chi định mức	12.897	12.897	-				12.897	9.833	2.231	833				12.897					
153	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập	9.380	9.380	-				9.380	6.650	1.706	1.025				9.380					
	Chi định mức	8.980	8.980	-				8.980	6.650	1.706	625				8.980					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
154	Trường Dân tộc Nội trú Đoan Hùng	8.094	8.094	-				8.094	6.301	1.305	488				8.094					
	Chi định mức	8.094	8.094	-				8.094	6.301	1.305	488				8.094					
155	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn	9.343	9.343	-				9.343	7.124	1.277	942				9.343					
	Chi định mức	8.943	8.943	-				8.943	7.124	1.277	542				8.943					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	400	400	-				400		-	400				400					
156	Trung tâm GDTX Lâm Thao	2.795	2.795	-				2.795	1.389	1.100	305				2.795					
157	Trung tâm GDTX Tam Nông	1.780	1.780	-				1.780	839	610	331				1.780					
158	Trung tâm GDTX Cẩm Khê	2.191	2.191	-				2.191	1.060	784	347				2.191					
159	Trung tâm GDTX Thanh Ba	2.064	2.064	-				2.064	960	775	329				2.064					
160	Trung tâm GDTX Hạ Hoà	1.555	1.555	-				1.555	804	582	169				1.555					
161	Trung tâm GDTX Đoan Hùng	2.576	2.576	-				2.576	1.182	928	466				2.576					
162	Trung tâm GDTX Yên Lập	1.812	1.812	-				1.812	867	646	299				1.812					
163	Trung tâm GDTX Thanh Sơn	2.867	2.867	-				2.867	1.367	1.055	444				2.867					
	Chi định mức	2.867	2.867	-				2.867	1.367	1.055	444				2.867					
164	Trung tâm GDTX Thanh Thuỷ	1.988	1.988	-				1.988	928	707	354				1.988					
165	Trung tâm GDTX Việt Trì	2.658	2.658	-				2.658	1.307	1.065	286				2.658					
166	Trung tâm GDTX thị xã Phú Thọ	1.923	1.923	-				1.923	947	765	211				1.923					
167	Trung tâm GDTX-HN Tân Sơn	1.871	1.871	-				1.871	967	598	306				1.871					
168	Trung tâm GDTX Phù Ninh	2.157	2.157	-				2.157	941	708	508	-	-	-	2.157	-	-	-	-	-
	Chi định mức	1.957	1.957	-				1.957	941	708	308				1.957					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				200					
169	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh	4.489	4.489	-				4.489	2.123	1.724	641				4.489					
	Chi định mức	4.289	4.289	-				4.289	2.123	1.724	441				4.289					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				200					
170	Trung tâm KT-TH-HN Phù Ninh	1.670	1.670	-				1.670	834	669	168				1.670					
171	Trung tâm KT-TH-HN Phú Thọ	1.378	1.378	-				1.378	569	432	377	-	-	-	1.378	-	-	-	-	-
	Chi định mức	1.178	1.178	-				1.178	569	432	177				1.178					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	200	200	-				200		-	200				200					
172	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục	4.848	4.848	-				4.848	2.230	1.720	898				4.848					
	Chi định mức	4.392	4.392	-				4.392	2.230	1.720	442				4.392					
-	Chi các lớp đào tạo bồi dưỡng	456	456	-				456		-	456				456					
173	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học	3.936	3.936	-				3.936	1.346	986	1.604				3.936					
	Chi định mức	2.599	2.599	-				2.599	1.346	986	267				2.599					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi các lớp đào tạo bồi dưỡng	1.337	1.337	-				1.337		-	1.337				1.337					
174	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú	5.768	5.768	-				5.768	2.104	1.432	2.232				5.768					
	Chi theo định mức	4.968	4.968	-				4.968	2.104	1.432	1.432				4.968					
	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên	300	300	-				300		-	300				300					
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản	500	500	-				500		-	500				500					
175	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú	10.138	10.138	-				10.138	4.414	3.317	2.406				10.138					
	Chi theo định mức	9.538	9.538	-				9.538	4.414	3.317	1.806				9.538					
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	300	300	-				300		-	300				300					
	Mua sắm , sửa chữa tài sản	300	300	-				300		-	300				300					
176	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh	9.258	9.258	-				9.258	1.820	1.411	6.027				9.258					
	Chi theo định mức	8.458	8.458	-				8.458	1.820	1.411	5.227				8.458					
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	300	300	-				300		-	300				300					
	Mua sắm , sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500				500					
177	Trường chính trị tỉnh	9.224	9.224	-				9.224	4.132	2.574	2.517				9.224					
	Chi theo định mức	7.990	7.990	-				7.990	3.398	2.574	2.017				7.990					
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy	734	734	-				734	734	-	-				734					
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy	500	500	-				500	-	-	500				500					
178	Trường Đại học Hùng vương	75.677	75.677	-				75.677	20.274	12.170	43.233				75.677					
-	Chi theo định mức, phân bổ học sinh	48.635	48.635	-				48.635	16.665	12.170	19.801				48.635					
-	Đào tạo 39 sinh viên Lào	2.709	2.709	-				2.709	2.709	-					2.709					
-	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TTLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-	900	900	-				900	900	-					900					
-	Chi đào tạo theo học chế tín chỉ và kiểm định chất lượng	3.500	3.500	-				3.500		-	3.500				3.500					
-	Phân bổ thêm theo khu vực	9.633	9.633	-				9.633		-	9.633				9.633					
-	Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				2.000					
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.	800	800	-				800		-	800				800					
-	Kinh phí tổ chức hội thi nghiệp vụ các trường đại học, cao đẳng cụm Trung Bắc.	500	500	-				500		-	500				500					
-	Kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà lớp học A1 và A9 - cơ sở tại Tx Phú Thọ.	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				3.000					
-	Hỗ trợ xây dựng nhà thực hành ngành văn hóa, du lịch.	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				2.000					
-	Kinh phí đào tạo GV chất lượng cao	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				2.000					
179	Trường cao đẳng y tế	13.853	13.853	-				13.853	5.176	3.822	4.856	-	-	-	13.853	-	-	-	-	-
	Chi định mức, phân bổ học sinh	13.253	13.253	-				13.253	5.176	3.822	4.256				13.253					
	Kinh phí chi ứng dụng công nghiệ thông tin quản lý sinh viên.	600	600	-				600		-	600				600					
180	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật, du lịch tỉnh Phú Thọ	4.845	4.845	-				4.845	1.802	1.280	1.762				4.845					
	Chi định mức, phân bổ học sinh	3.745	3.745	-				3.745	1.802	1.280	662				3.745					
	Kinh phí tham gia các hội diễn, các hội	400	400	-				400		-	400				400					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh	200	200	-				200		-	200				200					
	Kinh phí mua sắm thiết bị	500	500	-				500		-	500				500					
181	Cao đẳng nghề Phú Thọ	15.352	15.352	-				15.352	4.678	3.147	7.527				15.352					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	14.152	14.152	-				14.152	4.678	3.147	6.327				14.152					
	Chi tư vấn dạy nghề	500	500	-				500		-	500				500					
	Mua sắm Sc tài sản	700	700	-				700		-	700				700					
182	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ	4.915	4.915	-				4.915	1.586	1.104	2.224				4.715					200
	Theo định mức, phân bổ học sinh	4.215	4.215	-				4.215	1.586	1.104	1.524				4.215					
	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	500	500	-				500		-	500				500					
	Chi công tác tư vấn học nghề và việc làm	200	200	-				200		-	200				-					200
183	Trung tâm giới thiệu việc làm	4.379	4.379	-				4.379	1.350	609	2.420				3.079					1.300
-	Theo định mức, phân bổ học sinh	2.379	2.379	-				2.379	1.350	609	420				2.379					
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản	700	700	-				700	-	-	700				700					
-	Chi công tác tư vấn học nghề và việc làm	300	300	-				300		-	300				-					300
-	Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch việc làm	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-					1.000
184	TT HNDạy nghề và GTVL Thanh niên	969	969	-				969	330	145	495	-	-	-	969	-	-	-	-	-
	Chi định mức , phân bổ học sinh	969	969	-				969	330	145	495				969					
185	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	4.451	4.451	-				4.451	2.537	936	978				4.451					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	3.030	3.030	-				3.030	1.516	936	578				3.030					
	Kinh phí chi trả chế độ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 của Thủ	469	469	-				469	469	-					469					
	Học bổng 50học sinh dân tộc nội trú học	552	552	-				552	552	-					552					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
186	Trường năng khiếu TDTT	12.750	12.750	-				12.750	10.340	926	1.484	-	-	-	12.750	-	-	-	-	-
	Chi định mức, phân bổ học sinh	3.530	3.530	-				3.530	1.620	926	984				3.530					
	Tiền ăn, tiền công, dụng cụ tập luyện …	8.470	8.470	-				8.470	8.470	-					8.470					
	Tiền thưởng cho VĐV, HLV đạt giải toàn	250	250	-				250	250	-					250					
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	500	500	-				500		-	500				500					
187	Trung tâm dạy nghề Hạ Hoà	1.551	1.551	-				1.551	540	311	700				1.551					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.151	1.151	-				1.151	540	311	300				1.151					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
188	Trung tâm dạy nghề Đoan Hùng	1.801	1.801	-				1.801	648	413	740				1.801					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.401	1.401	-				1.401	648	413	340				1.401					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
189	Trung tâm dạy nghề Tân Sơn	1.878	1.878	-				1.878	648	643	587				1.878					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.478	1.478	-				1.478	648	643	187				1.478					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
190	Trung tâm dạy nghề Yên lập	2.015	2.015	-				2.015	671	720	624				2.015					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.615	1.615	-				1.615	671	720	224				1.615					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
191	Trung tâm dạy nghề Tam Nông	1.448	1.448	-				1.448	540	320	588				1.448					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.048	1.048	-				1.048	540	320	188				1.048					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
192	Trung tâm dạy nghề Sông Đà - Thanh	1.457	1.457	-				1.457	540	333	585				1.457					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.057	1.057	-				1.057	540	333	185				1.057					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
193	Trung tâm dạy nghề Cẩm Khê	1.422	1.422	-				1.422	540	295	587				1.422					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.022	1.022	-				1.022	540	295	187				1.022					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
194	Trung tâm dạy nghề Lâm Thao	1.422	1.422	-				1.422	540	295	587				1.422					
	Theo định mức, phân bổ học sinh	1.022	1.022	-				1.022	540	295	187				1.022					
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.	400	400	-				400		-	400				400					
195	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ	315	315	-				315		-	315				315					
196	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm	339	339	-				339		-	339				339					
197	Trung tâm GT Việc làm phụ nữ	378	378	-				378		-	378				378					
198	Trường trung cấp nghề	526	526	-				526		-	526				526					
199	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng	201	201	-				201		-	201				201					
200	Hội khuyến học	515	515	-				515	315	100	100				515					
201	Sở Y tế	23.714	23.714	-				23.714	2.232	1.482	20.000				-	23.714				
-	Chi định mức	3.714	3.714	-				3.714	2.232	1.482	-				-	3.714				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
-	Nghiệp vụ ngành (đã bao gồm 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đồng bằng Sông Hồng)	6.500	6.500	-				6.500		-	6.500				-	6.500				
-	Phòng chống dịch	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000				-	4.000				
-	Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-	2.000				
-	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh ngành y tế	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				-	5.000				
-	Đào tạo bác sỹ và sau đại học	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-	2.000				
202	Bệnh viện đa khoa Tỉnh:	83.071	83.071	-				83.071	51.956	28.115	3.000				-	83.071				
-	Chi định mức	74.865	74.865	-				74.865	46.750	28.115					-	74.865				
-	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				-	3.000				
-	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu	5.206	5.206	-				5.206	5.206	-					-	5.206				
203	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ :	10.129	10.129	-				10.129	6.000	3.629	500				-	10.129				
-	Chi định mức	9.629	9.629	-				9.629	6.000	3.629					-	9.629				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
204	Bệnh viện Tâm thần:	9.995	9.995	-				9.995	6.000	3.995					-	9.995				
-	Chi định mức	9.995	9.995	-				9.995	6.000	3.995					-	9.995				
205	Bệnh viện Y dược cổ truyền	9.261	9.261	-				9.261	5.520	3.241	500	-	-	-	-	9.261	-	-	-	-
-	Chi định mức	8.761	8.761	-				8.761	5.520	3.241					-	8.761				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
206	Bệnh viện phục hồi chức năng	8.087	8.087	-				8.087	4.830	3.257					-	8.087				
207	Trung tâm y tế dự phòng	6.546	6.546	-				6.546	3.752	2.294	500				-	6.546				
-	Chi định mức	6.046	6.046	-				6.046	3.752	2.294					-	6.046				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
208	Trung tâm Chăm sóc mắt	3.523	3.523	-				3.523	2.542	981					-	3.523				
209	Trung tâm chăm sóc SKSS	2.627	2.627	-				2.627	1.749	878					-	2.627				
210	Trung tâm kiểm nghiệm	2.671	2.671	-				2.671	1.736	935					-	2.671				
211	Trung tâm Giám định Y khoa	1.400	1.400	-				1.400	896	504					-	1.400				
212	Trung tâm Pháp y	1.947	1.947	-				1.947	896	551	500				-	1.947				
-	Chi định mức	1.447	1.447	-				1.447	896	551					-	1.447				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
213	Hội đông y	93	93	-				93	55	38					-	93				
214	Trung tâm truyền thông giáo dục sức	1.826	1.826	-				1.826	896	430	500	-	-	-	-	1.826	-	-	-	-
-	Chi định mức	1.326	1.326	-				1.326	896	430					-	1.326				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
215	Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS	3.505	3.505	-				3.505	1.736	1.269	500				-	3.505				
-	Chi định mức	3.005	3.005	-				3.005	1.736	1.269					-	3.005				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	500	500	-				500		-	500				-	500				
216	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm	1.899	1.899	-				1.899	1.197	702					-	1.899				
217	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ	15.460	15.460	-				15.460	7.600	7.860	-				-	15.460				
218	Bệnh viện đa khoa Phù Ninh	6.458	6.458	-				6.458	3.800	2.658	-				-	6.458				
219	Bệnh viện đa khoa Thanh Ba	11.966	11.966	-				11.966	6.080	4.886	1.000				-	11.966				
-	Chi định mức	10.966	10.966	-				10.966	6.080	4.886					-	10.966				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-	1.000				
220	Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà	10.727	10.727	-				10.727	6.460	4.267					-	10.727				
221	Bệnh viện đa khoa Đoan hùng	10.311	10.311	-				10.311	6.460	3.851					-	10.311				
222	Bệnh viện đa khoa Tam Nông	7.985	7.985	-				7.985	3.800	3.185	1.000	-	-	-	-	7.985	-	-	-	-
-	Chi định mức	6.985	6.985	-				6.985	3.800	3.185					-	6.985				
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-	1.000				
224	Bệnh viện đa khoa Lâm Thao	6.848	6.848	-				6.848	3.800	3.048					-	6.848				
225	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê	11.052	11.052	-				11.052	7.220	3.832					-	11.052				
226	Bệnh viện đa khoa Thanh Thuỷ	6.849	6.849	-				6.849	3.800	3.049					-	6.849				
227	Bệnh viện đa khoa Yên Lập	7.489	7.489	-				7.489	4.200	3.289					-	7.489				
228	Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn	11.133	11.133	-				11.133	7.140	3.993					-	11.133				
229	Bệnh viện đa khoa Tân Sơn	10.209	10.209	-				10.209	4.200	6.009					-	10.209				
230	Trung tâm Y tế Việt Trì	13.681	13.681	-				13.681	7.233	6.449	-				-	13.681				
-	Chi định mức của TT y tế	3.547	3.547	-				3.547	2.304	1.243					-	3.547				
-	Y tế xã, thị trấn, phường	10.135	10.135	-				10.135	4.929	5.206	-				-	10.135				
231	Trung tâm Y tế Phú thọ	6.625	6.625	-				6.625	3.492	3.133	-				-	6.625				
-	Chi định mức của TT y tế	2.592	2.592	-				2.592	1.600	992					-	2.592				
-	Y tế xã, thị trấn, phường	4.033	4.033	-				4.033	1.892	2.141	-				-	4.033				
232	Trung tâm Y tế Thanh ba	17.952	17.952	-				17.952	8.364	9.589	-				-	17.952				
	Chi định mức của TT y tế	3.676	3.676	-				3.676	2.560	1.116					-	3.676				
-	Y tế xã, thị trấn	14.277	14.277	-				14.277	5.804	8.473	-				-	14.277				
233	Trung tâm Y tế Hạ hoà	19.707	19.707	-				19.707	9.773	9.934	-				-	19.707				
-	Chi định mức của TT y tế	3.727	3.727	-				3.727	2.560	1.167					-	3.727				

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Y tế xã, thị trấn	15.980	15.980	-				15.980	7.213	8.767	-				-	15.980				
234	Trung tâm Y tế Đoan hùng	18.889	18.889	-				18.889	8.690	10.199	-				-	18.889				
-	Chi định mức của TT y tế	3.790	3.790	-				3.790	2.560	1.230					-	3.790				
-	Y tế xã, thị trấn	15.099	15.099	-				15.099	6.130	8.969	-				-	15.099				
235	Trung tâm Y tế Tam nông	13.139	13.139	-				13.139	6.414	6.725	-				-	13.139				
-	Chi định mức của TT y tế	3.222	3.222	-				3.222	2.112	1.110					-	3.222				
-	Y tế xã, thị trấn	9.917	9.917	-				9.917	4.302	5.615	-				-	9.917				
236	Trung tâm Y tế Lâm Thao	10.072	10.072	-				10.072	5.051	5.021	-				-	10.072				
-	Chi định mức của TT y tế	3.263	3.263	-				3.263	1.984	1.279					-	3.263				
-	Y tế xã, thị trấn	6.809	6.809	-				6.809	3.067	3.742	-				-	6.809				
237	Trung tâm Y tế Phù Ninh	12.849	12.849	-				12.849	6.444	6.405	-				-	12.849				
-	Chi định mức của TT y tế	3.319	3.319	-				3.319	2.112	1.207					-	3.319				
-	Y tế xã, thị trấn	9.530	9.530	-				9.530	4.332	5.198	-				-	9.530				
238	Trung tâm Y tế Cẩm Khê	23.993	23.993	-				23.993	9.793	14.199	-				-	23.993				
-	Chi định mức của TT y tế	3.768	3.768	-				3.768	2.560	1.208					-	3.768				
-	Y tế xã, thị trấn	20.224	20.224	-				20.224	7.233	12.991	-				-	20.224				
239	Trung tâm Y tế Thanh Thuỷ	10.704	10.704	-				10.704	5.415	5.288	-				-	10.704				
-	Chi định mức của TT y tế	3.218	3.218	-				3.218	2.112	1.106					-	3.218				
-	Y tế xã, thị trấn	7.485	7.485	-				7.485	3.303	4.182	-				-	7.485				
240	Trung tâm Y tế Yên lập	17.351	17.351	-				17.351	9.888	7.463	-				-	17.351				
-	Chi định mức của TT y tế	3.107	3.107	-				3.107	2.112	995					-	3.107				
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng	14.244	14.244	-				14.244	7.776	6.468	-				-	14.244				
241	Trung tâm Y tế Thanh sơn	20.002	20.002	-				20.002	11.056	8.946	-				-	20.002				
-	Chi định mức của TT y tế	4.227	4.227	-				4.227	2.560	1.667					-	4.227				
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng	15.775	15.775	-				15.775	8.496	7.278	-				-	15.775				
242	Trung tâm Y tế Tân sơn	16.971	16.971	-				16.971	9.379	7.593	-				-	16.971				
-	Chi định mức của TT y tế	3.763	3.763	-				3.763	2.112	1.651					-	3.763				
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng	13.208	13.208	-				13.208	7.267	5.942	-				-	13.208				
243	Chi cục Dân số	2.912	2.912	-				2.912	1.342	770	800				-	2.912				
-	Chi theo định mức biên chế	2.112	2.112	-				2.112	1.342	770	-				-	2.112				
-	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số	500	500	-				500		-	500				-	500				
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa TSCĐ	300	300	-				300		-	300				-	300				
244	TT huấn luyện thể dục thể thao	16.278	16.278	-				16.278	2.120	858	13.300				-			16.278		
-	Định mức	2.978	2.978	-				2.978	2.120	858					-			2.978		
-	Chi xây dựng nhà luyện tập 850 triệu; sửa chữa sân bắn cung 150 triệu	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-			1.000		
-	Chi đào tạo VĐV thể thao thành tích cao	12.300	12.300	-				12.300		-	12.300				-			12.300		
245	Trung tâm Khai thác các công trình Thể	3.065	3.065	-				3.065	340	185	2.540				-			3.065		
-	Chi định mức	725	725	-				725	340	185	200				-			725		
-	Chi thưởng giải bóng chuyền Cúp Hùng	360	360	-				360		-	360				-			360		
-	Mua sắm tài sản, thiết bị	300	300	-				300		-	300				-			300		
-	Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát	500	500	-				500		-	500				-			500		
-	Chi tiền điện; bảo vệ 3 công trình	180	180	-				180		-	180				-			180		
-	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-			1.000		
246	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	26.624	26.624	-				26.624	11.751	2.273	12.600				-				26.624	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Chi định mức	7.495	7.495	-				7.495	5.022	2.273	200				-				7.495	
-	Chi tiền nhuận bút	6.729	6.729	-				6.729	6.729	-					-				6.729	
-	Chi tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD	3.500	3.500	-				3.500		-	3.500				-				3.500	
-	Chi tiền điện, tiền nước , nhiên liệu, công tác phí , chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.	2.700	2.700	-				2.700		-	2.700				-				2.700	
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD)	4.200	4.200	-				4.200		-	4.200				-				4.200	
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD)	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-				2.000	
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC	15.000	15.000	-				15.000			15.000									
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh	2.000	2.000	-				2.000			2.000									
3	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp Cụm Công	3.000	3.000	-				3.000			3.000									
4	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện Yên Lập	3.000	3.000	-				3.000			3.000									
III	CHI AN NINH	10.700	10.700	-				10.700			10.700									
IV	CHI QUỐC PHÒNG	18.900	18.900	-				18.900			18.900									
V	CHI THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC	28.480	28.480	-				28.480			28.480									
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH (Đã bao gồm KF đảm bảo hoạt động Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh 500 triệu	10.000	10.000	-				10.000			10.000									
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO	768.715	768.715	-				768.715	109.027	58.870	600.818	75.770	1.320	3.520	71.189	171.192	17.545	10.500	-	13.167
1	Kinh phí thi đua khen thưởng	6.000	6.000	-				6.000		-	6.000	6.000			-					
2	Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật ; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500	1.500			-					
3	Chi cải cách hành chính	500	500	-				500		-	500	500			-					
4	Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2020.	10.000	10.000	-				10.000		-	10.000	10.000			-					
5	Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành	400	400	-				400		-	400	400			-					
6	Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)	200	200	-				200		-	200	200			-					
7	Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã; rà soát, khảo sát thống kê hộ,	70	70	-				70		-	70	70			-					
8	Sửa chữa, mua sắm phương tiện	15.000	15.000	-				15.000		-	15.000	15.000			-					
9	Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn; kinh phí tổ chức đại hội thi đua yêu	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000	4.000			-					
10	Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan	3.000	3.000	-	-	-	-	3.000		-	3.000	3.000			-					
11	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu	6.000	6.000	-				6.000		-	6.000	6.000			-					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
12	Chi hoạt động các lực lượng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông theo quy định	19.500	19.500	-				19.500		-	19.500	19.500			-					
13	Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000	3.000			-					
14	Hỗ trợ thiết bị và hoạt động nghiệp vụ hệ thống triển khai diện rộng hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000	1.000			-					
15	Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000	5.000			-					
16	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ	1.320	1.320	-				1.320		-	1.320		1.320		-					
17	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể	900	900	-				900		-	900			900	-					
18	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy	1.300	1.300	-				1.300		-	1.300			1.300	-					
19	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX	320	320	-				320		-	320			320	-					
20	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000			1.000	-					
21	Hỗ trợ các trường mầm non, tiểu học và THPT đạt chuẩn quốc gia; mức hỗ trợ: 15 trường MN + 06 trường TH x 200 triệu/trường; 15 trường THCS x 300	10.200	10.200	-				10.200		-	10.200				10.200					
22	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh và tăng biên chế khối tỉnh	8.046	8.046	-				8.046	1.046	-	7.000				8.046					
23	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú (Bổ sung có mục	1.918	1.918	-				1.918		-	1.918				1.918					
24	Hỗ trợ học sinh phổ thông TH ở vùng có điều kiện KTXHĐBKK (Bổ sung có mục	10.635	10.635	-				10.635		-	10.635				10.635					
25	Hỗ trợ chính sách giáo dục đối với người khuyết tật (Bổ sung có mục tiêu từ	4.540	4.540	-				4.540		-	4.540				4.540					
26	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật	500	500	-				500		-	500				500					
27	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học	700	700	-	-	-	-	700		-	700				700					
28	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV	600	600	-				600		-	600				600					
29	Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày	600	600	-				600		-	600	600			-					
30	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề.	7.000	7.000	-				7.000		-	7.000				7.000					
31	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo NĐ 116 và đào tạo khác	7.000	7.000	-				7.000		-	7.000				7.000					
32	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao	6.500	6.500	-				6.500		-	6.500				6.500					
33	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch (chi đào	6.500	6.500	-				6.500		-	6.500				6.500					

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
34	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				1.500					
35	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				5.000					
36	Hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)	550	550	-				550		-	550				550					
37	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật	161.192	161.192	-				161.192	102.322	58.870					-	161.192				
38	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành	10.000	10.000	-				10.000		-	10.000				-	10.000				
39	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-		2.000			
40	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2015 và tổ chức các ngày lễ lớn	6.000	6.000	-				6.000		-	6.000				-		6.000			
41	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa	700	700	-				700		-	700				-		700			
42	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao	500	500	-				500		-	500				-		500			
43	Kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày	700	700	-				700		-	700				-		700			
44	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013của	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				-		5.000			
45	Xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận Khu di tích lịch sử Đền Hùng là khu du lịch	500	500	-				500		-	500				-		500			
46	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật : và hội Nhà báo địa phương: (Bổ sung có mục tiêu từ ngân	645	645	-				645		-	645				-		645			
47	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành,	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				-		1.500			
48	Hỗ trợ đội bóng chuyền (Công an tỉnh)	1.500	1.500	-				1.500		-	1.500				-			1.500		
49	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập VĐV	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				-			3.000		
50	Chi cải tạo , sửa chữa các công trình khu liên hiệp thể thao Tỉnh	5.000	5.000	-				5.000		-	5.000				-			5.000		
51	Hỗ trợ TDTT các ngành đoàn thể	1.000	1.000	-				1.000		-	1.000				-			1.000		
52	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và	2.140	2.140	-				2.140		-	2.140				-					
53	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh	60.460	60.460	-				60.460		-	60.460				-					
54	Kinh phí khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng	3.550	3.550	-				3.550		-	3.550				-					
55	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự	26.000	26.000	-				26.000	-	-	26.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp, nạo vét, nắn chỉnh hệ thống ngòi tiêu Dậu Dương thuộc các huyện: Tam Nông, Thanh Thuỷ	9.000	9.000	-				9.000			9.000									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê tả, đê hữu ngòi Cò kết hợp làm đường sơ tán dân	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ vỏ sông đoạn Km93-Km93,7 đê tả sông Thao, thuộc địa phận xã Cao Xá huyện	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đập thuỷ lợi Mài Dao xã Xuân Thuỷ huyện Yên Lập	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
56	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách theo QĐ số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 (khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn); Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Về chính sách hỗ	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-					
57	Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).	30.300	30.300	-				30.300		-	30.300				-					
58	Kinh phí thực hiện thuỷ lợi phí	80.691	80.691	-				80.691		-	80.691				-					
59	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn	4.000	4.000	-				4.000		-	4.000				-					
60	Khắc phục giao thông sau bão, lũ đảm bảo giao thông trên các tuyến đường tỉnh 313B, 316B và 321C.	7.500	7.500	-				7.500		-	7.500				-					
61	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cụ x 400) và 100	1.055	1.055	-				1.055	1.055	-					-					1.055
62	Trợ cấp hàng tháng cho TNXP theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV (100 người x360x12)	864	864	-				864	864	-					-					864
63	Kp chi cho đối tượng bảo trợ XH được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo	3.740	3.740	-				3.740	3.740	-					-					3.740
64	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự	81.000	81.000	-				81.000	-	-	81.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá,	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường sơ tán dân đoạn Ninh Dân - Đông Thành - Thanh Vinh thuộc huyện Thanh Ba và thị xã Phú Thọ	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập-Ngọc Đồng, huyện Yên Lập	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba – Hạ Hòa – Đoan Hùng	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường tránh lũ, sơ tán dân qua địa bàn các xã: Hương Lung, Cấp Dẫn, Tùng Khê, Đồng Cam, Thuỵ Liễu Ngô Xá, Phượng Vĩ, Văn Bán huyện Cẩm Khê (đoạn Cấp Dẫn- Đường tỉnh 321)	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đoạn 1,5 km qua thị trấn Hưng Hoá, thuộc dự án nâng cấp cải tạo đường giao thông Tân Phương - Hưng	5.000	5.000	-				5.000			5.000									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Lang Sơn đi quốc lộ 70B huyện Hạ Hoà	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Sơn Tình- Phú Khê huyện Cẩm Khê	9.000	9.000	-				9.000			9.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Thanh Thủy - Thanh Sơn (Đối với đoạn thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy)	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghinh Xuyên huyện Đoan Hùng (từ thôn	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 321C, đoạn Lương Sơn - Phượng Vĩ (Km0+000-Km6+600) huyện Yên Lập và huyện Cẩm	5.000	5.000	-				5.000			5.000									
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ ĐT 314 đến trung tâm xã Cáo Điền huyện Hạ Hoà (đoạn Km1+800-Km3+605)	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
-	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 324 đoạn từ đê tả Sông Thao đến thị trấn Lâm Thao	7.000	7.000	-				7.000			7.000									
65	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an Tỉnh)	50	50	-				50		-	50				-					50
66	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an Tỉnh)	100	100	-				100		-	100				-					100
67	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an Tỉnh)	20	20	-				20		-	20				-					20
68	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (Bổ sung có mục tiêu từ	7.338	7.338	-				7.338		-	7.338				-					7.338
69	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các	3.000	3.000	-				3.000		-	3.000				-					
70	Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.	250	250	-				250		-	250				-					
71	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng	2.000	2.000	-				2.000		-	2.000				-					
72	Kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp công ích và bù lỗ theo quy định	23.000	23.000	-	-	-	-	23.000		-	23.000				-					
73	Kinh phí thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất	30.000	30.000	-				30.000		-	30.000				-					
74	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	48.621	48.621	-	-	-	-	48.621	-	-	48.621	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các	40.621	40.621	-				40.621			40.621									
	- Các nhiệm vụ khác của ngân sách địa	8.000	8.000	-				8.000			8.000									
C	**CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TỪ NGUỒN DO HĐND TỈNH GIAO TĂNG SO VỚI TRUNG**	**1.525**	**1.525**					-			**-**									
D	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI**	**1.200**	**1.200**					-			**-**									
E	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**89.530**	**89.530**					-			**-**									
F	**DỰ KIẾN CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN**	**300.000**	**300.000**					-			**-**									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Tổng cộng	Chi cân đối ngân sách																	
			Tổng cộng	Chi đầu tư phát triển				Chi thường xuyên theo lĩnh vực												
				Tổng số	*Trong đó:*			Tổng số	Bao gồm			QLNN	Đảng	Đoàn thể	Giáo dục - Đào tạo	Y Tế	Văn hoá	TDTT	PTTH	ĐBXH
					Chi đầu tư XDCB tập trung	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Chi hỗ trợ doanh nghiệp		Định mức	Kinh phí tăng lương và các chính sách	Nghiệp vụ									
G	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**	**1.555.103**	**-**					-			**-**									
H	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ**	**3.441.547**	**-**					-			**-**									

Tỉnh Phú Thọ.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2016 (Tiếp theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
	TỔNG CỘNG	**28.360**	**399.806**	**78.345**	**10.700**	**18.900**	**28.480**	**10.000**	**48.621**	**48.237**	**44.244**	**58.139**	**22.271**	**833.164**	**1.525**	**1.200**	**89.530**	**300.000**	**1.555.103**	**3.441.547**
A	**CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**																			
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH**	**28.360**	**399.806**	**78.345**	**10.700**	**18.900**	**28.480**	**10.000**	**48.621**	**48.237**	**44.244**	**58.139**	**22.271**	**833.164**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
I	CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ CỦA TỈNH	25.360	87.165	23.095						38.004	34.893	58.139	22.271	833.164						
1	Văn phòng UBND tỉnh		-							928	869	-	181							
-	Chi định mức QLNN		-							157	146		181							
-	Trung tâm Công báo -Tin học		-							7	7									
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ		-							100	95									
-	Chi hoạt động của thường trực UBND		-							150	143									
	Kinh phí xây dựng, hoàn thiện và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật		-																	
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường khu vực UBND tỉnh		-							150	143									
-	Kinh phí Ban chỉ đạo phòng chống AIDS và phòng, chống tệ nạn ma tuý, mại dâm		-																	
-	Chi sửa chữa và mua sắm thiết bị, tài sản UBND tỉnh		-							100	90									
-	In và phát hành Công báo của tỉnh		-																	
-	Chi hoạt động của trụ sở tiếp công dân		-							25	24									
-	Chi cải tạo sân vườn trụ sở cảnh quan									150	143									
-	Chi khác		-							90	81									
2	Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và		-							544	498	-	73							
-	Chi định mức		-							79	73		73							
-	Phụ cấp kiêm nhiệm đại biểu HĐND tỉnh		-																	
-	Phụ cấp nghiên cứu tài liệu + công tác phí của các đại biểu cơ sở +Đặt báo +tài liệu chuyên môn các đại biểu		-																	
-	Chi các kỳ họp HĐND tỉnh		-																	
-	Hỗ trợ đoàn đại biểu quốc hội		-																	
-	Chi hoạt động của 3 ban của HĐND Tỉnh		-																	
-	Chi các hoạt động giám sát ,		-							80	72									
-	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri		-							35	32									
-	Chi các hội nghị giao ban trong tỉnh		-							30	27									
	Kinh phí xây dựng và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật		-																	
-	Chi hoạt động của Thường trực HĐND		-							125	119									
-	Kinh phí đảm bảo các hoạt động của HĐND theo mức chi của Nghị quyết 44/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chế độ chi hoạt động của HĐND các cấp tỉnh		-							50	45									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi bản tin		-																	
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử đoàn đại biểu quốc hội và HĐND tỉnh		-							50	45									
-	Chi hội nghị tổng kết HĐND khóa XVII-NK2011-2016.		-							25	23									
-	Chi phục vụ hoạt động bầu cử HĐND (giám sát bầu cử 20 cuộc).		-							20	18									
-	Chi xây dựng cuốn kỷ yếu HĐND khóa		-																	
-	Chi mua sắm trang phục, cặp đại biểu nhiệm kỳ mới 2016-2021 + kinh phí chia tay đại biểu nhiệm kỳ 2011-2016.		-																	
-	Sửa chữa và mua sắm tài sản		-							50	45									
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư		-							191	175	150	97	800						
-	Chi định mức		-							111	103	150	97	800						
-	Hoạt động tư vấn đánh giá dự án đầu tư		-																	
-	Chi ban chỉ đạo các CTMTQG		-																	
-	Kinh phí xây dựng các văn bản quy phạm		-																	
-	Kinh phí chi gặp mặt các doanh nghiệp và doanh nhân hàng năm		-																	
-	Chi Ban chỉ đạo, văn phòng phát triển bền vững tỉnh Phú Thọ		-																	
-	Chi phụ cấp + trang phục thanh tra.		-																	
-	Kinh phí duy trì trang thông tin điện tử.		-																	
-	Kinh phí chi một cửa liên thông		-							20	18									
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản		-							50	45									
	Kinh phí nghiệp vụ Ban Đổi mới doanh									10	9									
-	Chi Ban chỉ đạo Xã hội hoá về công tác giáo dục, y tế		-							-	-									
4	Sở Khoa học và Công nghệ	19.010	-							1.269	1.176	-	-							
-	Chi định mức biên chế		-							39	36		-							
-	Chi nghiên cứu khoa học và phát triển	11.429	-							571	543									
-	Công tác kế hoạch hoá. Thống kê khoa học công nghệ và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh; Quản lý	1.200	-							120	108									
-	Chi công tác quản lý công nghệ và thanh	350	-							35	32									
-	Công tác sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và	220	-							22	20									
-	Hoạt động tin học và thông tin khoa học	400	-							40	36									
-	Chi hoạt động ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học	400	-							40	36									
-	Công tác tiêu chuẩn đo lường chất lượng	400	-							40	36									
-	Đào tạo trao đổi, hợp tác về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước	500	-							50	45									
-	Bổ sung trang thiết bị, tăng cường tiềm lực phục vụ nghiên cứu và quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	411	-							41	37									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Hỗ trợ các hoạt động khoa học công nghệ của các sở, ban, ngành, các hội khoa học, hội đồng khoa học công nghệ các cấp và	1.200	-							120	108									
-	Khảo sát, xác định các kết quả nghiên cứu khoa học của chương trình KHCN trọng điểm cấp nhà nước phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc; rà soát, đánh giá tính ứng dụng các kết quả nghiên cứu của các đề tài dự án KHCN từ 2010 đến nay để	500	-							50	45									
-	Hỗ trợ nhân rộng kết qủa nghiên cứu và ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH-CN	1.000	-							50	48									
-	Hỗ trợ xây dựng bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm, hàng hóa đặc trưng và	1.000	-							50	48									
5	TT tin học và thông tin KH và CN (Sở	1.104	-	-						55	50	-	-	-						
	Chi định mức	904	-							35	32		-							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.	200	-							20	18									
6	TT Kỹ thuật đo lường - thử nghiệm (Sở	831	-							35	32		1							
7	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH và CN	993	-							35	31									
8	Qũy phát triển khoa học và công nghệ (Sở	2.522	-	-						37	34	-	1	-						
-	Chi định mức	322	-							17	16		1							
-	Chi hoạt động nghiệp vụ của Quỹ phát	200	-							20	18									
-	Bổ sung vốn điều lệ Quỹ phát triển khoa học công nghệ	2.000	-																	
9	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng		-							22	21	10	13	300						
10	Chi cục thú y		7.557							139	128	80	373	210						
-	Chi định mức biên chế QLNN		-							25	23		353							
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp		4.245							44	42	80	20	210						
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành		292																	
-	Chi kiểm tra vệ sinh thú y, công tác thú y thuỷ sản và phòng chống bệnh dại		500							50	45									
-	Phòng chống dịch diện rộng (thực hiện 02 đợt tiêm phòng vắc xin gia súc, gia cầm + 02 đợt phun khử trùng).		2.000																	
-	Kinh phí sửa chữa các trạm thú y huyện Yên Lập, Đoan Hùng .		200																	
-	Thuê trụ sở làm việc các trạm: Việt Trì, Thanh Thuỷ, Thanh Sơn, Tân Sơn, Hạ		120																	
-	Chi hoạt động nghiệp vụ tuyên truyền: 120 triệu đồng; chi phân tích mẫu thuốc và thức ăn chăn nuôi: 80 triệu đồng.		200							20	18									
11	VP Chi cục bảo vệ thực vật		6.023							186	171	4	33	40						
-	Chi định mức biên chế QLNN		-							14	13	4	33	25						
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp		4.422							52	49			15						
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành + trang phục		251																	
-	Chi kiểm tra, lấy mẫu thuốc, phân tích		150																	
-	Hỗ trợ công tác tuyên truyền		100							10	9									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Kinh phí xây dựng mô hình kỹ thuật diệt chuột hại cây trồng.		100							10	9									
-	Sửa chữa nhà lưới phục vụ công tác dự tính, dự báo, điều tra sâu bệnh.		350							35	32									
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		200							20	18									
-	Chi hoạt động phòng trừ sâu bệnh + duy		450							45	41									
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		600							130	119	32	50	80						
-	Chi định mức biên chế		-							70	65	32	50	80						
-	Chi Phụ cấp + trang phục thanh tra + chi lấy mẫu kiểm tra, phân tích		-																	
-	Chi cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở		-																	
-	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản cố		-							20	18									
-	Ban chỉ đạo các chương trình nông nghiệp		200																	
-	Chi cho công tác báo cáo tiến độ SX NLN		400							40	36									
13	Chi cục đê điều và Phòng chống lụt bão		11.959							972	877	-	2							
-	Chi định mức biên chế QLNN		-							20	18		2							
-	Chi định mức đội quản lý đê		2.186							28	26		1							
-	Phụ cấp ưu đãi ngành		173																	
-	Tu bổ đê, kè cống		5.000							500	450									
-	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp kè		4.000							400	360									
-	Chi nghiệp vụ (Trong đó chi cho Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão: 400 triệu đồng)		600							24	23									
14	Chi cục Thuỷ lợi		7.245							642	580	-	14							
-	Chi định mức biên chế QLNN		-							32	30		14							
-	Định mức biên chế sự nghiệp		1.245							30	29									
-	Chi ban chỉ đạo, quản lý CTMT nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn		200																	
-	Chi hoạt động tuyên truyền, kiểm tra chống úng, chống hạn, vệ sinh môi trường		300							30	27									
-	Duy tu sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt do cộng đồng quản lý và các công trình thủy lợi.		5.000							500	450									
-	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản		500							50	45									
15	Chi cục Thuỷ sản		2.250							138	126	40	-	1.200						
-	Chi định mức biên chế QLNN		-							39	36	40	-	1.200						
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp		650							9	9									
-	Hỗ trợ mua cá hậu bị giống mới để sản xuất cá bố mẹ , bảo tồn lưu giữ giống cá		400																	
-	Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật sản xuất giống mới và cải tạo đàn cá bố mẹ cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn		300																	
-	Chi điều tra cảnh báo phòng trị bệnh dịch thuỷ sản (chi lấy mẫu, xét nghiệm, kiểm tra…); điều tra , lấy mẫu thức ăn phục vụ		200							20	18									
-	Chi sửa chữa nhà và mua sắm tài sản, thiết bị phục vụ chuyên môn		400							40	36									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi tuyên truyền khuyến khích phát triển thuỷ sản + nghiệp vụ		300							30	27									
16	Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản		-							195	175	18	8	103						
-	Chi định mức		-							30	27	18	8	103						
-	Chi chế độ bồi dưỡng cho công chức thanh tra chuyên ngành theo QĐ		-																	
-	Mua sắm thiết bị, tài sản, sửa chữa tài sản		-							40	36									
-	Chi xây dựng quản lý chuỗi cung cấp thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn (QĐ số 3073/QĐ-BNN-QLCL ngày 27/12/2013).		-							60	54									
	Chi tổ chức các đoàn thanh tra liên ngành kiểm tra, giám sát cảnh báo nguy cơ mất		-							30	27									
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, phổ biến pháp luật về an toàn TP, lấy mẫu phân tích …		-							35	32									
17	Chi cục Lâm nghiệp		318							83	75	-	-							
-	Chi định mức biên chế		-							27	24		-							
-	Chi sửa chữa tài sản cố định		-							20	18									
-	Chi trang phục, mua sắm thiết bị và chi nghiệp vụ phục vụ thanh tra		-							30	27									
-	Chi định mức biên chế sự nghiệp		318							6	5									
18	Chi cục phát triển nông thôn		670							70	65	-	-							
-	Chi định mức QLNN		-							31	28		-							
-	Chi định mức sự nghiệp		-							10	9									
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản cố định		-							30	27									
-	Kinh phí hội chợ làng nghề		200																	
-	Chi kiểm tra làng nghề và thưởng công nhận làng nghề (dự kiến 6 làng nghề x30		170																	
-	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo và văn phòng điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Phú Thọ		300																	
19	Chi cục Kiểm lâm		5.299							416	374	-	-							
-	Chi định mức		-							206	185									
-	Phụ cấp theo NĐ 116/2010/NĐ-CP.		-																	
-	Chi mua sắm tài sản (trụ sở mới)		-							50	45									
-	Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thâm niên, trang phục: 450 triệu đồng		-																	
-	Chi hỗ trợ công tác tuyên truyền PCCR.		300							30	27									
-	Chi hỗ trợ sửa chữa đường băng cản lửa.		180																	
-	Chi nghiệp vụ+ mua thiết bị .		300							30	27									
-	Nuôi dưỡng chăm sóc chó nghiệp vụ		10																	
-	Bảo vệ rừng mùa khô hanh 139 xuất		250																	
-	Chi phí kiểm kê rừng		3.259																	
-	Hỗ trợ sửa chữa các Hạt, trạm kiểm lâm: Việt Trì, Thanh Ba, Thanh Sơn, Đoan Hùng, Hạ Hòa, Tam Nông, Hà Thạch.		1.000							100	90									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
20	Vườn Quốc gia Xuân Sơn		5.224							117	109	-	200							
-	Chi định mức		4.724							67	64		200							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		500							50	45									
21	BQL rừng phòng hộ Sông Bứa		921							38	35	-	-							
-	Chi định mức biên chế		721							18	17		-							
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản		200							20	18									
22	BQL rừng phòng hộ Ngòi Giành		1.482							59	54	-	13							
-	Chi định mức biên chế		982							9	9		13							
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản		500							50	45									
23	Trung tâm khuyến nông		6.217							281	259	-	-							
-	Chi định mức		2.617							31	29		-							
-	Thông tin tuyên truyền		300							30	27									
-	Tham quan học tập		100							10	9									
-	Tập huấn, huấn luyện		300							30	27									
-	Tổ chức tuyên truyền nhân rộng mô hình thâm canh cải tạo vườn bưởi Đoan Hùng		200							20	18									
-	Kinh phí mua sắm tài sản phục vụ tuyên		200							20	18									
-	XD mô hình trình diễn, khuyến nông,		1.800							90	86									
-	Chi sửa chữa nhà làm việc và các công		500							50	45									
-	Chi hỗ trợ tiêu thu sản phẩm cho nông		200																	
24	Trung tâm Giống vật nuôi Phú Thọ		3.836							75	68	-	-	10.300						
-	Chi định mức biên chế		1.636							25	23		-	10.300						
-	Hỗ trợ sản xuất giống lợn gốc ông bà để sản xuất giống bố mẹ chất lượng		800																	
-	Hỗ trợ sản xuất gà giống		300																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		500							50	45									
-	Hỗ trợ sản xuất tinh dịch lợn		300																	
-	Chi hỗ trợ cải tạo đàn bò bằng PP thụ tinh		300																	
25	BQL Dự án công trình xây dựng nông nghiệp và PTNT		384							1	1	-	-							
26	Sở Nội vụ		-							197	179	-	91							
	Chi định mức		-							67	62		91							
	KP thực hiện chương trình phát triển thanh niên GĐ 2015-2020 theo QĐ số 2474/QĐ-TTg ngày 30/12/2011của Thủ tướng CP; Đánh giá thực hiện đề án thí		-							30	27									
	Kinh phí thực hiện cải cách hành chính, triển khai chính sách tinh giản biên chế									50	45									
	Chi sửa chữa + mua sắm tài sản và lắp đặt		-							50	45									
27	Ban Tôn giáo		-							53	47	-	6							
	Chi định mức		-							23	20		6							
	Mua sắm tài sản, chi nghiệp vụ		-							30	27									
	Chi chúc mừng, thăm hỏi các tổ chức, chức việc, chức sắc tôn giáo		-																	
28	Ban dân tộc		-							73	66	-	-							
	Chi định mức biên chế		-							18	17		-							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
	Cung cấp thông tin, tập huấn bồi dưỡng kiến thức và thăm hỏi người có uy tín theo		-																	
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		-							30	27									
	Chi nghiệp vụ		-							25	23									
29	Ban thi đua khen thưởng		-							72	66	-	-							
-	Chi định mức		-							22	21		-							
-	Mua sắm sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Các nhiệm vụ phục vụ thi đua KT		-							30	27									
30	Thanh tra tỉnh		-							108	98	-	17							
-	Chi theo định mức		-							43	40		17							
-	Chi phụ cấp ưu đãi ngành , thâm niên ,		-																	
-	Thanh tra viên trực tiếp tiếp dân và xử lý		-																	
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản .		-							30	27									
-	Kinh phí duy trì mạng Lan và trang thông tin điện tử		-																	
-	Chi Ban chỉ đạo Đề án 1-1133 về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo ở xã, phường, thị		-							-	-									
-	Kinh phí trích cho thanh tra tỉnh để thực hiện các nội dung theo Thông tư Liên tịch số 90/2012/TTLT-BTC- TTCP ngày 30/5/2012 và Nghị quyết 29/2012/NQ-		-																	
-	Chi nghiệp vụ		-							35	32									
31	Trung tâm Thông tin tư liệu thanh tra (Thanh tra tỉnh)		-							32	30	-	-							
-	Chi theo định mức		-							12	12		-							
-	Chi xuất bản Bản tin thanh tra, tiền nhuận bút , nghiệp vụ duy trì thông tin điện tử , tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật		-																	
-	Mua sắm tài sản		-							20	18									
32	Sở Tài chính		-							178	164	-	68	2.500						
-	Chi theo định mức		-							78	74		68	2.500						
-	Công bố giá hàng tháng		-																	
-	Duy trì diện rộng hệ thống TABMIT….		-							50	45									
-	Kinh phí xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật		-																	
-	Kinh phí thực hiện Thông tư 123/2011/TT-BTC; Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013; Thông tư 198/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 về quản lý, kiểm tra, rà soát, đăng nhập dữ liệu tài sản nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác 500tr trở lên; tài sản các công trình nước sạch, TS ban QL dự án vào hệ thống quản lý quốc gia; triển khai thực hiện QĐ số: 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 về kiểm tra, rà soát, xây dựng phương án sắp		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Kinh phí chi nghiệp vụ thực hiện Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 về thực hiện cs thuỷ lợi phí; Thông tư liên tịch số 32/2013/TT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ Tài chính về theo dõi, đôn đốc thu hồi nợ, giao nhận và hoàn trả		-																	
-	Chi hội đồng thẩm định bảng giá đất theo NĐ 44/2014/NĐ-CP ; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tính tiền sử dụng đất theo NĐ 45/2014/NĐ-CP; TT số 48/2012/TT-BTC; TT số 137/2010/TT-BTC;TT số 38/2014/TT-BTC theo quy		-																	
-	Kinh phí duy trì mạng Lan, trang thông tin điện tử và công tác thống kê, lưu trữ		-																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							50	45									
-	Chi phụ cấp ưu đãi, thâm niên ngành + trang phục Thanh tra		-																	
33	Sở Công thương		-							364	331	90	-	350						
-	Chi định mức		-							74	69	90	-	350						
-	Chi phụ cấp ưu đãi; thâm niên; trang phục		-																	
-	Chi hoạt động của Ban hội nhập kinh tế		-																	
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản, nâng cấp hệ thống điện của sở.		-							55	50									
-	Chi xúc tiến thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ thương mại; Hỗ trợ tổ chức đưa hàng		-							60	54									
-	Kinh phí bàn giao lưới điện áp nông thôn (Ban QL JII); Tổ chức thu hồi vốn DA		-																	
-	Chi BCĐ an toàn lưới điện cao áp (200 triệu); tập huấn kiến thức cho các CSSXKD (150 triệu); đánh giá tác động môi trường ngành công thương (150		-							25	24									
-	Kinh phí quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Phú Thọ đến năm 2025.		-							100	90									
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng đề án cơ sở dữ liệu ngành		-							50	45									
34	Sở Xây dựng		-							151	138	160	40	700						
-	Chi định mức		-							84	78	160	40	700						
-	Chi mua trang phục cho thanh tra viên		-																	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		-							27	24									
-	Kinh phí mở lớp tập huấn văn bản pháp luật liên quan đến xây dựng		-																	
-	Kinh phí điều tra, thu thập số liệu báo cáo thống kê ngành Xây dựng theo Thông tư 06/2012/ TT-BXD ngày		-																	
-	Kinh phí hoạt động của BCĐ thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở đối với hộ		-							-	-									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Kinh phí xác định, công bố chỉ số giá xây dựng năm 2016.		-							40	36									
35	Sở Giao thông vận tải		27.180							563	538	500	-	13.000						
-	Chi định mức		-							136	127	500	-	13.000						
-	Mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi phụ cấp thanh tra + trang phục thanh tra giao thông		-																	
-	Duy tu sửa chữa TX đường tỉnh (730 km-137,56+143)x 30		27.180							396	385	-								
36	Sở Tư pháp.		-							281	256	25	67	500						
	Chi định mức		-							76	71	25	67	500						
-	Chi công tác cải cách hành chính nhà nước và hoạt động kiểm soát thủ tục hành		-							20	19									
-	Kinh phí duy trì tủ sách pháp luật (2triệu đồng/xã/năm; Riêng huyện Tân sơn: 2,5 triệu đồng/xã/năm)		-																	
-	Chi phục vụ công tác hành chính tư pháp; Mua biểu mẫu , sổ sách cấp hộ tịch cho các xã phường, thị trấn ; quản lý khai thác		-							40	36									
-	Kinh phí chi phục vụ Công tác xây dựng thi hành VBQP pháp luật; Công tác hành		-							30	27									
-	Kinh phí phục vụ công tác kiểm tra, rà soát hệ thống hoá văn bản quy phạm		-																	
-	Mua sắm, sửa chữa, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và sửa chữa trụ sở		-							35	32									
-	Kinh phí thực hiện Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (cấp tỉnh)		-							30	27									
-	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục		-							50	45									
37	Sở Tài nguyên và Môi trường		-	14.800						1.202	1.083	170	57	1.835						
-	Chi định mức		-							52	48	170	57	1.835						
-	Chi phụ cấp + thâm niên thanh tra		-																	
-	Chính lý biến động đất đai		-	200																
-	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh		-	1.000						100	90									
-	Kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2015 cấp tỉnh		-	1.000																
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn tỉnh		-	500																
-	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, đo đạc thống kê chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông, lâm trường quốc doanh		-	3.000						300	270									
-	Dự án khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản		-	200																
-	Rà soát khu vực cấm, tạm cấm khai thác		-	500																

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Các hoạt động quản lý khoáng sản và thẩm định cấp quyền khai thác khoáng sản		-	200						20	18									
-	Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất vùng Lâm Thao		-	1.000						100	90									
-	Triển khai dự án ứng phó biến đổi khí hậu		-	300						30	27									
-	Kinh phí lập, thực hiện dự án điều tra thoái hoá đất kỳ đầu tỉnh Phú Thọ		-	1.000						100	90									
-	Kinh phí thực hiện dự án "Quy hoạch phân bổ và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn		-	1.000						100	90									
-	Các hoạt động quản lý TN nước -KTTV		-	100						10	9									
-	Quản lý thu thập, xử lý thông tin tài nguyên và môi trường		-	1.000						100	90									
-	Trang thông tin + bản tin Tài nguyên môi		-	400																
-	Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh		-	100						-	-									
-	Thực hiện mạng lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường		-	500						50	45									
-	Phối hợp với các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh thực hiện CT bảo vệ môi trường		-	200						20	18									
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, lập công bố danh mục các nguồn nước phải lập hành		-	300						30	27									
-	Kinh phí thực hiện dự án xây dựng CSDL tài nguyên môi trường		-	1.000						100	90									
-	Chi trang phục và nghiệp vụ thanh tra		-	200																
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản của sở Tài nguyên		-	400						40	36									
-	Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Phú thọ đến năm 2020 tầm nhìn đến năm		-	500						50	45									
-	Kinh phí đo đạc trích lục bản đồ đối với những nhà đầu tư không sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư vào tỉnh Phú Thọ		-	200																
38	Chi cục quản lý đất đai		-	100						111	101	-	-							
-	Chi định mức		-							46	43		-							
-	Chi tuyên truyền phổ biến Luật đất đai		-							20	18									
	Chi xác định giá đất, thẩm định hồ sơ xác định giá đất làm căn cứ thu tiền SDĐ, tiền thuê đất của các huyện, thành, thị.		-							25	23									
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Lập danh mục các dự án phải thu hồi đất		-	100																
39	Chi cục Bảo vệ Môi trường		-	900						127	116	-	15							
-	Chi định mức		-							27	26		15							
-	Chi sửa chữa tài sản		-							10	9									
-	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về		-	200						20	18									
-	Xây dựng báo cáo chuyên đề hiện trạng môi trường; Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường, thẩm định ĐTM		-	350						35	32									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác chuyên		-	100						10	9									
-	Lấy mẫu, giám định các thông số môi trường phục vụ việc xác nhận hoàn thành các công trình xử lý MT trước khi đưa vào vận hành; Kiểm tra hiện trạng môi		-	250						25	23									
40	Trung tâm Công nghệ thông tin (Sở Tài nguyên và Môi trường)		-	1.209						47	44	-	-	160						
-	Chi định mức		-	1.009						27	26			160						
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-	200						20	18									
41	Trung tâm Quan trắc bảo vệ môi trường		-	1.509						105	95	-	14							
-	Chi định mức		-	909						45	41		14							
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-	200						20	18									
-	Vận hành Trạm quan trắc môi trường không khí tự động		-	400						40	36									
42	Trung tâm kỹ thuật công nghệ tài nguyên		-	1.592						53	48	-	-							
	Chi định mức		-	1.292						23	21									
	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-	300						30	27									
43	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất		-	870						30	27	52	-	224						
	Chi định mức		-	670						10	9	52	-	224						
	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-	200						20	18									
44	Trung tâm phát triển quỹ đất		-	1.588						52	48	-	-							
	Chi định mức		-	1.288						22	21									
	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-	300						30	27									
45	Quỹ Bảo vệ môi trường (Trong đó sửa chữa mua sắm TS: 200 triệu đồng)		-	527						18	17	-	-							
46	Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch		-							1.648	1.493	50	60	300						
*	Chi định mức QLNN		-							94	87	50	50	180						
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							50	45									
*	Đoàn kịch		-							275	249		8	65						
-	Định mức		-							17	16		8							
-	Phụ cấp ưu đãi ngành		-																	
-	Xây dựng vở mới		-							50	45									
-	Biểu diễn miền núi		-																	
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp		-																	
-	Chi cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà công		-							200	180									
-	Chi bồi dưỡng luyện tập		-																	
-	Dàn dựng, biểu diễn phục vụ các nhiệm		-																	
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật		-							8	7									
*	Đoàn chèo		-							163	148		2	55						
-	Định mức		-							15	14		2							
-	Phụ cấp ưu đãi ngành		-																	
-	Xây dựng vở mới		-							60	54									
-	Biểu diễn miền núi		-																	
-	Hội diễn nghệ thuật chuyên nghiệp		-																	
-	Chi sửa chữa , mua sắm thiết bị		-							80	72									
-	Chi bồi dưỡng luyện tập		-																	
-	Dàn dựng biểu diễn phục vụ các nhiệm		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Bảo tồn lưu giữ phát huy di sản Hát Soan và di sản khác		-																	
-	Tập huấn nâng cao trình độ nghệ thuật		-							8	7									
*	Nghiệp vụ VHTT		-							400	360									
*	Trung tâm Văn hoá thông tin		-							31	30									
*	Chi nghiệp vụ công tác gia đình		-							60	54									
*	Hoạt động nghiệp vụ du lịch		-							100	90									
*	Ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá		-																	
*	Kinh phí quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Phú Thọ GĐ 2011-2020, định hướng đến năm 2030.Sản xuất ấn phẩm giới thiệu về du lịch PT; xây dựng 01 sản phẩm du lịch		-							150	135									
*	Chương trình hợp tác phát triển 5 tỉnh Tây bắc mở rộng		-							50	45									
*	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc của Sở		-							50	45									
*	Kinh phí cải tạo, sửa chữa trụ sở Thư viện									150	135									
*	Chi chuyên môn nghiệp vụ thể thao + tổ chức các hoạt động thể thao		-							75	71									
47	Bảo tàng Hùng Vương	-	-	-						108	100	-	1	60						
-	Chi định mức		-							33	31		1	60						
-	Chi phí cho công tác kiểm kê, phân loại, bảo quản, tu sửa phục chế hiện vật, tư liệu		-							30	27									
-	Khai quật + bảo tồn di tích khảo cổ học Phùng Nguyên - Kinh Kệ - Lâm Thao.		-																	
-	Điều tra nghiên cứu sưu tầm và hoạt động vật thể các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 theo Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011; Điều tra sưu tầm văn hóa phi vật thể "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương"; Kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản VH truyền thống điển hình		-																	
-	Sưu tầm tư liệu hiện vật trưng bày, tuyên truyền về biển đảo Trường sa, Hoàng Sa		-																	
-	Chi hoạt động Bảo tàng (điện, nước và các hoạt động phục vụ khách tham quan).		-							15	14									
-	Chi sửa chữa mái nhà Bảo tàng		-							30	27									
48	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Đền		-							2	1		20							
49	Thư viện khoa học tổng hợp		-							170	154	10	-	50						
-	Chi định mức		-							20	19	10		50						
-	Kinh phí mua sắm tài sản, công cụ phục vụ nghiệp vụ		-							50	45									
-	Kinh phí xử lý mối, bảo quản sách		-							30	27									
-	Chi phí bảo dưỡng duy trì thư viện điện tử, xây dựng Website thư viện		-							30	27									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi tổ chức cuộc thi Thiếu nhi Đất tổ kể chuyện sách hè; cuộc thi liên hoan tiếng hát ngành thư viện; triển lãm sách, tư liệu phục vụ Giỗ tổ Hùng Vương; tổ chức kỷ		-							40	36									
-	Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN thư		-																	
-	Bổ sung sách báo hàng năm cho thư viện		-																	
-	Chi bổ sung sách cho kho luân chuyển đến các điểm bưu điện- văn hoá xã		-																	
50	Khu di tích lịch sử Đền Hùng	-	-	-						86	80	600	-	33.490						
-	Chi định mức		-							36	35	600	-	33.490						
-	Chi mua sắm tài sản (trụ sở mới).		-							50	45									
-	Chi xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy giá trị Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương,		-																	
51	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Phú		-							43	39	-	-							
-	Chi định mức		-							13	12		-							
-	Kinh phí hoạt động 9 chuyên ngành		-																	
-	Trao thưởng hàng năm của 9 chuyên		-																	
-	Kinh phí mở lớp năng khiếu sáng tác bồ dưỡng tài năng trẻ		-																	
-	Hỗ trợ kinh phí tổ chức ngày thơ VN năm 2015: 50 triệu đồng; Kinh phí hỗ trợ cho 3 ngành mỹ thuật, nhiếp ảnh và Âm nhạc		-																	
-	Chi hỗ trợ hoạt động 7 chi hội trực thuộc Trung ương tại tỉnh Phú Thọ		-																	
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản		-							20	18									
-	Kin ph ố c ứ ội t ảo cá in Tâ Bắc và Đông Bắc bộ (16 tỉnh) chủ đề: Văn học NT với xây dựng Việt Trì thành		-							10	9									
-	Hỗ trợ kinh phí trả nhuận bút		-																	
52	Tạp chí văn nghệ Đất Tổ		-							25	23	-	-							
-	Chi định mức		-							5	5		-							
-	Hỗ trợ trả nhuận bút TCVNĐT và phụ san TCVNĐT		-																	
-	Cấp tạp chí VH đất tổ cho các xã		-																	
-	Kinh phí tổ chức triển lãm nghệ thuật "Hồ Chí Minh - Tên người là cả một niềm thơ"; tổ chức hội báo xuân; xuất bản các		-																	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản.		-							20	18									
53	Hội Nhà báo		-							48	43	-	-							
-	Chi định mức		-							8	7		-							
-	Chi giải thưởng hội nhà báo hàng năm		-																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.		-							10	9									
-	Chi nghiệp vụ		-							30	27									
54	TT phát hành phim và chiếu bóng		-							242	218	40	-	700						
-	Chi định mức biên chế		-							12	11	40	-	700						
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản máy móc,		-							30	27									
-	Chi mua sắm máy chiếu phim kỹ thuật số		-							50	45									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi sửa chữa rạp hoà phong		-							150	135									
-	Chi trợ giá các buổi chiếu phim miền núi 2.637.000đ x 1.616 bu ổi, phim thiếu nhi		-																	
55	TT Thông tin xúc tiến du lịch		-							70	64	-	-							
-	Chi định mức		-							20	19		-							
-	Chi nghiệp vụ		-							30	27									
-	Biên tập, in ấn phát hành Bản tin Du lịch Phú Thọ +in tờ rơi, tờ gấp quảng bá du		-																	
-	Sửa chữa, mua sắm tài sản		-							20	18									
56	Trung tâm dịch vụ môi trường và HT kỹ thuật Khu di tích lịch sử Đền Hùng	-	-	-						5	5	-	-	-						
-	Chi định mức;		-							5	5									
-	Kịnh phí bảo vệ 39,6 ha rừng nhận bàn giao từ Công ty Giấy.		-																	
-	Kinh phí duy tu, bảo dưỡng 20km đường thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng quản		-																	
57	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		-							1.060	963	3	-	17						
*	Chi quản lý NN		-							122	112	3	-	17						
-	Chi định mức		-							72	67	3	-	17						
-	Chi sửa chữa tài sản		-							50	45									
*	Trung tâm Trợ giúp XH và phục hồi chức năng cho người tâm thần		-							109	100	-	-							
-	Chi định mức		-							39	37		-							
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực		-																	
-	Trợ cấp các đối tượng theo NĐ		-																	
	Chi cho công tác tuyên truyền tư vấn nghiệp vụ chăm sóc sức khỏe cho người tâm thần ngoài cộng đồng; phối hợp với chính quyền địa phương giúp đỡ người		-							20	18									
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.		-							50	45									
*	Trung tâm giáo dục LĐXH		-							96	89	-	-							
-	Chi định mức		-							46	44		-							
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực		-																	
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.		-							50	45									
-	Kinh phí tổ chức cai nghiện cho đối tượng ma tuý tại trung tâm		-																	
*	TT điều dưỡng người có công		-							105	97	-	-							
*	Chi định mức		-							55	52		-							
*	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực		-																	
*	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.		-							50	45									
*	Chi hỗ trợ đưa người có công đi điều dưỡng tập trung		-																	
*	Nghiệp vụ ngành		-							60	54									
*	Thu gom các đối tượng lang thang		-							10	9									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
*	Mai táng phí cựu TNXP và CCB		-																	
*	Chi công tác an toàn vệ sinh lao động + phòng chống cháy nổ		-							10	9									
*	Các đoàn đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ		-																	
*	Chi quà Tết, 27/7 và báo cho các đối tượng chính sách		-																	
*	Hoạt động của Ban chỉ đạo giải quyết việc		-																	
*	Hỗ trợ hoạt động xuất khẩu lao động và tuyên truyền về xuất khẩu lao động		-							50	45									
*	Kinh phí chi công tác tuyên truyền, kiểm tra giám sát thực hiện đề án công tác xã		-																	
*	Đưa đón các đối tượng đi điều dưỡng		-							40	36									
*	Kinh phí kỷ niệm ngày TBLS 27/7		-							-	-									
*	Thu thập, xử lý thông tin cung cầu lao		-							35	32									
*	Kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người		-							10	9									
*	Chi rà soát hộ nghèo		-																	
*	Chi Ban chỉ đạo giảm nghèo		-																	
*	Hội giảng giáo viên dạy nghề		-							50	45									
*	Chi hoạt động của Hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp lao động, hội nghị tuyên truyền, kiểm tra việc thực hiện Luật lao động tại các doanh nghiệp (Đề án		-							20	18									
*	Chi hoạt động nghiệp vụ chăm sóc trẻ em		-							50	45									
*	Kinh phí thực hiện chương trình hành động vì trẻ em Phú Thọ giai đoạn 2013-		-							20	18	-								
*	Triển khai Kế hoạch Phòng tránh đuối nước cho trẻ em; KH Phòng chống		-							20	18	-								
*	Chi hoạt động bình đẳng giới và BCĐ vì sự tiến bộ của phụ nữ		-																	
*	Kinh phí thực hiện Đề án 647/QĐ-TTg về chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		-							30	27									
*	Chi các Ban chỉ đạo các chương trình của ngành (Người cao tuổi; Dạy nghề; …)		-																	
*	Kinh phí chi cho các hoạt động quản lý đối tượng bảo trợ xã hội		-							13	12									
*	Phụ cấp và trang phục thanh tra		-																	
*	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị		-							-	-									
*	Hỗ trợ kinh phí tiền ăn và tiền đi lại cho trẻ em phẫu thuật tim bẩm sinh		-																	
*	Kinh phí xây dựng công trình Kho lưu trữ hồ sơ người có công với cách mạng									150	135									
*	Các nhiệm vụ phát sinh khác		-							60	54									
58	Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội		-							66	61	-	-							
-	Chi định mức		-							26	25		-							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		-							20	18									
-	Chi nghiệp vụ tuyên truyền.		-							20	18									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Hoạt động nghiệp vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình phòng chống mại dâm; công tác phòng chống ma tuý		-																	
-	Hoạt động nghiệp vụ tiếp nhận phụ nữ và trẻ em từ nước ngoài về (Chi cục		-																	
59	Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Phú Thọ		-							11	11	-	-							
-	Định mức		-							1	1		-							
-	Kinh phí vận động tài trợ, tổ chức lễ trao quà và nghiệp vụ		-							10	10									
60	Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy		-							36	34	-	-							
-	Định mức		-							16	16		-							
-	Chi phụ cấp thu hút đặc thù: Ưu đãi, thu hút đặc thù, độc hại, tiền trực		-																	
-	Chi chế độ cho đối tượng sau cai nghiện theo TT 121/2010/TTLT BTC-		-																	
-	Chi mua sắm sửa chữa tài sản.		-							20	18									
61	Ban QL các khu công nghiệp Phú Thọ		-							299	269	-	-							
-	Chi định mức biên chế		-							49	44		-							
-	Định mức biên chế sự nghiệp		-																	
-	Chi quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp		-							20	18									
-	Chi bổ sung một số hạng mục thiết yếu khu trụ sở làm việc của Ban.		-							100	90									
-	Kinh phí quy hoạch khu công nghiệp Phù		-							50	45									
-	Chi nghiệp vụ xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp; chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý khu Công nghiệp		-							80	72									
62	Sở Thông tin và truyền thông		-							215	198	-	14							
-	Chi định mức biên chế		-							70	65		14							
-	Chi nhuận bút và nghiệp vụ phục vụ chuyên môn cổng giao tiếp điện tử		-																	
-	Kinh phí duy trì trung tâm tích hợp dữ		-							35	32									
-	Kinh phí sửa chữa trụ sở làm việc và các công trình phụ trợ.		-							30	27									
-	Kinh phí thực hiện kế hoạch tổng thể tuyên truyền bảo vệ chủ quyền của Việt		-																	
-	Kinh phí thực hiện Đề án phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020		-							25	24									
-	Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng để nâng cấp đài truyền thanh		-																	
-	Kinh phí tuyên truyền quảng bá hình ảnh của Phú Thọ trên các loại hình thông tin của Thông tấn xã VN		-							30	27									
-	Chi nghiệp vụ công tác báo chí, xuất bản, bưu chính viễn thông, công tác thanh tra kiểm tra về lĩnh vực thông tin truyền		-							25	24									
63	Chi cục quản lý thị trường		-							196	181	-	9	4.200						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi theo định mức		-							146	136		9	4.200						
-	Chi phụ cấp ưu đãi, trang phục		-																	
-	Thuê trụ sở làm việc của Đội QLTT Yên		-																	
-	Kinh phí trích lại để thực hiện các nội dung và hoạt động của lực lượng xử phạt theo Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày		-																	
-	Kinh phi hỗ trợ hoạt động Ban chỉ đạo		-																	
-	Mua sắm, sửa chữa tài sản		-							50	45									
-	Mua ấn chỉ QLTT hàng năm		-																	
64	Sở Ngoại vụ		-							244	222	-	-							
-	Định mức		-							39	37		-							
-	Chi tiếp đón các đoàn khách đến làm việc		-							70	63									
-	Chi thuê phiên dịch các đoàn khách , thuê dịch tài liệu, văn bản đối ngoại xúc tiến		-																	
-	Chi tiền sách, báo truyền thông đối ngoại; in công văn, thiếp ngoại giao, chúc mừng các đại sứ ngày quốc khánh		-																	
-	Chi mở lớp tập huấn về công tác đối		-							15	14									
-	Chi hoạt động nghiệp vụ		-							50	45									
-	Chi duy trì hoạt động trang Web; xuất bản bản tin đối ngoại		-																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							70	63									
65	Chi cục Văn thư lưu trữ		-							149	136	-	-							
-	Chi định mức		-							39	37		-							
-	Chi phụ cấp ưu đãi, độc hại		-																	
-	Kinh phí nghiệp vụ		-							40	36									
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Kinh phí cải tạo, sửa chữa một số hạng mục kho lưu trữ lịch sử, trụ sở làm việc, công trình phụ trợ và cải tạo hệ thống		-																	
-	Kinh phí vệ sinh kho bảo quản và vệ sinh tài liệu lưu trữ trên nền giấy theo Thông		-																	
-	Kinh phí mua thuốc chống mối, khử trùng và thực hiện số hóa tài liệu.		-							50	45									
66	Trung tâm khuyến công, tư vấn và tiết kiệm năng lương		-							183	169	20	-	50						
-	Chi định mức		-							55	51	20	-	50						
-	Chi sự nghiệp khuyến công		-																	
-	Chi sửa chữa trụ sở làm việc		-							20	18									
-	Kinh phí thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (TTLT số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày		-							20	18									
-	Chi chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả		-							25	24									
-	Chi đào tạo		-							63	58									
67	Công ty phát triển hạ tầng KCN	-	-	-						12	11	-	-	10.000						
-	Chi định mức		-							12	11			10.000						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Thanh toán khối lượng CT đã phê duyệt quyết toán gói thầu: San nền đường GT nội bộ Lô số 10 khu CN Thụy Vân.		-																	
68	Trung tâm tư vấn đầu tư và dịch vụ KCN		-							9	8	20	-	1.500						
69	TT quy hoạch XD Phú Thọ		-							12	11	24	-	5.000						
70	Trung tâm Kiểm định CLCTXD phú Thọ (Sở Xây dựng)		-							5	5	30	139	6.000						
71	Trung tâm thông tin tư vấn tài sản và dịch vụ Tài chính		-							90	84	-	-							
-	Chi định mức		-							20	19		-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Chi tuyên truyền, tập huấn, cập nhật các chính sách kế toán tài chính, quản lý tài		-							50	48									
72	TT xúc tiến đầu tư (Sở KHĐT)		-							80	73	50	24	500						
-	Chi định mức		-							30	28	50	24	500						
-	Chi đón tiếp các đoàn khách nước ngoài đến làm việc với tỉnh và chi nghiệp vụ		-																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Phát hành bản tin Xúc tiến đầu tư		-							20	18									
73	Ban quản lý dự án Văn hoá thể thao và		-							39	36	-	-							
-	Chi định mức		-							14	13		-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							25	23									
74	Quỹ phát triển đất tỉnh Phú Thọ		-							27	25	-	-							
-	Chi định mức biên chế		-							7	7		-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							5	5									
-	Chi nghiệp vụ; phụ cấp cán bộ kiêm		-							15	14									
75	Trung tâm Công nghệ thông tin Tây bắc		-							85	77	-	18							
-	Chi định mức biên chế		-							35	33		18							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Chi bổ sung hoạt động theo tiêu chí trung		-							29	26									
76	Phòng công chứng số 1		-							5	5	130	-	650						
77	Phòng công chứng số 2		-							6	5	24	-	120						
78	Trung tâm trợ giúp pháp lý:		-							63	60	-	40							
-	Chi định mức biên chế		-							27	26		40							
-	Chi phụ cấp nghề Trợ giúp viên		-																	
-	Chi mua sắm tài sản; may trang phục ngành (126 triệu đồng).		-							15	14									
-	Chi công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý; Chi trợ giúp pháp lý lưu động và		-							21	20									
79	Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản:		-							10	9	68	-	200						
80	Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh.		-							19	17		-							
81	Ban quản lý dự án XD và bảo trì công		-							3	2		0							
82	Trung tâm Cổng Giao tiếp điện tử Phú Thọ (Sở TT và TT)		-							48	45	-	-							
-	Chi định mức		-							28	27		-							
-	Chi đảm bảo an toàn an ninh thông tin		-																	
-	Mua sắm tài sản		-							20	18									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
83	Trung tâm Thông tin tư vấn và Dịch vụ đối ngoại (Sở Ngoại vụ).		-							114	102	-	-							
-	Chi định mức		-							24	21		-							
-	Chi mua sắm tài sản		-							20	18									
-	Chi hoạt động trang thông tin đối ngoại.		-							20	18									
-	Kinh phí thực hiện vận động tài trợ của các tổ chức phi chính phủ.		-							20	18									
-	Chi nghiệp vụ: Thông tin, tư vấn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn … về hoạt		-							30	27									
84	Trung tâm xúc tiến thương mại (Sở Công	-	-	-						184	166	-	-	-						
-	Chi định mức		-							34	30		-							
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							70	63									
-	Chi xây dựng tài liệu xúc tiến thương mại		-							10	10									
-	Chi tham gia hội trợ xúc tiến thương mại các tỉnh; hỗ trợ chương trình đưa hàng		-							10	10									
-	Chi thực hiện Kế hoạch phát triển Thương mại điện tử tỉnh giai đoạn 2016-2020		-							50	45									
-	Xây dựng cơ chế chính sách kết nối cung cầu giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm		-							10	9									
85	Văn phòng Tỉnh uỷ		-							1.838	1.673	-	-							
*	Chi của Văn phòng Tỉnh uỷ		-							333	300	-	-							
-	Chi theo định mức		-							34	30		-							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ		-																	
-	Phụ cấp cấp uỷ		-																	
-	Chi nghiệp vụ công nghệ TT		-							25	23									
-	Chi nghiệp vụ về tài chính đảng		-																	
-	Chi mở các lớp tập huấn nghiệp vụ (công tác tài chính đảng, CNTT và lễ tân): 150 triệu đồng; nghiệp vụ công tác lưu trữ:		-							25	23									
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng		-							70	63									
-	Chi tiền ăn và các chế độ cho 3 cán bộ cơ yếu; trang phục cán bộ nghiệp vụ lễ tân		-																	
-	Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật, xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo		-																	
-	Kinh phí tổ chức đi học tập trao đổi kinh		-																	
-	Mua sắm sửa chữa tài sản		-							100	90									
-	Chi nghiệp vụ		-							80	72									
*	Chi nghiệp vụ khối Đảng		-							1.255	1.148									
-	Chi tặng thưởng đảng bộ trong sạch, vững		-																	
-	Chi duy trì cảnh quan môi trường tỉnh uỷ		-							75	71									
-	Chi học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh		-							30	27									
-	Chi học tập nghị quyết TW + Tỉnh.		-							300	270									
-	Chi khen thưởng của khối tỉnh uỷ		-																	
-	Chi hoạt động các Ban chỉ đạo của Tỉnh		-							90	81									
-	Chi tiếp các đoàn khách đến thăm và làm việc với tỉnh		-							150	135									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi đưa đón cán bộ lão thành cách mạng đi tham quan nghỉ mát		-																	
-	Chi hoạt động của Thường trực Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ.		-							200	190									
-	Chi tặng huy hiệu 40,50,60... năm tuổi		-																	
-	Chi xây dựng thẩm định đề án, văn bản, báo cáo trình Ban Chấp hành, Ban		-							100	95									
-	Kinh phí (Vốn sự nghiệp) thực hiện Kế hoạch số 148-KH/TU về CNTT (Theo QĐ 260-QĐ/TW ngày 01/10/2014 của		-																	
-	Chi các cuộc kiểm tra theo chương trình		-							30	27									
-	Các nhiệm vụ phát sinh khối Tỉnh uỷ		-							130	117									
-	Chi dự phòng khối đảng		-							150	135									
*	Kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên khối tỉnh uỷ		-							250	225									
*	Chi bảo trì mạng công nghệ thông tin của		-																	
86	Ban Tổ chức		-							143	130	-	38							
-	Chi theo định mức		-							24	23		38							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ		-																	
-	Phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ (6 người)		-																	
-	Chi nghiệp vụ		-							54	49									
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng		-							35	32									
-	Chi dưỡng sức thăm hỏi		-																	
87	Ban Tuyên giáo		-							284	256	-	38							
-	Chi theo định mức		-							29	26		38							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ		-																	
-	Chi hoạt động trung tâm, báo cáo viên, tuyên truyền viên ; Chi BCĐ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí		-							25	23									
-	Kinh phí thực hiện các hội nghị giao ban ngành tuyên giáo		-							7	6									
-	Kinh phí thực hiện Đề án về tăng cường công tác nghiên cứu, điều tra, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội tỉnh		-																	
-	Chi thông tin sinh hoạt chi bộ, TTV		-							85	77									
-	Phụ cấp báo cáo viên theo Hướng dẫn 06-HĐ/BTCTW-BGTW		-																	
-	Chi thực hiện Đề án 04/TU về nâng cao chất lương tuyên truyền …		-							20	18									
-	Kinh phí tổ chức các đợt học Nghị quyết		-																	
-	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi BCĐ công tác thông tin đối ngoại		-																	
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng		-							30	27									
-	Chi nghiệp vụ		-							58	52									
88	Uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ		-							172	154	-	100							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi theo định mức		-							24	21		100							
-	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi		-																	
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố		-																	
-	Hội nghị triển khai công tác kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020		-																	
-	Hội nghị ký kết công tác phối hợp giữa UBKT tỉnh uỷ và các ban xây dựng đảng		-																	
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng		-							30	27									
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi thực hiện công tác kiểm tra , tập huấn , giám sát của 11 thành viên		-							40	36									
-	Chi nghiệp vụ		-							48	43									
89	Ban Dân vận		-							151	136	-	20							
-	Chi theo định mức		-							28	25		20							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố		-																	
-	Mua tạp chí Dân vận , bản tin tôn giáo		-																	
-	Chi hoạt động Ban chỉ đạo của đảng về Quy chế dân chủ, công tác tôn giáo ;		-							40	36									
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng		-							20	18									
-	Chi XD, biên tập, in ấn phát hành cuốn : Thông tin công tác dân vận tỉnh Phú Thọ		-																	
-	Chi tổ chức các hội nghị; Thực hiện các nghị quyết ,QĐ,DA của tỉnh uỷ về công		-																	
-	Chi nghiệp vụ		-							33	30									
90	Báo Phú Thọ		-							143	129	-	-							
-	Chi theo định mức		-							103	93		-							
-	Hỗ trợ chi 3 hợp đồng theo kết luận của		-																	
-	Xuất bản đặc san tin ảnh Phú Thọ miền		-																	
-	Chi nhuận bút các loại báo;Báo biếu (Báo thường 330tờx260kỳ x1200đ; Báo cuối tuần 330tờ x51 kỳ x1800đồng)		-																	
-	Chi mua sắm thiết bị hiện đại theo Thông báo số 1309/TB-TU ngày 20/6/2014		-																	
-	In màu trang 1 và trang 4 (7.454tờ x 5số /tuần x 52 tuần x 396đồng / tờ)		-																	
-	Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, vật tư dùng cho công tác chế bản.		-							40	36									
91	Ban Nội chính		-							113	102	-	54							
-	Chi theo định mức		-							22	20		54							
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố		-																	
-	Hoạt động nghiệp vụ		-							32	28									
-	Mở các lớp tập huấn tuyên truyền về PCTN tại các huyện, thành, thị		-							10	9									
-	Chi nghiệp vụ công tác xây dựng đảng		-							20	18									
-	Chi tuyên truyền phổ biến GDPL, Chi xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo, tiếp công dân		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Nâng cấp và duy trì trang thông tin điện		-																	
-	Chi hoạt động của BCĐ cải cách tư pháp		-																	
-	Biên tạp , in ấn , phát hành cuốn Bản tin Nội chính và PCTN		-																	
-	Chi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát về lĩnh vực nội chính và PCTN.		-																	
-	Mua tin tố cáo về tham nhũng		-																	
-	Chi mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									
92	Đảng uỷ khối các cơ quan tỉnh		-							198	178	-	54							
-	Chi theo định mức		-							24	22		54							
-	Các khoản phụ cấp (kiểm tra; BC viên ;		-																	
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố		-																	
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo QĐ169-QĐ-TW		-																	
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ		-							35	31									
-	Chi khen thưởng cơ sở		-																	
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới , chi kiểm tra , giám sát và bồi		-							33	30									
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ ,học tập tấm gương đạo đức HCM; xã hội hoá học tập		-																	
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh		-							7	6									
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên		-							7	6									
-	Hoạt động của Công đoàn viên chức		-							7	6									
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và		-							20	18									
-	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh		-							10	9									
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin		-							5	5									
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU		-							8	7									
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở		-							12	11									
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4.		-							-	-									
93	Đảng uỷ khối doanh nghiệp		-							327	294	-	31							
-	Chi theo định mức		-							10	10		31							
-	Phụ cấp thâm niên + phụ cấp ưu đãi		-																	
-	Chi phụ cấp cấp uỷ theo 169 của các doanh nghiệp trực thuộc :		-																	
-	Bồi dưỡng hoạt động cấp uỷ theo QĐsố		-																	
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ		-							35	31									
-	Chi khen thưởng cơ sở		-																	
-	Chi hoạt động công tác xây dựng đảng (Các lớp cảm tình đảng và lớp Đảng viên mới, chi kiểm tra, giám sát và bồi dưỡng		-							33	30									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi hoạt động BCĐ cơ quan văn hoá quy chế dân chủ ,học tập tấm gương đạo đức HCM; xã hội hoá ọc tập, BCĐ phát triển		-																	
-	Hoạt động của hội Cựu chiến binh		-							7	6									
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên		-							7	6									
-	Kinh phí triển khai các Nghị quyết TW và		-							20	18									
-	Chi xây dựng đề án, các báo cáo … theo quy định số 12 ngày 07-10-2010 của Tỉnh		-							10	9									
-	Kinh phí chi cho công nghệ thông tin		-							5	5									
-	Cho cho các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định số 12/QĐ-TU		-							8	7									
-	Chi các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các chi đảng bộ cơ sở		-							12	11									
-	Mua sắm và sửa chữa tài sản		-							30	27									
-	Chi cải tạo nâng cấp nhà ăn và Trung tâm		-							150	135									
-	Chi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đối tượng 4,5		-																	
94	Ban Bảo vệ sức khoẻ		-							140	132	-	90							
-	Chi định mức		-									-	90							
-	Chi định mức sự nghiệp		-							83	78		-							
-	Phụ cấp ưu đãi		-																	
-	Chi bồi dưỡng phục vụ cấp uỷ theo QĐ số 11/QĐ-TƯ		-																	
-	Chi khám sức khoẻ định kỳ		-							28	26									
-	Mời giáo sư hội chấn		-																	
-	Chi phụ cấp trách nhiệm cho cán bộ bảo vệ chăm sóc sức khoẻ tuyến tỉnh (16 người)và tuyến huyện (117 người)		-																	
-	Chi trợ cấp thường xuyên đối với CB nguyên UBTƯ đảng khoá II,III và cán bộ hoạt động CM trước 01/1/1945 bị bệnh		-																	
-	Kinh phí sửa chữa , mua sắm tài sản		-							30	27									
-	Hỗ trợ kinh phí chi tiền thuốc khám chữa		-																	
95	Tỉnh đoàn thanh niên		-							253	231	-	50							
-	Chi định mức		-							60	57		50							
-	Kinh phí tập huấn nghiệp vụ, tài liệu		-							50	45									
-	Kinh phí mua báo Tiền phong, tạp chí		-							20	18									
-	Tổ chức các chiến dịch, các chương trình và các hoạt động trong thanh niên.		-							80	72									
-	Kinh phí kỷ niệm 85 năm thành lập Đoàn; 60 năm thành lập Hội LHTN; Đại hội Cháu ngoan Bác Hồ (300 triệu đồng) và									23	21									
-	Kinh phí hoạt động của Hội sinh viên tỉnh		-																	
-	Chi mua sắm + sửa chữa tài sản		-							20	18									
96	Hội liên hiệp thanh niên		-							40	36	-	7							
-	Chi định mức		-							15	14		7							

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi các hoạt động nghiệp vụ (Đã bao gồm kinh phí kỷ niệm 60 năm thành lập Hội		-							25	23									
-	Mua sắm trang thiết bị và tài sản		-																	
97	Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên		-							33	31	-	8							
-	Chi định mức		-							18	17		8							
-	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		-							10	10									
-	Chi tổ chức các hoạt động nghiệp vụ		-							5	5									
98	Nhà thiếu nhi		-							76	72	-	-							
-	Chi định mức		-							31	30		-							
-	Kinh phí chi tổ chức các hoạt động và tập		-							10	10									
-	Kinh phí tham gia các hoạt động do Trung ương tổ chức (Liên hoan Tiếng kèn đội ta + Liên hoan nghệ thuật thiếu nhi các tỉnh		-							15	14									
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
99	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh		-							325	296	-	67							
-	Chi định mức		-							27	24		67							
-	Chi theo định mức sự nghiệp		-							22	20									
-	Kinh phí tổ chức các hội nghị chuẩn bị đại hội, tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai		-							47	45									
-	Kinh phí tổ chức Đại hội cấp tỉnh - NK		-							-	-									
-	Tổ chức " Ngày hội gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỷ niệm 15 năm ngày GĐVN; Triển khai dự án "Hỗ trợ xây dựng gia		-							42	38									
-	Kinh phí thực hiện đề án 343 " Tuyên truyền giáo dục, phẩm chất,đạo đức phụ nữ Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh CNH,HĐH đất nước "; đề án "Giáo dục 5		-							78	70									
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản		-							10	9									
-	Hỗ trợ kinh phí cho " quỹ hỗ trợ phụ nữ		-																	
-	Kinh phí tổ chức các hoạt động kết nghĩa với Bộ đội BP tỉnh Lai Châu		-																	
-	Kinh phí cải tạo, nâng cấp công trình phụ									100	90									
-	Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ hội LH phụ nữ giai đoạn 2013-2017 (Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương)		-																	
100	Mặt trận tổ quốc		-							297	267	-	29							
-	Chi định mức		-							52	47		29							
-	Kinh phí tổ chức học tập NQ Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và NQ Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XII; Tập huấn triển khai Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi)		-							30	27									
-	Kinh phí hoạt động của UB mặt trận tổ quốc cấp tỉnh và hỗ trợ sinh hoạt phí theo quyết định sô 33/QĐ-TTg ngày 28/5/2014		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi triển khai công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; triển khai cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; tổ chức ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc; tổ chức tập huấn, hướng dẫn quy trình giám sát, kiểm tra, tổ chức đoàn giám sát, tổ chức tiếp xúc, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy các cấp với nhân dân; tổ chức nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận trong nhân dân; tổ chức HĐ của hội đồng tư vấn và		-							50	45									
-	Kinh phí triển khai các nhiệm vụ thực hiện chương trình phối hợp với các sở,		-							60	54									
-	Chi xuất bản cuốn thông tin công tác mặt trận;Triển khai cuộc vận động " người Việt nam dùng hàng Việt Nam";		-							50	45									
-	Kinh phí hoạt động của Uỷ ban đoàn kết công giáo tỉnh		-																	
-	Kinh phí gặp mặt, biểu dương các vị chức sắc tôn giáo, người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số; Kinh phí đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng: các vị ,ão thành cách		-																	
-	Chi ban chỉ đạo toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư		-																	
-	Kinh phí mua sắm , sửa chữa tài sản và các nghiệp vụ khác		-							55	50									
101	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh		-							47	43	-	-							
	Chi định mức		-							17	16		-							
	Hỗ trợ kinh phí hoạt động 9 hội thành viên (20 triệu đồng/1 hội)		-																	
	Kinh phí tổ chức các hội nghị và thông tin tuyên truyền ; vận động viện trợ phi chính phủ và chi phí nghiệp vụ khác		-																	
	Chi mua sắm trang thiết bị, sửa chữa TS		-							30	27									
102	Hội nông dân		-							138	125	-	-							
-	Chi định mức		-							43	39		-							
-	KP tổ chức tập huấn thực hiện QĐ số 81/2014/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 quy định về tiếp công dân, giải quyết khiếu		-																	
-	Chi các hội nghị tập huấn, triển khai xây dựng mô hình kinh tế tập thể theo nghị quyết của tỉnh uỷ về xây dựng nông thôn mới ; Thực hiện quy chế giám sát, phản biện XH; Triển khai học tập NQ ĐH		-							40	36									
-	Hỗ trợ kinh phí hoạt động ban chỉ đạo giải quyết khiếu nại tố cáo của nông dân theo QĐ số 81/2014/QĐ-TTg của TTCP; Ban c ỉ đạo triển khai kết luận 61 à		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Kinh phí tổ chức hội nghị giao ban cụm + Tham gia các HN do TW tổ chức..		-																	
-	Kinh phí vận hành Trang thông tin điện tử Hội nông dân + In cuốn thông tin công tác		-																	
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Quỹ hỗ trợ nông dân		-																	
-	Chi tổ chức hội thi Nhà nông đua tài; Tổ chức giải Bóng đá nông dân 2016.		-							35	32									
103	Hội cựu chiến binh		-							68	61	-	17							
-	Chi định mức		-							28	25		17							
-	Kinh phí chi nghiệp vụ chuyên môn		-							20	18									
-	Kinh phí triển khai các hội nghị và các hoạt động khác		-																	
-	Hỗ trợ kinh phí đi dự các hội nghị do trung ương tổ chức		-																	
-	Kinh phí sửa chữa , mua sắm tài sản		-							20	18									
104	Liên minh HTX		-							140	127	-	22							
-	Chi định mức		-							26	24		22							
-	Hỗ trợ chi nghiệp vụ		-							20	18									
-	Xây dựng và phát hành Bản tin kinh tế tập		-																	
-	Kinh phí hoạt động ban đổi mới và phát triển kinh tế tập thể		-							10	9									
-	Bổ sung vốn điều lệ cho quỹ phát triển		-																	
-	Kinh phí thực hiện việc chỉ đạo thực hiện quyết định		-																	
-	Kinh phí điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng HTX trên địa bàn ; Hỗ trợ xây dựng mô hình HTX kiểu mới để nhân rộng.		-							40	36									
-	Kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
-	Các lớp bồi dưỡng		-							9	8									
-	Hỗ trợ học phí học viên HTX học cao		-							15	14									
105	Trung tâm tư vấn và HTKTTT		-							17	16	-	21							
	Chi định mức + nghiệp vụ		-							17	16		21							
106	Hội chữ thập đỏ		-							64	57	-	-							
	Chi định mức biên chế		-							11	10		-							
	Chi định mức biên chế Ban chỉ đạo hiến máu nhân đạo		-							13	11		-							
	Chi nghiệp vụ		-							10	9									
	Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo vận động hiến máu nhân đạo tỉnh		-																	
	Kinh phí tổ chức đại hội ĐB Hội chữ thập đỏ tỉnh lần thứ VII, NK 2016-2021.		-																	
	Chi trả nhuận bút , xuất bản và in bản tin Nhân đạo Phú Thọ và in tờ rơi truyền truyền hoạt động nhân dạo ...		-																	
	Kinh phí mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
	Hỗ trợ chi công tác tuyên truyền vận động hiến máu nhân đạo		-																	
107	Ban đại diện Hội người cao tuổi		-							2	2	-	-							
	Chi định mức biên chế		-							2	2		-							
	Chi trả thù lao trưởng ban , phó ban		-																	
	Chi hoạt động của Ban đại diện		-																	
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, thiết bị		-																	
	Chi nghiệp vụ + mua giấy mừng thọ		-																	
108	Trung tâm hội nghị tỉnh		-							81	73	120	-	8.900						
	Chi định mức		-							31	28	120	-	8.900						
	Chi mua sắm trang thiết bị		-							50	45									
109	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật	900	-							217	195	-	-							
	Chi định mức		-							27	24		-							
	Chi hoạt động tư vấn , phản biện và giám định xã hội các nhiệm vụ tỉnh giao ;		-							50	45									
	Chi hỗ trợ hoạt động và khen thưởng cho 18 hội thành viên (20 triệu đồng /1 hội)		-																	
	Chi hoạt động tập hợp đội ngũ trí thức có trình độ cao quê Phú Thọ xây dựng các chương trình đóng góp cho tỉnh		-																	
	Chi duy trì, phát triển trang Webssite" TrithucDatTo.vn" của Liên hiệp hội		-																	
	Chi xuất bản tri thức trẻ đất Tổ		-																	
	Chi mua sắm + sửa chữa TS		-							30	27									
	Chi công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KH-CN, đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho Hội thành viên và		-							20	18									
	Chi hoạt động các hội thi sáng tạo kỹ	900	-							90	81									
110	Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Phú		-										-							
111	Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Phú Thọ		-										-							
112	Hội người mù		-																	
-	chi định mức+ tiền thuê nhà và tập huấn		-										-							
-	Chi các lớp đào tạo		-																	
113	Hội luật gia		-										-							
114	Hội nạn nhân chất độc da cam/ diôxin		-										-							
115	Hội sinh vật cảnh và làm vườn		-							11	10	-	-							
-	Chi định mức		-																	
-	Chi các lớp đào tạo		-							11	10		-							
116	Sở Giáo dục và đào tạo		-							2.537	2.357	-	-							
-	Chi định mức		-							89	80		-							
-	Chi phụ cấp và trang phục thanh tra		-																	
-	Chi sửa chữa, mua tài sản và phương tiện		-							70	63									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi nghiệp vụ (tổ chức các cuộc thi, kỳ thi; bồi dưỡng đội ngũ; chi các ban chỉ đạo; các hội nghị, tập huấn; chi nghiên cứu đề tài khoa học cấp ngành; chi mua phôi bằng tốt nghiệp; chi biên soạn tài		-							728	692									
-	Chi bổ sung thiết bị dạy học xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; chi ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục …		-							600	540									
-	Học bổng cho học sinh THPT đạt giải theo qui định của tỉnh:		-																	
-	Chi thực hiện nhiệm vụ duy trì phổ cập		-																	
-	Chi thực hiện kế hoạch dạy và học ngoại ngữ, chi mua thiết bị dạy học cho giáo		-							275	261									
-	Chi thực hiện nâng cấp, xây dựng hệ thống thông tin quản lý trường học và các		-																	
-	Chi mua thiết bị dạy học cho giáo dục mầm non thực hiện chương trình giáo dục		-							475	451									
-	Kinh phí khen thưởng thi đua của ngành		-																	
-	Đào tạo trên chuẩn cho giáo viên (GD		-																	
-	Chi tổ chức hội khỏe Phù Đổng lần thứ XVI năm 2016 (cấp tỉnh, khu vực và toàn		-																	
-	Chi khác giáo dục		-							300	270									
*	Khối các trường Trung học phổ thông	-	-	-						2.398	2.290	4.945	3.357	35.387						
117	Trường THPT Thanh Sơn		-							65	60	223	167	925						
	Chi định mức		-							65	60	223	167	925						
118	Trường THPT Minh Đài		-							169	142	64	28	346						
	Chi định mức		-							119	97	64	28	346						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							50	45									
119	Trường THPT Văn Miếu		-							35	32	42	-	298						
	Chi định mức		-							35	32	42	-	298						
120	Trường THPT Hương Cần	-	-	-						84	77	43	65	444						
	Chi định mức		-							44	41	43	65	444						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
121	Trường THPT Thạch Kiệt	-	-	-						86	79	36	18	355						
	Chi định mức		-							46	43	36	18	355						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
122	Trường THPT Yên Lập		-							47	43	97	56	770						
	Chi định mức		-							47	43	97	56	770						
123	Trường THPT Minh Hoà		-							22	20	25	54	63						
	Chi định mức		-							22	20	25	54	63						
124	Trường THPT Lương Sơn		-							39	36	36	-	168						
	Chi định mức		-							39	36	36	-	168						
125	Trường THPT Cẩm Khê		-							59	55	182	176	1.848						
	Chi định mức		-							59	55	182	176	1.848						
126	Trường THPT Hiền Đa	-	-	-						95	87	97	172	1.603						
	Chi định mức		-							45	42	97	172	1.603						
	Chi mua sắm, cải tạo sân trường và sửa		-							50	45									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
127	Trường THPT Phương Xá		-							81	74	160	64	999						
	Chi định mức		-							51	47	160	64	999						
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của		-							30	27									
128	Trường THPT Hạ Hoà		-							109	100	151	124	985						
	Chi định mức		-							39	37	151	124	985						
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của		-							70	63									
129	Trường THPT Xuân áng		-							80	73	69	28	587						
	Chi định mức		-							40	37	69	28	587						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
130	Trường THPT Vĩnh Chân		-							80	73	69	49	598						
	Chi định mức		-							40	37	69	49							
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của		-							40	36									
131	Trường THPT Thanh Ba		-							129	118	104	80	933						
	Chi định mức		-							59	55	104	80	933						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							70	63									
132	Trường THPT Yên Khê		-							30	28	49	27	424						
133	Trường THPT Đoan Hùng		-							79	72	156	61	1.116						
	Chi định mức		-							49	45	156	61	1.116						
	Chi cải tạo, sửa chữa sân, đường của		-							30	27									
134	Trường THPT Chân Mộng		-							42	39	74	20	723						
	Chi định mức		-							42	39	74	20	723						
135	Trường THPT Quế Lâm		-							55	50	61	83	866						
	Chi định mức		-							35	32	61	83	866						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản									20	18									
136	Trường THPT Thanh Thuỷ	-	-	-						81	74	204	245	1.517						
	Chi định mức		-							51	47	204	245	1.517						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							30	27									
137	Trường THPT Trung Nghĩa		-							37	34	62	99	1.362						
138	Trường THPT Phù Ninh		-							46	43	91	142	978						
	Chi định mức		-							46	43	91	142	978						
139	Trường THPT Tử Đà		-							74	68	130	77	1.010						
	Chi định mức		-							34	32	130	77	1.010						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
140	Trường THPT Trung Giáp		-							35	32	61	85	585						
141	Trường THPT Long Châu Sa		-							57	53	221	75	1.646						
142	Trường THPT Phong Châu	-	-	-						96	88	208	63	1.089						
	Chi định mức		-							56	52	208	63	1.089						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
143	Trường THPT Mỹ Văn	-	-	-						82	75	48	100	701						
	Chi định mức		-							42	39	48	100	701						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
144	Trường THPT Tam Nông		-							46	42	81	155	753						
145	Trường THPT Hưng hoá		-							34	31	122	39	785						
	Chi định mức		-							34	31	122	39	785						
146	Trường THPT Hùng Vương		-							177	161	349	110	1.846						
	Chi định mức		-							47	44	349	110	1.846						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản (Nhà đa		-							130	117									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
147	Trường THPT Việt Trì		-							47	43	363	300	2.406						
148	Trường THPT CN Việt Trì		-							73	67	250	165	1.699						
	Chi định mức		-							33	31	250	165	1.699						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36	-								
149	Trường THPT KT Việt Trì		-							30	28	187	101	1.135						
150	Trường THPT Chuyên Hùng Vương		-							128	119	830	247	3.824						
151	Trường THPT Dân tộc Nội trú Tỉnh		-							73	73		83							
	Chi định mức		-							73	73		83							
152	Trường Dân tộc Nội Trú Thanh Sơn		-							58	58		50							
	Chi định mức		-							58	58		50							
153	Trường Dân tộc Nội trú Yên Lập		-							84	79		-							
	Chi định mức		-							44	43		-							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
154	Trường Dân tộc Nội trú Đoan Hùng		-							34	34		48							
	Chi định mức		-							34	34		48							
155	Trường Dân tộc Nội trú - THCS Tân Sơn		-							78	74		-							
	Chi định mức		-							38	38		-							
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							40	36									
156	Trung tâm GDTX Lâm Thao		-							21	20	-	71	42						
157	Trung tâm GDTX Tam Nông		-							23	22	-	63	300						
158	Trung tâm GDTX Cẩm Khê		-							24	23	-	151	62						
159	Trung tâm GDTX Thanh Ba		-							23	21	-	48	81						
160	Trung tâm GDTX Hạ Hoà		-							12	11	-	-	18						
161	Trung tâm GDTX Đoan Hùng		-							33	30	-	-	432						
162	Trung tâm GDTX Yên Lập		-							21	19	-	28	42						
163	Trung tâm GDTX Thanh Sơn		-							31	29	-	61	242						
	Chi định mức		-							31	29	-	61	242						
164	Trung tâm GDTX Thanh Thuỷ		-							25	23	-	29	201						
165	Trung tâm GDTX Việt Trì		-							20	19	-	58	325						
166	Trung tâm GDTX thị xã Phú Thọ		-							15	14		69	64						
167	Trung tâm GDTX-HN Tân Sơn		-							21	20		69	15						
168	Trung tâm GDTX Phù Ninh	-	-	-						42	38	-	18	40						
	Chi định mức		-							22	20		18	40						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
169	Trung tâm KT-TH-HN tỉnh		-							51	47		110	35						
	Chi định mức		-							31	29		110	35						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
170	Trung tâm KT-TH-HN Phù Ninh		-							12	11		-	16						
171	Trung tâm KT-TH-HN Phú Thọ	-	-	-						32	30	-	-	167						
	Chi định mức		-							12	12	-	-	167						
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản		-							20	18									
172	Trường Bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý Giáo dục		-							63	58		26	750						
	Chi định mức		-							31	29		26	750						
-	Chi các lớp đào tạo bồi dưỡng		-							32	30									
173	Trung tâm Ngoại ngữ Tin học		-							112	104		-	90						
	Chi định mức		-							19	17		-	90						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi các lớp đào tạo bồi dưỡng		-							94	87									
174	Trường trung cấp nông lâm nghiệp Phú		-							122	113	254	-	995						
	Chi theo định mức		-							72	68	254	-	995						
	Chi mua sắm thiết bị dạy học và biên soạn		-																	
	Chi sửa chữa, mua sắm tài sản		-							50	45									
175	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú		-							177	164	980	-	2.500						
	Chi theo định mức		-							126	117	980	-	2.500						
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh		-							21	20									
	Mua sắm , sửa chữa tài sản		-							30	27									
176	Trung tâm giáo dục thường xuyên Tỉnh		-							311	293		-	2.200						
	Chi theo định mức		-							261	248		-	2.200						
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh		-																	
	Mua sắm , sửa chữa tài sản		-							50	45									
177	Trường chính trị tỉnh		-							191	176	-	42	5.039						
	Chi theo định mức		-							141	131		42	5.039						
	Chi hỗ trợ tiền ăn các lớp trung cấp chính trị chính quy		-							-	-									
	Mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy		-							50	45									
178	Trường Đại học Hùng vương		-							2.453	2.270	3.517	1.052	37.500						
-	Chi theo định mức, phân bổ học sinh		-							990	941	3.517	1.052	37.500						
-	Đào tạo 39 sinh viên Lào		-																	
-	Chi trợ cấp xã hội theo TT LT số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH và TTLT số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-		-																	
-	Chi đào tạo theo học chế tín chỉ và kiểm định chất lượng		-																	
-	Phân bổ thêm theo khu vực		-							963	867									
-	Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên		-							200	180									
-	Kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin quản lý sinh viên.		-							-	-									
-	Kinh phí tổ chức hội thi nghiệp vụ các trường đại học, cao đẳng cụm Trung Bắc.		-							50	45									
-	Kinh phí cải tạo, sửa chữa nhà lớp học A1 và A9 - cơ sở tại Tx Phú Thọ.		-							150	143									
-	Hỗ trợ xây dựng nhà thực hành ngành văn hóa, du lịch.		-							100	95									
-	Kinh phí đào tạo GV chất lượng cao		-																	
179	Trường cao đẳng y tế	-	-	-						298	277	3.463	-	22.402						
	Chi định mức, phân bổ học sinh		-							298	277	3.463	-							
	Kinh phí chi ứng dụng công nghiệ thông tin quản lý sinh viên.		-							-	-									
180	Trường Trung cấp văn hoá nghệ thuật, du lịch tỉnh Phú Thọ		-							83	76	40	71	200						
	Chi định mức, phân bổ học sinh		-							33	31	40	71	200						
	Kinh phí tham gia các hội diễn, các hội thi		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
	Chi tư vấn đào tạo và tuyển sinh		-																	
	Kinh phí mua sắm thiết bị		-							50	45									
181	Cao đẳng nghề Phú Thọ		-							386	363	320	198	800						
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							316	300	320	198	800						
	Chi tư vấn dạy nghề		-							-	-									
	Mua sắm Sc tài sản		-							70	63									
182	Trường Trung cấp nghề công nghệ và vận tải Phú Thọ		-							126	117	80	71	1.200						
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							76	72	80	71	1.200						
	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản		-							50	45									
	Chi công tác tư vấn học nghề và việc làm		-							20	-									
183	Trung tâm giới thiệu việc làm		-							129	119	40	15	1.500						
-	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							29	28	40	15	1.500						
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa tài sản		-							70	63									
-	Chi công tác tư vấn học nghề và việc làm		-							30	28									
-	Hỗ trợ tổ chức sàn giao dịch việc làm		-																	
184	TT HNDạy nghề và GTVL Thanh niên	-	-	-						25	24	-	-	-						
	Chi định mức , phân bổ học sinh		-							25	24									
185	Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ		-							69	64	-	20	-						
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							29	28	-	20	-						
	Kinh phí chi trả chế độ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục (Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2013 của Thủ		-																	
	Học bổng 50học sinh dân tộc nội trú học		-																	
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa tài sản: 200 triệu.		-							40	36									
186	Trường năng khiếu TDTT	-	-	-						119	110	-	-	-						
	Chi định mức, phân bổ học sinh		-							69	65		-							
	Tiền ăn, tiền công, dụng cụ tập luyện …		-																	
	Tiền thưởng cho VĐV, HLV đạt giải toàn		-							-	-									
	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản.		-							50	45									
187	Trung tâm dạy nghề Hạ Hoà		-							61	56	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							21	20		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
188	Trung tâm dạy nghề Đoan Hùng		-							64	58	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							24	22		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
189	Trung tâm dạy nghề Tân Sơn		-							53	49	-	66							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							13	13		66							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
190	Trung tâm dạy nghề Yên lập		-							56	51	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							16	15		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
191	Trung tâm dạy nghề Tam Nông		-							53	49	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							13	13		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
192	Trung tâm dạy nghề Sông Đà - Thanh		-							53	48	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							13	12		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
193	Trung tâm dạy nghề Cẩm Khê		-							53	49	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							13	13		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
194	Trung tâm dạy nghề Lâm Thao		-							53	49	-	-							
	Theo định mức, phân bổ học sinh		-							13	13		-							
	Chi tư vấn dạy nghề: 200 triệu; mua sắm, sửa chữa thiết bị: 200 triệu.		-							40	36									
195	Trung tâm Dạy nghề Công đoàn Phú thọ		-							22	21		-							
196	Trung tâm dạy nghề và hỗ trợ việc làm		-							24	22									
197	Trung tâm GT Việc làm phụ nữ		-							26	25									
198	Trường trung cấp nghề		-							37	34									
199	Trung tâm kỹ thuật Tổng hợp hướng		-							14	13									
200	Hội khuyến học		-							-	-									
201	Sở Y tế		-							1.661	1.495	260	73	650						
-	Chi định mức		-							61	55	260	73	650						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
-	Nghiệp vụ ngành (đã bao gồm 500 triệu kinh phí đối ứng dự án hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và Đồng bằng Sông Hồng)		-							650	585									
-	Phòng chống dịch		-							400	360									
-	Kinh phí thực hiện chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng chất		-																	
-	Dự kiến tăng biên chế và các khoản phát sinh ngành y tế		-							500	450									
-	Đào tạo bác sỹ và sau đại học		-																	
202	Bệnh viện đa khoa Tỉnh:		-							1.476	1.367	20.122	-	238.360						
-	Chi định mức		-							655	629	20.122	-	238.360						
-	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất thực hiện đề án giảm quá tải bệnh viện (theo Quyết định số 92/QĐ-TTg ngày 09 tháng		-							300	270									
-	Phân bổ bệnh viện mang tính chất khu		-							521	469									
203	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Phú Thọ :		-							123	116	400	9	7.482						
-	Chi định mức		-							73	71	400	9	7.482						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
204	Bệnh viện Tâm thần:		-							59	57	1.073	-	11.000						
-	Chi định mức		-							59	57	1.073	-	11.000						
205	Bệnh viện Y dược cổ truyền	-	-	-						107	100	1.523	688	13.651						
-	Chi định mức		-							57	55	1.523	688	13.651						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
206	Bệnh viện phục hồi chức năng		-							11	10	357	1.849	14.060						
207	Trung tâm y tế dự phòng		-							83	77	-	859	4.000						
-	Chi định mức		-							33	32	-	859	4.000						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
208	Trung tâm Chăm sóc mắt		-							36	35	462	-	11.307						
209	Trung tâm chăm sóc SKSS		-							16	15	61	57	751						
210	Trung tâm kiểm nghiệm		-							19	18	200	93	1.500						
211	Trung tâm Giám định Y khoa		-							10	9	-	229	2.200						
212	Trung tâm Pháp y		-							60	54	50	81	1.900						
-	Chi định mức		-							10	9	50	81	1.900						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
213	Hội đông y		-							-	-	-	15							
214	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khoẻ	-	-	-						61	56	-	-	190						
-	Chi định mức		-							11	11			190						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
215	Trung tâm phòng chống HIV/ AIDS		-							66	61	-	-							
-	Chi định mức		-							16	16	-	-							
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							50	45									
216	Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm		-							15	14	-	7							
217	Bệnh viện đa khoa thị xã Phú Thọ		-							-	-	3.013	181	42.650						
218	Bệnh viện đa khoa Phù Ninh		-							67	59	750	641	17.832						
219	Bệnh viện đa khoa Thanh Ba		-							112	102	1.716	344	18.967						
-	Chi định mức		-							12	12	1.716	344	18.967						
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							100	90									
220	Bệnh viện đa khoa Hạ Hoà		-							47	46	1.155	1.564	28.218						
221	Bệnh viện đa khoa Đoan hùng		-							53	51	2.091	838	26.378						
222	Bệnh viện đa khoa Tam Nông	-	-	-						100	90	756	1.194	20.000						
-	Chi định mức		-									756	1.194							
-	Kinh phí sửa chữa, mua sắm tài sản trang		-							100	90									
224	Bệnh viện đa khoa Lâm Thao		-							13	13	1.222	224	15.229						
225	Bệnh viện đa khoa Cẩm Khê		-							83	80	1.997	1.150	32.590						
226	Bệnh viện đa khoa Thanh Thuỷ		-							6	6	827	1.047	16.000						
227	Bệnh viện đa khoa Yên Lập		-							8	8	1.023	582	18.000						
228	Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn		-							74	71	975	1.660	28.933						
229	Bệnh viện đa khoa Tân Sơn		-									906	-	17.424						
230	Trung tâm Y tế Việt Trì		-							26	25	200	13	1.050						
-	Chi định mức của TT y tế		-							26	25	200	-	750						
-	Y tế xã, thị trấn, phường		-										13	300						
231	Trung tâm Y tế Phú thọ		-							20	19	10	34	350						
-	Chi định mức của TT y tế		-							20	19	10	-	50						
-	Y tế xã, thị trấn, phường		-										34	300						
232	Trung tâm Y tế Thanh ba		-							33	32	40	-	2.100						
	Chi định mức của TT y tế		-							33	32	40	-	300						
-	Y tế xã, thị trấn		-										-	1.800						
233	Trung tâm Y tế Hạ hoà		-							35	34	10	11	2.050						
-	Chi định mức của TT y tế		-							35	34	10	11	50						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Y tế xã, thị trấn		-										-	2.000						
234	Trung tâm Y tế Đoan hùng		-							34	33	30	20	1.050						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							34	33	30	-	100						
-	Y tế xã, thị trấn		-										20	950						
235	Trung tâm Y tế Tam nông		-							26	25	20	29	1.180						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							26	25	20	15	80						
-	Y tế xã, thị trấn		-										14	1.100						
236	Trung tâm Y tế Lâm Thao		-							25	25	30	31	1.430						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							25	25	30	-	130						
-	Y tế xã, thị trấn		-										31	1.300						
237	Trung tâm Y tế Phù Ninh		-							25	24	30	5	600						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							25	24	30	-	200						
-	Y tế xã, thị trấn		-										5	400						
238	Trung tâm Y tế Cẩm Khê		-							33	32	50	0	2.460						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							33	32	50	-	160						
-	Y tế xã, thị trấn		-										0	2.300						
239	Trung tâm Y tế Thanh Thuỷ		-							25	25	40	-	600						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							25	25	40	-	100						
-	Y tế xã, thị trấn		-										-	500						
240	Trung tâm Y tế Yên lập		-							28	27	20	41	2.340						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							28	27	20	34	140						
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng		-										7	2.200						
241	Trung tâm Y tế Thanh sơn		-							32	31	40	95	3.100						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-							32	31	40	89	300						
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng		-										6	2.800						
242	Trung tâm Y tế Tân sơn		-									20	17	1.150						
-	Chỉ định mức của TT y tế		-									20	12	50						
-	Y tế xã, thị trấn (Đã bao gồm y tế vùng		-										4	1.100						
243	Chi cục Dân số		-							70	66	-	52							
-	Chi theo định mức biên chế		-							15	15	-	52							
-	Kinh phí tuyên truyền, tập huấn nghiệp vụ về công tác dân số		-							25	24									
-	Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa TSCĐ		-							30	27									
244	TT huấn luyện thể dục thể thao		-							86	82	-	2							
-	Định mức		-							36	34	-	2	-						
-	Chi xây dựng nhà luyện tập 850 triệu; sửa chữa sân bắn cung 150 triệu		-							50	48									
-	Chi đào tạo VĐV thể thao thành tích cao		-											-						
245	Trung tâm Khai thác các công trình Thể		-							117	110	-	35	1.750						
-	Chỉ định mức		-							12	11	-	35	1.750						
-	Chi thưởng giải bóng chuyền Cúp Hùng		-																	
-	Mua sắm tài sản, thiết bị		-							30	27									
-	Chi duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, đường cấp thoát		-							25	24									
-	Chi tiền điện; bảo vệ 3 công trình		-																	
-	Chi tổ chức các giải thể thao cấp tỉnh		-							50	48			-						
246	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh		-							586	546	500	300	6.000						

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																		
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực																		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương				Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Chi định mức		-							76	72	500	300	6.000						
-	Chi tiền nhuận bút		-																	
-	Chi tăng thời lượng phát sóng và mua bản quyền các chương trình theo chuẩn HD		-							175	166									
-	Chi tiền điện, tiền nước , nhiên liệu, công tác phí , chi phí nghiệp vụ chuyên môn do phát sóng lên vệ tinh.		-							135	128									
-	Chi thuê bao kênh vệ tinh (kênh HD)		-																	
-	Chi đầu tư cơ sở vật chất (đã bao gồm đầu tư cơ sở vật chất theo chuẩn HD)		-							200	180									
II	CHI SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH VÀ KINH TẾ KHÁC		15.000																	
1	Kinh phí hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch		7.000																	
2	Bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh		2.000																	
3	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp Cụm Công		3.000																	
4	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp sân vận động huyện Yên Lập		3.000																	
III	CHI AN NINH				10.700															
IV	CHI QUỐC PHÒNG					18.900														
V	CHI THỰC HIỆN LUẬT DQTV, PLCA VÀ CÁC NHIỆM VỤ ANQP KHÁC						28.480													
VI	CHI KHÁC NGÂN SÁCH (Đã bao gồm KF đảm bảo hoạt động Hội thẩm nhân dân - Tòa án nhân dân tỉnh 500 triệu							10.000												
VII	MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC THEO	3.000	297.641	55.250	-	-	-	-	48.621	10.233	9.351	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Kinh phí thi đua khen thưởng		-																	
2	Kinh phí triển khai thi hành pháp luật (tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật ; xây dựng, biên soạn, cấp phát tài liệu tuyên		-																	
3	Chi cải cách hành chính		-							50	45									
4	Kinh phí bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2020.		-																	
5	Kinh phí kiểm tra, rà soát văn bản pháp luật các ngành		-																	
6	Ban chỉ đạo cải cách tư pháp tỉnh Phú Thọ (Toà án tỉnh)		-																	
7	Kinh phí thống kê, tổng hợp 18 chỉ tiêu cấp xã; rà soát, khảo sát thống kê hộ, nhân		-																	
8	Sửa chữa, mua sắm phương tiện		-							800	710									
9	Kinh phí tổ chức thực hiện những ngày lễ lớn; kinh phí tổ chức đại hội thi đua yêu		-							400	360									
10	Kinh phí thực hiện ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan		-		-	-	-	-	-											
11	Chi nghiệp vụ đối ngoại và xúc tiến đầu		-							600	540									

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
12	Chi hoạt động các lực lượng thực hiện nhiệm vụ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông theo quy định		-																	
13	Kinh phí đảm bảo hoạt động của các lực lượng xử phạt (Không bao gồm phạt an toàn giao thông) theo Thông tư số		-																	
14	Hỗ trợ thiết bị và hoạt động nghiệp vụ hệ thống triển khai diện rộng hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc		-																	
15	Kinh phí đối ứng các dự án có tính chất		-																	
16	Kinh phí hỗ trợ chênh lệch giữa giá in và giá bán báo Phú Thọ		-																	
17	Chi đảm bảo hoạt động khối đoàn thể		-							90	81									
18	Chi các nghiệp vụ phát sinh theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy		-							130	117									
19	Kinh phí hỗ trợ thành lập HTX		-																	
20	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp		-							100	90									
21	Hỗ trợ các trường mầm non, tiểu học và THPT đạt chuẩn quốc gia; mức hỗ trợ: 15 trường MN + 06 trường TH x 200 triệu/trường; 15 trường THCS x 300		-																	
22	Dự kiến các nhiệm vụ phát sinh và tăng biên chế khối tỉnh		-							700	630									
23	Hỗ trợ học sinh bán trú và Trường phổ thông dân tộc bán trú (Bổ sung có mục		-																	
24	Hỗ trợ học sinh phổ thông TH ở vùng có điều kiện KTXHĐBKK (Bổ sung có mục		-		-	-	-	-	-											
25	Hỗ trợ chính sách giáo dục đối với người khuyết tật (Bổ sung có mục tiêu từ		-																	
26	Hỗ trợ tuyên truyền phổ biến pháp luật		-							50	45									
27	Chi chế độ sinh viên cử tuyển trả cho các trường đại học		-		-	-	-	-	-											
28	Hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho DNNVV		-																	
29	Kinh phí quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo QĐ số 33/2015/QĐ-TTg ngày		-																	
30	Kinh phí hỗ trợ học phí cho các đối tượng học trung cấp nghề và cao đẳng nghề.		-							700	630									
31	Chi công tác giáo dục đào tạo an ninh quốc phòng theo NĐ 116 và đào tạo khác		-																	
32	Chi đào tạo sau đại học và chế độ ưu đãi thu hút tay nghề cao		-																	
33	Kinh phí mở các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức theo kế hoạch (chi đào		-																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
34	Kinh phí đào tạo sau đại học và đào tạo lại khối Đảng, đoàn thể cấp tỉnh		-																	
35	Chi các khoản phát sinh khối đào tạo		-							500	450									
36	Hỗ trợ đào tạo cán bộ HTX (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương)		-																	
37	Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế theo luật		-																	
38	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành		-							1.000	900									
39	Hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích cấp		-							-	-									
40	Kinh phí tổ chức Giỗ tổ Hùng vương 2015 và tổ chức các ngày lễ lớn		-							600	540									
41	Chi lập hồ sơ di sản văn hoá phi vật thể tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đề nghị đưa vào Danh mục di sản văn hóa		-							70	63									
42	Kinh phí triển khai thực hiện phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (Liên đoàn Lao		-							50	45									
43	Kinh phí thực hiện Đề án "Xây dựng đời sống văn hoá công nhân ở khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020" theo QĐ 1780/QĐ-TTg ngày		-							70	63									
44	Kinh phí thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá phi vật thể - Hát Xoan Phú Thọ (Giai đoạn 2013-2020) theo QĐ số 2058/QĐ-TTg ngày 07/11/2013của		-							500	450									
45	Xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận Khu di tích lịch sử Đền Hùng là khu du lịch Quốc		-							50	45									
46	Hỗ trợ kinh phí sáng tạo báo chí của Hội văn học Nghệ thuật : và hội Nhà báo địa phương: (Bổ sung có mục tiêu từ ngân		-																	
47	Hỗ trợ hoạt động văn hoá cho các ngành,		-							150	135									
48	Hỗ trợ đội bóng chuyền (Công an tỉnh)		-																	
49	Chi chế độ tiền ăn + luyện tập VĐV		-																	
50	Chi cải tạo , sửa chữa các công trình khu liên hiệp thể thao Tỉnh		-							500	450									
51	Hỗ trợ TDTT các ngành đoàn thể		-							100	90									
52	Chi thực hiện quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng (29 thôn bản và		2.140																	
53	Kinh phí thực hiện các chương trình sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh		60.460							3.023	2.872									
54	Kinh phí khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng		3.550		-	-	-	-	-											
55	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự	-	26.000	-	-	-	-	-	-											
-	Cải tạo, nâng cấp, nạo vét, nắn chỉnh hệ thống ngòi tiêu Dậu Dương thuộc các huyện: Tam Nông, Thanh Thuỷ		9.000																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đê tả, đê hữu ngòi Cỏ kết hợp làm đường sơ tán dân		5.000																	
-	Cải tạo, xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ vỏ sông đoạn Km93-Km93,7 đê tả sông Thao, thuộc địa phận xã Cao Xá huyện		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đập thuỷ lợi Mài Dao xã Xuân Thuỷ huyện Yên Lập		7.000																	
56	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách theo QĐ số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 (khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn); Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ (Về chính sách hỗ		2.000																	
57	Chi hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất lúa (Bổ sung có mục tiêu từ NSTW).		30.300																	
58	Kinh phí thực hiện thuỷ lợi phí		80.691																	
59	Hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn		4.000																	
60	Khắc phục giao thông sau bão, lũ đảm bảo giao thông trên các tuyến đường tỉnh 313B, 316B và 321C.		7.500																	
61	Kinh phí chúc thọ và tặng quà cho người cao tuổi 90 tuổi (2000 cụ x 400) và 100		-																	
62	Trợ cấp hàng tháng cho TNXP theo TT số 08/2012/TTLT BTC-BLĐ-BNV (100 người x360x12)		-																	
63	Kp chi cho đối tượng bảo trợ XH được chăm sóc, nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội ngoài công lập theo		-																	
64	Chi bổ sung có mục tiêu theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính cho sự	-	81.000	-	-	-	-	-	-											
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông nông thôn liên xã Đào Xá - Hoàng Xá,		7.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường sơ tán dân đoạn Ninh Dân - Đông Thành - Thanh Vinh thuộc huyện Thanh Ba và thị xã Phú Thọ		7.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Ngọc Lập-Ngọc Đồng, huyện Yên Lập		7.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba – Hạ Hòa – Đoan Hùng		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tránh lũ, sơ tán dân qua địa bàn các xã: Hương Lung, Cấp Dẫn, Tùng Khê, Đồng Cam, Thuỵ Liễu, Ngô Xá, Phượng Vĩ, Văn Bán huyện Cẩm Khê (đoạn Cấp Dẫn- Đường tỉnh 321)		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đoạn 1,5 km qua thị trấn Hưng Hoá, thuộc dự án nâng cấp cải tạo đường giao thông Tân Phương - Hưng		5.000																	

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: 35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương: Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Lang Sơn đi quốc lộ 70B huyện Hạ Hoà		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT liên xã Sơn Tình- Phú Khê huyện Cẩm Khê		9.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Thanh Thủy - Thanh Sơn (Đối với đoạn thuộc địa bàn huyện Thanh Thủy)		7.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Nghinh Xuyên huyện Đoan Hùng (từ thôn		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 321C, đoạn Lương Sơn - Phượng Vĩ (Km0+000-Km6+600) huyện Yên Lập và huyện Cẩm		5.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ ĐT 314 đến trung tâm xã Cáo Điền huyện Hạ Hoà (đoạn Km1+800-Km3+605)		7.000																	
-	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 324 đoạn từ đê tả Sông Thao đến thị trấn Lâm Thao		7.000																	
65	Điều tra triệt phá ổ nhóm, lập hồ sơ phòng chống mại dâm (Công an Tỉnh)		-																	
66	Điều tra triệt phá đường dây buôn bán phụ nữ và trẻ em (Công an Tỉnh)		-																	
67	Mục tiêu quản lý trẻ em làm trái pháp luật (Công an Tỉnh)		-																	
68	Hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (Bổ sung có mục tiêu từ		-																	
69	Chi hỗ trợ đổi mới công nghệ cho các	3.000	-																	
70	Kinh phí xác định hệ số điều chỉnh Bảng giá đất năm 2017.		-	250																
71	Kinh phí chăm sóc cây, hoa cảnh và vệ sinh môi trường Khu Di tích Đền Hùng		-	2.000																
72	Kinh phí hỗ trợ các doanh nghiệp công ích và bù lỗ theo quy định		-	23.000	-	-	-	-	-											
73	Kinh phí thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận QSD đất		-	30.000																
74	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách	-	-	-	-	-	-	-	48.621											
	- Kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ: BHXH cho cán bộ không chuyên trách cấp xã; hỗ trợ người có thu nhập thấp; kinh phí tăng biên chế, BHYT các								40.621											
	- Các nhiệm vụ khác của ngân sách địa								8.000											
C	**CHI THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TỪ NGUỒN DO HĐND TỈNH GIAO TĂNG SO VỚI TRUNG**														**1.525**					
D	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI**															**1.200**				
E	**DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**																**89.530**			
F	**DỰ KIẾN CHI TỪ NGUỒN HUY ĐỘNG ĐẦU TƯ THEO KHOẢN 3 - ĐIỀU 8 LUẬT NSNN**																	**300.000**		

TT	Tên đơn vị	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2016																		
		Chi cân đối ngân sách																	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách trung ương	Chi bổ sung cho ngân sách các huyện, thành, thị
		Chi thường xuyên theo lĩnh vực												Các khoản thu	Chi thực hiện CCTL từ nguồn do HĐND tỉnh giao tăng so với TƯ quy định	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Dự phòng ngân sách	Chi theo khoản 3 - Điều 8 Luật NSNN		
		KHCN	Sự nghiệp kinh tế	TN -MT	An ninh	Quốc phòng	Chi hỗ trợ Luật DQTV và Pháp lệnh CA xã và các nhiệm vụ AN-QP khác	Chi khác ngân sách	Chi thực hiện các chế độ, chính sách khác theo quy định	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương										
										10% TK làm nguồn CCTL	10% TK tăng thêm thực hiện CCTL	35-40% số thu để làm nguồn CCTL	Nguồn CCTL còn dư tại đơn vị đến hết năm 2014 (Theo Kết luận Kiểm toán)							
G	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**																		**1.555.103**	
H	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ**																			**3.441.547**